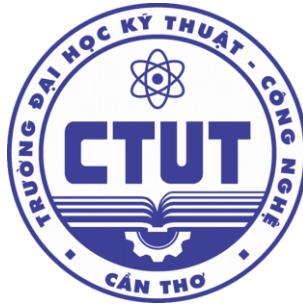


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2015-2019)**

Cần Thơ, tháng 05/2020



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng ĐBCLKT	Thư ký	
4.	Nguyễn Thị Yên Chi	Trưởng phòng TCHC	Thành viên	
5.	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6.	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	PT. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên	
7.	Lê Hồng Tuyên	P. Trưởng phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên	
8.	Trần Long Hải	Trưởng phòng TCKT	Thành viên	
9.	Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên	
10.	Trịnh Đình Sơn	P. Trưởng phòng ĐBCLKT	Thành viên	
11.	Nguyễn Bá Duy	GD. Trung tâm NN-TH	Thành viên	
12.	Nguyễn Đăng Khoa	GD. Trung tâm ĐTBĐ	Thành viên	
13.	Nguyễn Hoàng Viện	Bí thư Đoàn TN	Thành viên	
14.	Lưu Thu Thủy	Trưởng khoa Khoa KHCĐ Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
15.	Dương Trung Nghĩa	P. Trưởng khoa CNTT	Thành viên	
16.	La Bảo Trúc Ly	PT. khoa QLCN	Thành viên	
17.	Đoàn Thị Kiều Tiên	Phó trưởng khoa CNTP và CNSH	Thành viên	
18.	Võ Minh Thiện	Phó trưởng khoa Điện - ĐT-VT	Thành viên	
19.	Lê Minh Đăng	SV lớp Cơ điện tử 2018	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	9
Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ	11
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	11
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển.....	11
1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường.....	11
1.3. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường	11
1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ	13
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường.....	14
2.1. Các quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.....	14
2.2. Những thách thức chính của Trường và kế hoạch khắc phục	15
2.3. Những điểm mạnh, cơ hội và cách mà Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	15
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	17
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	20
Tiêu chí 1.4.....	21
Tiêu chí 1.5	22
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	24
Tiêu chí 2.1	24
Tiêu chí 2.2	25
Tiêu chí 2.3	26
Tiêu chí 2.4:	27
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	30

Tiêu chí 3.1:	30
Tiêu chí 3.2.	31
Tiêu chí 3.3	32
Tiêu chí 3.4.	33
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	36
Tiêu chí 4.1	36
Tiêu chí 4.2	36
Tiêu chí 4.3.	37
Tiêu chí 4.4	38
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng... 40	
Tiêu chí 5.1	40
Tiêu chí 5.2	41
Tiêu chí 5.3	43
Tiêu chí 5.4	43
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực	45
Tiêu chí 6.1.	45
Tiêu chí 6.2	46
Tiêu chí 6.3.	47
Tiêu chí 6.4	48
Tiêu chí 6.5	49
Tiêu chí 6.6	51
Tiêu chí 6.7	51
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	54
Tiêu chí 7.1	54
Tiêu chí 7.2	55
Tiêu chí 7.3	57
Tiêu chí 7.4	59

Tiêu chí 7.5.....	61
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	64
Tiêu chí 8.1	64
Tiêu chí 8.2.....	65
Tiêu chí 8.3.....	67
Tiêu chí 8.4.....	68
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	70
Tiêu chí 9.1	70
Tiêu chí 9.2.....	72
Tiêu chí 9.3.....	73
Tiêu chí 9.4.....	74
Tiêu chí 9.5.....	75
Tiêu chí 9.6.....	75
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	77
Tiêu chí 10.1	77
Tiêu chí 10.2.....	78
Tiêu chí 10.3.....	79
Tiêu chí 10.4.....	80
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	82
Tiêu chí 11.1	82
Tiêu chí 11.2.....	83
Tiêu chí 11.3.....	84
Tiêu chí 11.4.....	85
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng.....	87
Tiêu chí 12.1.....	87
Tiêu chí 12.2.....	88
Tiêu chí 12.3.....	89

Tiêu chí 12.4	89
Tiêu chí 12.5	90
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	92
Tiêu chí 13.1	92
Tiêu chí 13.2	93
Tiêu chí 13.3	94
Tiêu chí 13.4	95
Tiêu chí 13.5	96
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	98
Tiêu chí 14.1	98
Tiêu chí 14.2	100
Tiêu chí 14.3	101
Tiêu chí 14.4	102
Tiêu chí 14.5	102
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	105
Tiêu chí 15.1	105
Tiêu chí 15.2	106
Tiêu chí 15.3	106
Tiêu chí 15.4	107
Tiêu chí 15.5	109
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	111
Tiêu chí 16.1	111
Tiêu chí 16.2	112
Tiêu chí 16.3	113
Tiêu chí 16.4	115
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	117
Tiêu chí 17.1	117

Tiêu chí 17.2.....	118
Tiêu chí 17.3.....	119
Tiêu chí 17.4.....	120
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	122
Tiêu chí 18.1.....	122
Tiêu chí 18.2.....	123
Tiêu chí 18.3.....	125
Tiêu chí 18.4.....	126
Tiêu chuẩn 19: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	127
Tiêu chí 19.1	127
Tiêu chí 19.2	128
Tiêu chí 19.3.....	129
Tiêu chí 19.4.....	129
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	130
Tiêu chí 20.1	130
Tiêu chí 20.2.....	131
Tiêu chí 20.3.....	133
Tiêu chí 20.4.....	133
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	136
Tiêu chí 21.1	136
Tiêu chí 21.2.....	136
Tiêu chí 21.3.....	137
Tiêu chí 21.4.....	138
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	141
Tiêu chí 22.1	141
Tiêu chí 22.2.....	142

Tiêu chí 22.3	144
Tiêu chí 22.4	145
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	148
Tiêu chí 23.1	148
Tiêu chí 23.2.	149
Tiêu chí 23.3.	150
Tiêu chí 23.4	152
Tiêu chí 23.5	153
Tiêu chí 23.6	154
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	156
Tiêu chí 24.1	156
Tiêu chí 24.2	158
Tiêu chí 24.3	160
Tiêu chí 24.4	162
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	164
Tiêu chí 25.1	164
Tiêu chí 25.2	167
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD	169

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT NGUYÊN
1.	BCH	Ban chấp hành
2.	BGH	Ban Giám hiệu
3.	BCN	Ban chủ nhiệm
4.	CB	Cán bộ
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	CBGV	Cán bộ giảng viên
7.	CBVC	Cán bộ viên chức
8.	CĐR	Chuẩn đầu ra
9.	CLGD	Chất lượng giáo dục
10.	CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
11.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
12.	ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
13.	ĐHKTCNCT	Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ
14.	CNTP	Công nghệ thực phẩm
15.	CNTT	Công nghệ thông tin
16.	CTDH	Chương trình dạy học
17.	CTĐT	Chương trình đào tạo
18.	CSGD	Cơ sở giáo dục
19.	CSVC	Cơ sở vật chất
20.	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
21.	CTSV	Công tác sinh viên
22.	CVHT	Cố vấn học tập
23.	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
24.	ĐGN	Đánh giá ngoài

25.	ĐT	Đào tạo
26.	HTQT	Hợp tác quốc tế
27.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
28.	KHCN	Khoa học công nghệ
29.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30.	NCKH-HTQT-TTr-PC	Nghiên cứu khoa học – Hợp tác quốc tế - Thanh tra – Pháp chế
31.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
32.	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
33.	TC-HC	Tổ chức - Hành chính
34.	TC-KT	Tài chính – Kế toán
35.	ThS	Thạc sĩ
36.	TS	Tiến sĩ
37.	SV	Sinh viên
38.	UBND TPCT	Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
39.	VC	Viên chức

Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0.

Giá trị cốt lõi: " Chất lượng - Sáng tạo - Năng động- Phát triển ".

Triết lý giáo dục: " Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

1.3. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

1.3.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên

Tính đến tháng 12 năm 2019, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 196 người, trong đó giảng viên cơ hữu 169 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 15 người, nhân viên 11 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 01 PGS, 22 TS, 125 ThS và 21 ĐH. Nhà trường có thỉnh giảng một số giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 18 TS, 127 ThS. Tổng số sinh viên của trường là 3109 sinh viên thuộc 14 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy.

1.3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2013 tới nay, Trường có 12 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 01 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích. Trong năm 2018, Trường có 09 đề tài NCKH cấp cơ sở đăng ký mới, 04 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Ngoài ra, từ năm 2014 tới nay, Trường đã có 36 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 53 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có phản biện độc lập, 46 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu khoa học trong sinh viên cũng được quan tâm, một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Từ năm 2014 đến nay, Trường có 137 báo cáo khoa học cấp khoa, 37 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2018,

Trường đã tổ chức được 17 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 05 Báo cáo khoa học cấp Trường.

1.3.3. Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Tại đây nhiều tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyên giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều chính quyền địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nuôi 06 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đồng thời thăm hỏi những gia đình cán bộ chính sách, có công với đất nước. Hằng năm Nhà trường tổ chức cho tổ chức Đoàn Thanh niên cử sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

1.3.4. Hoạt động quan hệ hợp tác

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty nước ngoài. Từ năm 2015 đến năm 2019, Trường đã ký kết được 10 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học California Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản). Trường hợp tác với Học viện Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajahat Rajanagarinda (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trong năm 2019, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT”. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2016, Trường tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Nhà trường

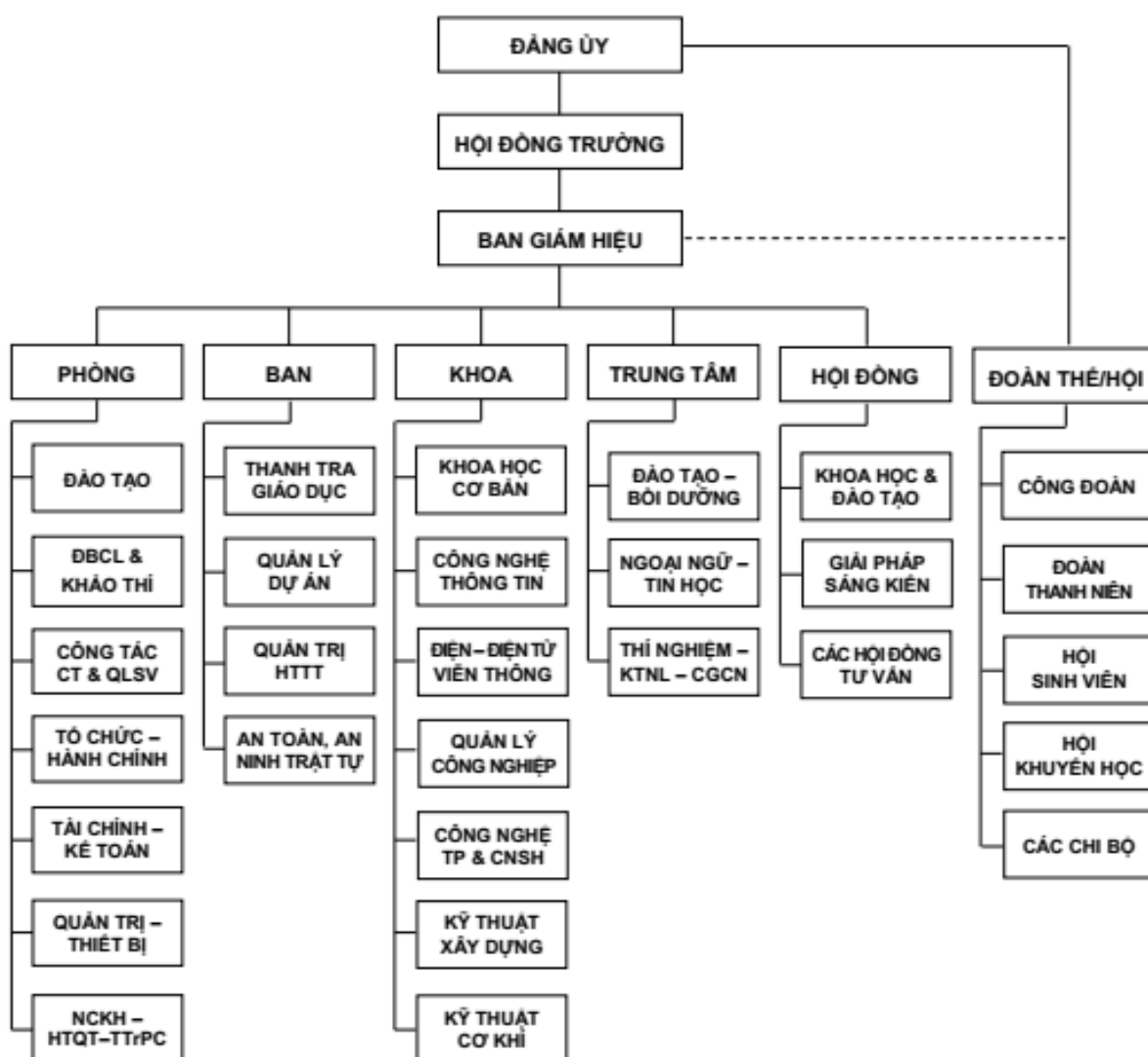
với Doanh nghiệp. Cũng trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự.

1.3.5. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

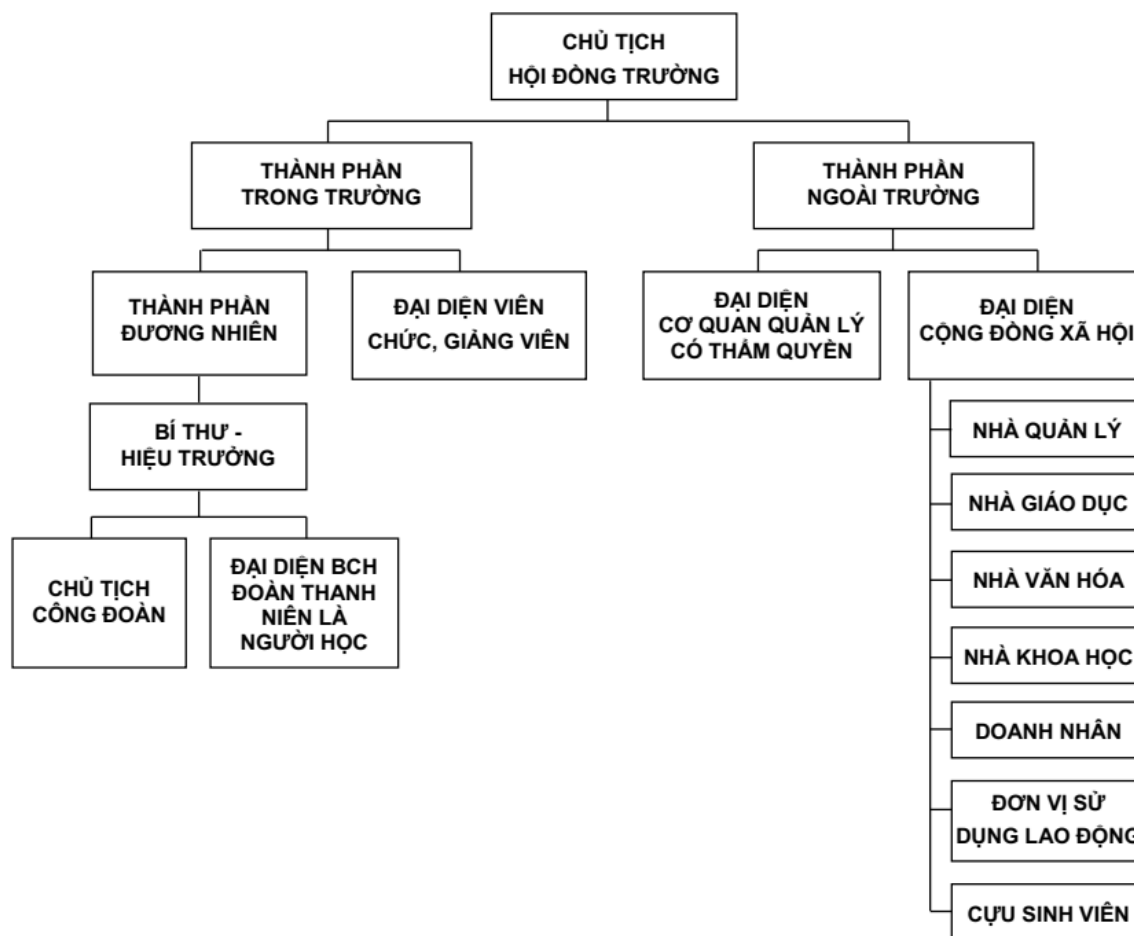
1.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường



Ghi chú:

————— : quan hệ lãnh đạo
 - - - - - : quan hệ phối hợp

1.4.2. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường



2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường

2.1. Các quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở công lập, đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, khu vực vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài thành phố.

Nhà trường luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD), nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác ĐBCLGD và hướng đến kiểm định chất lượng (KĐCL) trường đại học và KĐCL chương trình đào tạo để tìm ra những tồn tại, hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch điều chỉnh, cải tiến ngày càng hoàn thiện hơn.

Trước xu thế phát triển của giáo dục đại học thế giới nói chung Việt Nam nói riêng, đòi hỏi việc hòa nhập và công nhận lẫn nhau trong tất cả các lĩnh vực hoạt động,

Nhà trường luôn nhận thức được tính cấp thiết và tầm quan trọng của công tác ĐBCLGD và tự đánh giá KĐCL giáo dục.

2.2. Những thách thức chính của Trường và kế hoạch khắc phục

Trước sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, thế giới và Việt Nam đang bước vào thời kỳ “cách mạng công nghệ 4.0” đã và đang mang đến cho các trường đại học nói chung, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ nói riêng một số thách thức. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xác định 04 nguy cơ thách thức chính và có kế hoạch, giải pháp khắc phục những thách thức này.

Thứ nhất, sự cạnh tranh giữa các trường đại học trong và ngoài nước. Trước tình hình rất nhiều trường đại học trong nước không đủ chỉ tiêu tuyển sinh, trong khi các trường đại học nước ngoài không ngừng mời gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các thí sinh du học; Nhà trường luôn đặt mục tiêu chất lượng đào tạo lên hàng đầu và xác định chỉ có nâng cao chất lượng giáo dục mới tồn tại và cạnh tranh lành mạnh với các trường đại học trong và ngoài nước.

Thứ hai, việc đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Thực tế tiếp nhận sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường, nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng phải tốn kém thời gian đào tạo lại cho sinh viên. Do đó, Nhà trường xác định mục tiêu đào tạo của Trường theo định hướng ứng dụng. Theo đó, tất cả các học phần cơ sở và chuyên sâu của các chương trình đào tạo đều có nội dung thực hành, thí nghiệm. Sinh viên ra trường phải đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Thứ ba, vấn đề giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường. Để giải quyết việc làm cho sinh viên, Nhà trường luôn quan tâm duy trì và phát triển các mối quan hệ với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tốt nghiệp cũng như tạo sự gắn kết giữa sinh viên và doanh nghiệp, giúp các sinh viên có thể quay trở lại doanh nghiệp làm việc sau khi tốt nghiệp. Trong các buổi tọa đàm định kỳ hằng năm giữa Ban giám hiệu, lãnh đạo các khoa phòng và sinh viên, Nhà trường đặc biệt quan tâm những đề xuất, góp ý của sinh viên về vấn đề việc làm và cam kết giải quyết tìm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp của Trường.

Thứ tư, vấn đề NCKH và chuyển giao công nghệ. Trong những năm qua, chi phí dành cho NCKH chưa thật sự đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường. Nhà trường luôn khuyến khích các giảng viên nghiên cứu, đăng ký đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là các đề tài triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho các địa phương, đề xuất giải pháp hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp nhằm kích thích khả năng NCKH và chuyển giao công nghệ của lực lượng cán bộ khoa học của Nhà trường.

2.3. Những điểm mạnh, cơ hội và cách mà Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

2.3.1. Điểm mạnh của Trường

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ tọa lạc tại thành phố Cần Thơ, là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thuận tiện cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường có 02 cơ sở, cơ sở I tọa lạc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, cơ sở II tọa lạc tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ và đang được UBND thành phố Cần Thơ quan tâm, đầu tư xây dựng 5,7ha trên tổng thể 17,69 ha.

Về đội ngũ CB, GV, NV: Đội ngũ CB, GV, NV của Trường có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn CB, GV, NV. Đặc biệt, Nhà trường có đội ngũ GV trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo từ các trường danh tiếng trong và ngoài nước, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp đào tạo và phát triển Trường.

Nhà trường luôn mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước với các doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, các trường đại học, cựu sinh viên, tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực.

2.3.2. Cơ hội của Trường

Xuất phát từ nhu cầu nguồn lực kỹ thuật công nghệ chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ nói riêng, khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung là cơ hội thuận lợi để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Xu thế hội nhập thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ việc trao đổi, hợp tác và huy động nguồn lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà nước ngày càng quan tâm, chú trọng và có nhiều chính sách cho nền giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

2.3.3. Cách nắm bắt, tận dụng những điểm mạnh và cơ hội

Về đội ngũ giảng viên: Nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng giảng viên, có năng lực chuyên môn đảm bảo chuẩn nhà giáo theo quy định, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại để Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường trọng điểm cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Về đào tạo: Nhà trường coi trọng và tăng cường đổi mới đào tạo theo hướng phát huy năng lực của người học. Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội và xu thế hiện đại hóa của giáo dục đại học; ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy và học. Duy trì thường xuyên công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Nhà trường tăng cường tạo điều kiện, cơ chế và chính sách cho cán bộ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động sáng tạo kỹ thuật. Chủ động hội nhập, tận dụng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế để triển khai các dự án, các nội dung ghi nhớ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học đã được ký kết.

Về tổ chức, quản lý: Nhà trường tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng lề lối, phương pháp làm việc của các đơn vị trực thuộc Trường theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Thường xuyên xem xét, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng bên trong nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Phụ lục 1)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng [H1.01.01.01]. Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường đã căn cứ vào Điều lệ trường đại học, trên cơ sở đó Nhà trường ban hành và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Ngay từ khi thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong Đề án thành lập Trường, Nhà trường xác định mục tiêu: “Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Phần đầu đến năm 2021, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước” [H1.01.01.04]. Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường đã rà soát, cập nhật tầm nhìn và sứ mạng của Trường vào năm 2015, 2017 và 2020. Tháng 3 năm 2015, tầm nhìn, sứ mạng của Trường được công bố tại Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/3/2015 của Hiệu trưởng, đó là: về sứ mạng “Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung; Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định: “Phần đầu đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước” [H1.01.01.05]. Tháng 4 năm 2017, tầm nhìn, sứ mạng của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 155/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/4/2017 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: “Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp tiếp cận với thực tiễn trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long”. Bên cạnh đó, tầm nhìn của Nhà trường là: “Hướng đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo hướng nghiên cứu, thực hành ngang tầm các trường đại học khối ngành kỹ thuật - công nghệ trong nước” [H1.01.01.06]. Tháng 02 năm 2020, tầm nhìn, sứ mạng của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: “Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước” Tầm nhìn của Nhà trường là: “Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0” [H1.01.01.07].

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đảng ủy và BGH luôn chỉ đạo các phòng chức năng tham mưu xây dựng, rà soát tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H1.01.01.08]. Tuy nhiên đến năm 2020, Nhà trường mới thành lập Ban rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, trong đó Trường ban rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục là Hiệu trưởng và Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị thường trực [H1.01.01.09]. Phòng TC – HC dự thảo sửa đổi, bổ sung nội dung TN, SM, GTCL, TLGD và gửi đến các đơn vị để lấy ý kiến của CB, GV, SV [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Các ý kiến của các đơn vị được gửi về Phòng TC – HC để tổng hợp và gửi đến Ban rà soát TN, SM, GTCL, TLGD tham khảo trong quá trình điều chỉnh TN, SM của Trường. Bên cạnh đó, Phòng ĐBCL&KT triển khai lấy ý kiến của cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp thông qua trang website trường và gửi kết quả khảo sát để Ban rà soát TN, SM, GTCL, TLGD tham khảo trong quá trình điều chỉnh TN, SM của Trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15]. Trong quá trình thông qua TN, SM, GTCL, TLGD, Ban rà soát TN, SM, GTCL, TLGD của Trường chú trọng sử dụng ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.16], [H1.01.01.17].

Trong quá trình xây dựng, rà soát TN, SM, GTCL, TLGD, Ban rà soát TN, SM, GTCL, TLGD tham khảo các nội dung chiến lược phát triển giáo dục, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước thông qua các văn bản của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ như: Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”; Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2015-2020 [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H1.01.01.22]. Ban rà soát TN, SM, GTCL, TLGD phân công các thành viên nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của ngành và địa phương, cả nước trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.17]. Ngoài ra, TN, SM, GTCL, TLGD của Trường được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Trường cũng như định hướng phát triển của BCH Đảng bộ Nhà trường [H1.01.01.22].

Trong các cuộc họp định kỳ hàng năm, hàng quý, hàng tháng của Đảng ủy và BGH, Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.23]. Trên cơ sở đó, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường được xây dựng và BGH phê duyệt để triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.24]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.25]. Kế hoạch năm học và kế hoạch hoạt động của Nhà trường và của các đơn vị được xây dựng theo TN, SM đã xác định. Ngoài ra, trong

kế hoạch năm học của Trường, BGH Nhà trường luôn có các nội dung về việc chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý việc các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã xác định [H1.01.01.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị căn cứ giá trị cốt lõi để định hướng cho các hoạt động của Trường và đơn vị [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Năm 2017, Nhà trường ban hành Quyết định số 155/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/4/2017 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong đó giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: “Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển bền vững” [H1.01.02.03]. Đến năm 2020, Nhà trường ban hành Quyết định về việc công bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong đó giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: “Chất lượng - Sáng tạo - Năng động- Phát triển” [H1.01.02.04].

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định dựa trên các giá trị truyền thống của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ. Hơn 30 năm hình thành và phát triển, Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ) giao chuẩn hóa cán bộ, nâng cao dân trí, thực hiện xã hội hóa giáo dục, đóng góp đáng kể vào thành tích phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], [H1.01.02.09]. GTCL của Nhà trường đồng thời được xác định phù hợp với SM, TN của Trường và được phổ biến, quán triệt trong đội ngũ CB, GV, NV, SV nhằm hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược [H1.01.02.10], [H1.01.02.11].

Nhà trường thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục [H1.01.02.12]. Ban Công tác phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên là đại diện các đơn vị trực thuộc để tiến hành rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.02.13]. Phòng TC-HC là đơn vị lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức; các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm lấy ý kiến của SV; Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên chịu trách nhiệm lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài Trường (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng) về TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.02.14]. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan về TN, SM, GTCL, TLGD được Phòng TC-HC tổng hợp, gửi đến Ban Công tác tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.02.15]. Trong quá trình thảo luận và thông qua TN, SM, GTCL, TLGD của Trường, Ban Công tác luôn chú trọng đến việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan [H1.01.02.16]. Để phát huy GTCL, trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho toàn thể CB, GV, NV, SV về GTCL của Trường [H1.01.02.01]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường tại các cuộc họp giao ban định kỳ luôn quán triệt, giao nhiệm vụ cho các trưởng phòng, khoa, trung tâm, các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV chú trọng giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.17]. Hằng năm, trong kế hoạch năm học của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể luôn có các hoạt động cụ thể để triển khai các GTCL của Trường [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20]. Đối với CB, VC,

Công đoàn trường phối hợp với các đơn vị thuộc Trường tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, ngày truyền thống nhà giáo, hội diễn văn nghệ quần chúng, thi nấu ăn, thi hát karaoke, giao lưu văn nghệ, thể thao và được toàn thể CB, VC tích cực tham gia [H1.01.02.21]. Đối với SV, Đoàn Thanh niên Trường phối hợp Hội SV Trường, Đoàn khoa tổ chức các hoạt động phong trào và được đoàn viên, SV tích cực tham gia như: Hội thi Sinh viên thanh lịch, Hội thi tiếng hát sinh viên, Thanh niên tình nguyện mùa hè xanh..., đồng thời thành lập nhiều câu lạc bộ như: CLB tiếng Anh, CLB võ thuật,... nhằm tạo cho SV luôn năng động, sáng tạo trong học tập, phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.22], [H1.01.02.23]. Trong công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường phổ biến, tuyên truyền về GTCL của Trường thông qua ngày hội tư vấn tuyển sinh do các Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức, đồng thời Nhà trường đăng tải trên website của Trường, bản tin, thông tin quảng bá tuyển sinh, các clip giới thiệu về Trường, Sổ tay sinh viên [H1.01.02.24], [H1.01.02.25], [H1.01.02.26], [H1.01.02.27], [H1.01.02.28], [H1.01.02.29]. Ngoài ra, GTCL của Trường được niêm yết tại những nơi dễ thấy trong khuôn viên của Trường [H1.01.02.30].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Mô tả: Trong các Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện công tác truyền thông, phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường đến các bên liên quan [H1.01.03.01]. Trong kế hoạch năm học hằng năm của trường và của các đơn vị trực thuộc luôn có các nội dung truyền thông, phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường đến các bên liên quan [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể có các kế hoạch tổ chức các hoạt động cụ thể để truyền thông, phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường đến toàn thể giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng [H1.01.03.04], [H1.01.03.05]. Phòng TC-HC chủ trì và phối hợp với các đơn vị để viết bài giới thiệu trường, kế hoạch dựng phim giới thiệu Trường [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Phòng CTCT và QLSV phối hợp các Khoa phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục đến sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khóa, biên tập trong Sổ tay GV, Sổ tay SV,... [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Ban Quản trị hệ thống thông tin hỗ trợ các đơn vị phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD đến các bên liên quan bên ngoài thông qua việc đăng tải trên website Trường, website các đơn vị phòng, khoa, trung tâm [H1.01.03.12], [H1.01.03.13].

Ban Giám hiệu Nhà trường luôn chú trọng đến công tác truyền thông, phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD thông qua các bài phát biểu khai mạc tại các hoạt động, sự kiện lớn hằng năm của Nhà trường như: Lễ chào đón tân SV, Lễ khai giảng năm học mới, Lễ tốt nghiệp [H1.01.03.14]. Đoàn Thanh niên phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD thông qua các hoạt động như: hoạt động về việc làm, khởi nghiệp trong sinh viên, chiến dịch sinh viên tình nguyện, phong trào Đoàn, Hội [H1.01.03.15], [H1.01.03.16], [H1.01.03.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai Kế hoạch tổ chức truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Trường thông qua các cuộc họp như: Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, sinh hoạt sinh viên đầu khóa, buổi tọa đàm giữa BGH với SV, buổi sinh hoạt lớp hàng tháng của CVHT, niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, đăng tải nội dung trên pano, tờ rơi quảng cáo tuyển sinh [H1.01.03.18], [H1.01.03.19], [H1.01.03.20], [H1.01.03.21], [H1.01.03.22]. Đồng thời, Nhà trường gửi công văn, thông báo về TN,

SM, GTCL, TLGD đến các cựu SV, cựu GV, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp là đối tác của Nhà trường [H1.01.03.23]. Ngoài ra, Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD trong quá trình thảo luận và thông qua TN, SM, GTCL, TLGD của Trường luôn chú trọng đến việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan nhằm điều chỉnh, bổ sung nội dung cụ thể của TN, SM, GTCL, TLGD của Trường đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.03.24], [H1.01.03.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.4: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Căn cứ Đề án thành lập trường, Nhà trường đã ban hành tầm nhìn, sứ mạng vào năm 2015 và điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược vào năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình ban hành tầm nhìn, sứ mạng, Nhà trường chỉ triển khai lấy ý kiến cán bộ, giảng viên trong nội bộ Trường. Nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường trong việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, năm 2019, Nhà trường thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD, trong đó Hiệu trưởng là trưởng ban, các thành viên là Chủ tịch Hội đồng trường, các Phó hiệu trưởng, Trưởng Phòng TC-HC, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT [H1.01.04.01]. Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên để triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.02].

Căn cứ quy định về việc khảo sát các bên liên quan trong công tác ĐBCLGD, năm 2019, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCLGD, trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H1.01.04.03], [H1.01.04.04]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCLGD có khảo sát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.05]. Phòng TC-HC là đơn vị lấy kiến toàn thể CB, VC; các khoa chuyên môn lấy ý kiến của SV; Phòng CTCT và QLSV lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài Trường (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng) về TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.04.06], [H1.01.04.07], [H1.01.04.08], [H1.01.04.09]. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan về TN, SM, GTCL, TLGD được Phòng TC-HC tổng hợp, gửi đến Ban Công tác tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.10].

Năm 2019, Phòng TC-HC thực hiện báo cáo rà soát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường trong đó có đề cập đến ý kiến của các bên liên quan về TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.04.10]. Báo cáo rà soát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường được gửi đến Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD để sử dụng trong quá trình điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp của Ban Công tác có xem xét, tham khảo ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD. [H1.01.04.12]. Trên cơ sở đó, BGH họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường [H1.01.04.13], [H1.01.04.14]. Ngoài ra, trong các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Trường có đề cập đến việc rà soát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường cho phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.04.15].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Trong giai đoạn 2015 - 2019, căn cứ Đề án thành lập trường, Nhà trường đã ban hành tầm nhìn, sứ mạng vào năm 2015 và điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược vào năm 2017 và năm 2019. Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD đồng thời là đơn vị theo dõi, giám sát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.01], [H1.01.05.02]. Ban Công tác phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên thực hiện, trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực và theo dõi, giám sát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.03], [H1.01.05.04].

Trong kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCLGD do Phòng ĐBCL&KT trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện năm 2019 có khảo sát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.05], [H1.01.05.06], [H1.01.05.07]. Phòng TC-HC là đơn vị lấy kiến toàn thể CB, VC; các khoa chuyên môn lấy ý kiến của SV; Phòng CTCT và QLSV lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài Trường (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng) về TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.05.08], [H1.01.05.09], [H1.01.05.10], [H1.01.05.11]. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan về TN, SM, GTCL, TLGD được Phòng TC-HC tổng hợp, gửi đến Ban Công tác tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.12], [H1.01.05.13], [H1.01.05.14], [H1.01.05.15]. Đảng ủy và BGH chỉ đạo điều chỉnh TN, SM 02 lần cho phù hợp trong giai đoạn 2017-2019 và giai đoạn từ năm 2020; điều chỉnh GTCL 01 lần cho phù hợp trong giai đoạn từ năm 2020 [H1.01.05.16]. TLGD của Nhà trường được xây dựng mới cho giai đoạn từ năm 2020 và giai đoạn từ 2013-2019 TLGD của Nhà trường được thực hiện dựa trên chức năng, nhiệm vụ của Trường [H1.01.05.17], [H1.01.05.18].

Năm 2017, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD dựa trên sự phân công nhiệm vụ cho Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị trực thuộc Trường thực hiện và được thể hiện trong kế hoạch rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD. Năm 2019, sau khi thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD, Ban Công tác xem xét, xây dựng quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.02]. Trên cơ sở đó, Ban Công tác đề xuất, trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường, thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.05.19], [H1.01.05.20], [H1.01.05.21], [H1.01.05.22], [H1.01.05.23], [H1.01.05.24], [H1.01.05.25], [H1.01.05.26], [H1.01.05.27], [H1.01.05.28].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường và áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến, tuyên truyền về TN, SM, GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Nội dung TN, SM, GTCL phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ, của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Trong quá trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, Nhà trường có khảo sát, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan để từ đó có cơ sở cải tiến TN, SM, GTCL cho phù hợp, đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- GTCL của Nhà trường “Đoàn kết - Trách nhiệm - Chất lượng - Phát triển” được xây dựng, phát triển dựa trên các giá trị tuyên thệ qua các giai đoạn phát triển của Trường và được phát huy trong các hoạt động của Trường.

- Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quán triệt các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện thành công TN, SM và giữ gìn, phát huy các GTCL của Trường.

- Nhà trường thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD để triển khai rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM, GTCL của Trường và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, các thành viên triển khai rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL của Trường.

- Tham khảo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của các trường ĐH, Nhà trường xây dựng, ban hành và áp dụng quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD.

- Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo rà soát về TN, SM, GTCL của Trường trong đó có đề cập đến ý kiến của các bên liên quan về TN, SM, GTCL và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến TN, SM, GTCL.

- TN, SM, GTCL của Nhà trường được điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan với giai đoạn 2013-2016, 2017-2019 và giai đoạn từ 2020.

- Các bên liên quan bên trong và bên ngoài hiểu biết về TN, SM, GTCL của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động được Nhà trường lấy ý kiến về TN, SM, GTCL còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo về mối liên hệ giữa Nhà trường với doanh nghiệp sử dụng lao động trong công tác đào tạo, NCKH, tuyển dụng, Nhà trường lồng ghép thực hiện lấy ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm nâng cao số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động đóng góp ý kiến về TN, SM, GTCL của Trường. Phòng TC-HC phối hợp với các Khoa lấy ý kiến của CB, GV về quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD để từ đó có cơ sở cải tiến quy trình rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5.0

Tiêu chí 1.1	5.0
Tiêu chí 1.2	5.0
Tiêu chí 1.3	5.0
Tiêu chí 1.4	5.0
Tiêu chí 1.5	5.0

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ. Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng và hoạt động theo mô hình trường đại học công lập [H1.02.01.01]. Căn cứ quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước và pháp luật, đồng thời căn cứ điều kiện cụ thể của Trường nhằm triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và các hoạt động khác trong toàn trường, hệ thống quản trị của Trường được xác định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.02.01.02], [H1.02.01.03], [H1.02.01.04]. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được công bố rộng rãi trên Website của Trường, website của Phòng TC-HC [H1.02.01.05], [H1.02.01.06]. Hội đồng Trường có 23 thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng Trường, Thư ký, các thành viên là BGH, Chủ tịch Công đoàn, Đoàn thanh niên, Trưởng các phòng chức năng (Phòng TC-HC, Phòng ĐT, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng TC-KT) , Trưởng các khoa (Khoa CNTT, Khoa Điện-ĐT-VT, Khoa KTCK, Khoa KTXD, Khoa CNTP&CNSH, Khoa QLCN) và các thành viên bên ngoài trường là Phó Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố (Ban Quản lý Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở GD&ĐT thành phố Cần Thơ, Viễn Thông Cần Thơ, Trường Đại học Bách khoa TP.HCM, Trường Đại học Cần Thơ [H1.02.01.07]. Hiện nay, Nhà trường có 07 phòng ban, 03 trung tâm và 07 khoa trực thuộc. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung, sắp xếp lại, thành lập mới một số đơn vị cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị [H1.02.01.08] [H1.02.01.09]. Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng ủy Khối cơ quan Dân Chính Đảng thành phố Cần Thơ, có nhiệm vụ lãnh đạo các mặt hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ chính trị theo quy định [H1.02.01.10]. Đảng bộ Nhà trường hiện có 10 chi bộ với 92 đảng viên [H1.02.01.11]. BCH Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020 có 09 đảng ủy viên. Công đoàn Trường là công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ, hiện có 14 tổ công đoàn với 189 công đoàn viên [H1.02.01.12]. BCH Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017-2022 có 09 thành viên [H1.02.01.13]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường thuộc Thành Đoàn Cần Thơ, hiện có 59 chi đoàn với 2.722 đoàn viên. BCH Đoàn Thanh niên Trường nhiệm kỳ 2014-2017, nhiệm kỳ 2017-2019, nhiệm kỳ 2015-2020 có 27 thành viên

[H1.02.01.14]. Hội Sinh viên Trường trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam thành phố Cần Thơ, BCH Hội Sinh viên Trường nhiệm kỳ 2015-2020 có 21 thành viên, trong đó có 05 Liên chi hội SV và 16 câu lạc bộ, đội, nhóm trực thuộc, với 53 chi hội [H1.02.01.15]. Dựa trên quy định về chức năng, nhiệm vụ, để đảm bảo sự quản lý và điều hành các hoạt động, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng Sáng kiến, ... theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học [H1.02.01.16] [H1.02.01.17].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng Trường và Hiệu trưởng ban hành [H1.02.01.18], [H1.02.01.04]. Bên cạnh đó, trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của Hội đồng Trường và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Nhà trường ban hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2013 và tiến hành điều chỉnh, cải tiến vào năm 2016, 2018. Bên cạnh quy chế tổ chức và hoạt động do Nhà trường ban hành, Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể xây dựng quy chế tổ chức hoạt động và áp dụng trong thực tế quản lý. Ngoài ra, Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể của Trường có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên. [H1.02.01.19], [H1.02.01.20], [H1.02.01.21], [H1.02.01.22].

Để tổ chức, quản lý có hiệu quả các hoạt động của Trường phù hợp SM, TN, mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ, Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường, bao gồm: Quy chế làm việc của Đảng bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế hoạt động Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Quy chế hoạt động của Hội đồng KH&ĐT, Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đảm bảo chất lượng, Quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến, ... [H1.02.01.19], [H1.02.01.20], [H1.02.01.21], [H1.02.01.22]. Tất cả hệ thống văn bản của Trường được Phòng TC-HC lưu trữ văn bản giấy, đồng thời lưu trữ trên hệ thống phần mềm Hành chính điện tử (EGOV) cũng như thông báo đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện [H1.02.01.23], [H1.02.01.24], [H1.02.01.25], [H1.02.01.26], [H1.02.01.27], [H1.02.01.28], [H1.02.01.29], [H1.02.01.30], [H1.02.01.31], [H1.02.01.32], [H1.02.01.33], [H1.02.01.34], [H1.02.01.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Định kỳ hằng năm, Đảng ủy Trường triệu tập cuộc họp Đảng ủy mở rộng để bàn về chương trình công tác Đảng cho năm mới nhằm xác định phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu cho các hoạt động của Nhà trường, trên cơ sở đó Đảng ủy ban hành nghị quyết làm cơ sở định hướng cho tất cả các hoạt động của Trường [H1.02.02.01]. Bên cạnh đó, ngay sau khi mới thành lập vào cuối năm 2019, Hội đồng Trường ban hành Nghị quyết định hướng cho các hoạt động của Trường trong năm 2020 và những năm tiếp theo [H1.02.02.02]. Căn cứ các Nghị quyết của Đảng ủy, các đơn vị phòng ban chức năng tham mưu BGH ban hành hệ thống văn bản để triển khai các hoạt

động về công tác tuyển sinh, ĐT, NCKH, PVCD, công tác SV, công tác cán bộ, tài chính, CSVC và trang thiết bị [H1.02.02.03], [H1.02.02.04], [H1.02.02.05], [H1.02.02.06] [H1.02.02.07], [H1.02.02.08], [H1.02.02.09], [H1.02.02.10], [H1.02.02.11], [H1.02.02.12]. Trong quá trình thành lập Trường vào năm 2013 đến nay, Nhà trường căn cứ kế hoạch triển khai các giai đoạn 2012-2014, 2015-2017, 2018-2021 trong Đề án thành lập Trường để cụ thể hóa kế hoạch phát triển Trường theo từng năm học [H1.02.02.13], [H1.02.02.14]. Căn cứ kế hoạch năm học của Nhà trường, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm học và triển khai thực hiện. Kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc bao quát các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H1.02.02.15], [H1.02.02.16], [H1.02.02.17].

Chương trình công tác năm, Kế hoạch năm học, hệ thống văn bản về chính sách, hướng dẫn, kế hoạch của Trường sau khi ban hành được gửi đến các đơn vị thông qua hệ thống email nội bộ Trường, hệ thống hành chính điện tử Trường, nhóm Zalo CTUET để triển khai thực hiện, đồng thời gửi đến email cá nhân của CB, VC, GV, SV [H1.02.02.18], [H1.02.02.19], [H1.02.02.20], [H1.02.02.21]. Để chuẩn bị đầu năm học, cũng như đầu học kỳ, BGH chỉ đạo các phòng chức năng, các khoa, trung tâm xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị và gửi về phòng TC-HC để tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt và gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện. Đồng thời thông qua các buổi họp ban giao định kỳ vào đầu tuần, BGH luôn đánh giá công việc đã triển khai, đôn đốc, kiểm tra nhắc nhở các đơn vị rà soát tiến độ triển khai các công việc theo kế hoạch đã đề ra [H1.02.02.22]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung nhiều ở công tác ĐT, NCKH và PVCD [H1.02.02.23], [H1.02.02.24], [H1.02.02.25], [H1.02.02.26]. Nhà trường và các đơn vị luôn hoàn thành các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học, chỉ tiêu của Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, chỉ tiêu của chương trình công tác năm của Đảng ủy [H1.02.02.27], [H1.02.02.28], [H1.02.02.29], [H1.02.02.30], [H1.02.02.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Mô tả: Nhằm từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động, quản lý, điều hành, định kỳ cuối quý 4 hằng năm, Đảng ủy, BGH Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Trường triển khai rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị theo kế hoạch năm học [H1.02.03.01], [H1.02.03.02], [H1.02.03.03]. Bên cạnh đó, hằng năm, Đảng ủy, BGH Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị, trong đó Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Trường đã ban hành nhằm đảm bảo tính pháp quy, tính cập nhật của văn bản so với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành [H1.02.03.04], [H1.02.03.05]. BGH tổ chức họp với các đơn vị, bộ phận để rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng TC-HC [H1.02.03.06], [H1.02.03.07]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH luôn chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các văn bản hệ thống quản trị của Trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H1.02.03.02].

Hàng năm, trong nội dung báo cáo tổng kết, đánh giá của Trường cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC, Nhà trường đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận để từ đó có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức của Trường, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị [H1.02.03.08], [H1.02.03.09], [H1.02.03.10]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị hàng năm cũng như tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của đơn vị luôn có nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [H1.02.03.10], [H1.02.03.11], [H1.02.03.12]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H1.02.03.02].

Định kỳ hàng năm, Đảng ủy và Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị rà soát đánh giá, quy hoạch đội ngũ CB quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm, đồng thời Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ tham gia hệ thống quản trị của Trường [H1.02.03.13]. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá CB, VC hàng năm nói chung, đánh giá CBQL nói riêng [H1.02.03.14], [H1.02.03.15], [H1.02.03.16]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để triển khai công tác đánh giá CB, VC hàng năm [H1.02.03.02]. Đội ngũ CBQL của Trường thực hiện báo cáo tự kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu do Trường ban hành và được lãnh đạo xem xét, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện công việc trong năm [H1.02.03.17]. Tiếp theo BGH họp với Đảng ủy Trường để đánh giá năng lực và kết quả thực hiện công việc của CBQL [H1.02.03.01]. Kết quả đánh giá CBQL hàng năm được thông báo công khai đến toàn thể CB, VC trong toàn Trường và là cơ sở để Nhà trường phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự hàng năm [H1.02.03.18], [H1.02.03.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm mới 60 CBQL và luân chuyển 07 CBQL [H1.02.03.20]. Bên cạnh đó, hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, rà soát đánh giá hệ thống văn bản đã ban hành trước đó để cập nhật, ban hành mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường [H1.02.03.21], [H1.02.03.22], [H1.02.03.23], [H1.02.03.24], [H1.02.03.25], [H1.02.03.26], [H1.02.03.27], [H1.02.03.28], [H1.02.03.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Mô tả: Trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản của hệ thống quản trị, Đảng ủy và BGH rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp, đồng thời ban hành các quyết định về tổ chức và nhân sự nhằm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị tốt hơn [H1.02.04.01], [H1.02.04.02], [H1.02.04.03], [H1.02.04.04], [H1.02.04.05], [H1.02.04.06], [H1.02.04.07], [H1.02.04.08], [H1.02.04.09], [H1.02.04.10], [H1.02.04.11], [H1.02.04.12], [H1.02.04.13]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường thành lập 17 bộ môn, giải thể Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển nhân sự vào Trung tâm Ngoại ngữ và đổi tên thành Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học., đồng thời, Nhà trường thành lập Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD, Hội đồng Sáng kiến [H1.02.04.14], [H1.02.04.15], [H1.02.04.16], [H1.02.04.17].

Hằng năm, Nhà trường cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL do Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ, Trường Chính trị thành phố Cần Thơ và các sở ban ngành khác tổ chức [H1.02.04.18]. Đồng thời, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1.02.04.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, có 17 CBQL của Nhà trường đạt được học vị TS, 40 CBQL của Nhà trường đạt được học vị ThS, 50 CBQL của Nhà trường tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ [H1.02.04.20], [H1.02.04.21]. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả đánh giá CBQL hằng năm, BGH Nhà trường tiến hành luân chuyển, bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại CBQL để tăng hiệu quả hoạt động của Trường [H1.02.04.22]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm mới 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL [H1.02.04.23].

Trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Chính phủ và bộ ngành, Nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật hệ thống văn bản đã ban hành, đồng thời ban hành mới hệ thống văn bản mới nhằm đáp ứng phù hợp với sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản lý [H1.02.04.02]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2013 và điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động vào 2016 và 2018, trong đó có điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong hệ thống quản trị [H1.02.04.24]. Nhà trường điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tiễn của Trường [H1.02.04.25]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm 2013 và đã điều chỉnh, cập nhật bổ sung vào năm 2014, 2017, 2020 [H1.02.04.26]. Ngoài ra, Nhà trường đã đầu tư, trang bị phần mềm website Hành chính điện tử vào năm 2013 (EGOV) và nâng cấp phiên bản 2.0 vào năm 2018, trong đó quản lý lịch làm việc của Trường, của đơn vị và cá nhân, quản lý toàn bộ các văn bản nội bộ Trường [H1.02.04.27].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, của UBND thành phố Cần Thơ.

- Nhà trường thành lập Hội đồng Trường và có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT và của UBND thành phố Cần Thơ.

- Hội đồng Trường và có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn của Nhà trường được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; có các văn bản thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

- Hệ thống văn bản của Nhà trường được xây dựng và ban hành đầy đủ, phổ biến kịp thời đến các đơn vị và triển khai nhằm đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động.

- Các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, BGH, các hội đồng của Nhà trường được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn thống nhất triển khai thực hiện từ cấp Trường đến cấp phòng, khoa, trung tâm trực thuộc.

- Năm 2013, Nhà trường trang bị phần mềm Hành chính điện tử và nâng cấp phiên bản 2.0 vào năm 2018, trong đó quản lý lịch làm việc của Trường, của đơn vị và các nhân, quản lý toàn bộ các văn bản nội bộ Trường.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị theo kế hoạch năm học.

- Hệ thống quản lý và hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến hằng năm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý; thể hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, bền vững, minh bạch và giảm thiểu rủi ro.

- Trong báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC của Nhà trường luôn đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận để từ đó có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức của Trường, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị.

- CBQL của Nhà trường hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, được các cấp quản lý đánh giá, công nhận bằng nhiều hình thức khen thưởng.

- Nhà trường thành lập mới các đơn vị dựa trên kết quả rà soát cơ cấu tổ chức và trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thành lập 17 bộ môn, giải thể và sáp nhập 01 trung tâm.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, đồng thời, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm mới 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh tên gọi của một số đơn vị của Nhà trường chưa được triển khai kịp thời theo Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học.

3. Kế hoạch cải tiến

Kể từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành rà soát, sắp xếp, điều chỉnh tên gọi của một số đơn vị theo đúng Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học. Nhà trường thành lập mới các đơn vị phù hợp với Luật Giáo dục đại học và xu thế phát triển của Trường nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5.0
Tiêu chí 2.1	5.0
Tiêu chí 2.2	5.0
Tiêu chí 2.3	5.0
Tiêu chí 2.4	5.0

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Quyết định thành lập Trường, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của Trường, Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý và thể hiện trong sơ đồ tổ chức của Trường cũng như trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành phù hợp với thực tiễn giai đoạn thành lập và phát triển [H1.03.01.01], [H1.03.01.02], [H1.03.01.03], [H1.03.01.04] [H1.03.01.04]. Hiện nay, cơ cấu quản lý của Nhà trường có Ban Giám hiệu, 07 phòng chức năng, 07 khoa chuyên môn. Các đơn vị của Nhà trường được thành lập dựa trên Đề án thành lập Trường và Nghị quyết của Đảng ủy [H1.03.01.05], [H1.03.01.06]. Trong các Nghị quyết của Đảng ủy Trường luôn có nội dung đề cập đến thành lập mới và đổi tên một số đơn vị nhằm phục vụ hiệu quả công tác ĐT, NCKH và PVCD của Trường [H1.03.01.07]. Trong giai đoạn 2015-2019, căn cứ Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt và định hướng phát triển Trường của Đảng ủy, Nhà trường sắp xếp, đổi tên Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành Phòng ĐBCL&KT, Phòng NCKH-HTQT-DA thành Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, thành lập Khoa Kỹ thuật cơ khí, Khoa Kỹ thuật xây dựng [H1.03.01.08], [H1.03.01.09], [H1.03.01.10], [H1.03.01.11].

Năm 2013 ngay sau khi thành lập Trường, căn cứ Điều lệ Trường đại học, Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, bộ phận; quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí quản lý trong cơ cấu quản lý của Trường, bao gồm: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, bộ môn, các tổ chức đoàn thể, các Hội đồng tư vấn [H1.03.01.05]. Nhà trường rà soát và ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2016 và 2018. Đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí công việc được Nhà trường ban hành có quy định yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung công việc của từng vị trí công tác, trong đó có các vị trí quản lý trong cơ cấu tổ chức của Trường [H1.03.01.12], [H1.03.01.13]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng và ban hành bản phân công nhiệm vụ cho từng CB, VC, NV của đơn vị và thông báo, phổ biến trong toàn thể CB, VC biết để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và phối hợp công tác [H1.03.01.14]. Nhà trường đã ban hành các văn bản Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ của GV phải thực hiện [H1.03.01.15], [H1.03.01.16].

Đảng bộ Trường là tổ chức lãnh đạo cao nhất trong hệ thống chính trị của Trường, trực thuộc Đảng bộ Khối Cơ quan Dân chính Đảng thành phố Cần Thơ, hoạt động theo Điều lệ Đảng, lãnh đạo và chỉ đạo mọi hoạt động của Nhà trường [H1.03.01.17], [H1.03.01.18]. Hiện Đảng bộ có 10 chi bộ trực thuộc với 92 đảng viên [H1.03.01.19]. Hội đồng Trường là tổ chức điều hành và giám sát các hoạt động mang tính chiến lược của Trường, hiện có 21 thành viên [H1.03.01.20]. Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết nghị của Hội đồng Trường, chế độ thông tin, báo cáo đội ngũ CBQL của Trường [H1.03.01.21]. Ban Giám hiệu Trường gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và thực hiện công tác quản lý các hoạt động của Trường theo sự thống nhất phân công phụ trách các mảng công tác quản lý giáo dục của Trường

[H1.03.01.22], [H1.03.01.23]. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các mặt công tác, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy; chỉ đạo và triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, phát triển các ngành đào tạo, công tác tổ chức - cán bộ, khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế, công tác kế hoạch - tài chính, công tác thanh tra, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng Tài chính - Kế toán, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Kỹ thuật cơ khí. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường. Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách công tác đào tạo, khảo thí và ĐBCL và trực tiếp phụ trách Phòng Đào tạo, Phòng ĐBCL&KT, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học, Khoa Quản lý công nghiệp, Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông. Phó Hiệu trưởng thường trực trực tiếp phụ trách công tác đầu tư, xây dựng CSVC; công tác SV, công thông tin điện tử; hạ tầng mạng máy tính và truyền thông, các phần mềm quản lý giáo dục của Trường. Phó Hiệu trưởng thường trực trực tiếp phụ trách Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng CTCT & QLSV, Phòng TC-HC, Khoa Khoa học cơ bản [H1.03.01.24]. Trưởng phòng, Trưởng khoa, Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa có trách nhiệm tuân thủ quy chế, quy định của ngành giáo dục và đào tạo, thực hiện đúng sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGH và quy định của Trường, đảm bảo hoàn thành tốt công tác được giao [H1.03.01.25]. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng ĐBCLGD của Trường bên cạnh việc tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo, đồng thời tuân thủ quy định của hội đồng [H1.03.01.26], [H1.03.01.27], [H1.03.01.28], [H1.03.01.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Định kỳ đầu năm, Đảng ủy tiến hành họp Đảng ủy mở rộng để thông qua Nghị quyết công tác xây dựng đảng và kế hoạch năm học, Đảng ủy và Ban Giám hiệu Nhà trường luôn nhận thức việc kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược đã được xác định, trong đó có nội dung kết nối, tuyên truyền, định hướng về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.01], [H1.03.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm và đẩy mạnh hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường, được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H1.03.02.03], [H1.03.02.04], [H1.03.02.05], [H1.03.02.06], [H1.03.02.07]. Trong thành phần BGH Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác truyền thông, trong đó có tuyên truyền về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan [H1.03.02.08]. Tại các hội nghị, hội thảo, các đợt sinh hoạt tập thể do Trường tổ chức, BGH thường xuyên phổ biến, tuyên truyền đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.09]. Tại các hội nghị, hội thảo do các đơn vị bên ngoài Trường tổ chức, BGH Nhà trường luôn chú trọng tăng cường giới thiệu, tuyên truyền về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.10]. Ngoài ra, trong nội dung các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan truyền thông, BGH luôn chú trọng, lồng ghép để giới thiệu, tuyên truyền về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.11].

Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy, BGH phân công Phòng CTCT&QLSV, Phòng ĐT, Phòng NCKH-HTQT-DA, các tổ chức đoàn thể có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, trong đó có lồng ghép và triển khai hoạt động kết nối các bên liên quan để định hướng TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.04], [H1.03.02.05], [H1.03.02.06], [H1.03.02.07], [H1.03.02.12], [H1.03.02.13], [H1.03.02.14], [H1.03.02.15], [H1.03.02.16]. Tại hội nghị CB, CC, VC hằng năm và thông qua các hoạt động tập thể, Nhà trường tập trung tuyên truyền, quán triệt, phổ biến đến CB, GV, NV về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.03.02.17]. Các ý kiến trao đổi của CB, GV, NV tại hội nghị CB, CC, VC hằng năm thể hiện sự hiểu biết của CB, GV, NV về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường. Đối với SV, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa phổ biến, tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của trường trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, sinh hoạt cố vấn học tập với lớp [H1.03.02.18], [H1.03.02.19], [H1.03.02.20]. Đối với cộng đồng, Nhà trường đăng thông tin phổ biến, tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược trên website của Trường, quảng bá trên tờ rơi tuyển sinh, biểu bảng thông báo trong khuôn viên Trường [H1.03.02.21], [H1.03.02.22], [H1.03.02.23]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan có nội dung khảo sát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.03.02.24], [H1.03.02.25], [H1.03.02.26], [H1.03.02.27], [H1.03.02.28], [H1.03.02.29], [H1.03.02.30]. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan hiểu rõ về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.03.02.31], [H1.03.02.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Mô tả: Rà soát, đánh giá cơ cấu lãnh đạo và quản lý là việc làm định kỳ hằng năm của Nhà trường và được thể hiện rõ trong các Nghị quyết của Đảng ủy, thông báo kết luận của Hiệu trưởng, trong đó luôn có nội dung chỉ đạo các đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.03.01]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.03.02]. Trong báo cáo tổng kết thực hiện Đề án thành lập Trường và Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy Trường, BGH Trường có nội dung báo cáo đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.03.03], [H1.03.03.04]. Bên cạnh đó, hằng năm, trong báo cáo tổng kết của Trường luôn có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.03.05], [H1.03.03.06]. Ngoài ra, trong các cuộc họp Đảng ủy hằng tháng, Nhà trường thường xuyên rà soát cơ cấu quản lý với mục đích nhằm phát hiện những hạn chế tồn tại để có giải pháp điều chỉnh cho phù hợp [H1.03.03.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thực hiện báo cáo rà soát cơ cấu quản lý giai đoạn 2015-2020, trong đó đánh giá những ưu điểm, tồn tại của cơ cấu quản lý và định hướng những giải pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu quản lý cho phù hợp những quy định của Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học [H1.03.03.07].

Định kỳ hằng năm, Phòng TC-HC là đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Trường [H1.03.03.08], [H1.03.03.09], [H1.03.03.10], [H1.03.03.11]. Hằng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.03.02]. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC tham mưu BGH có những điều chỉnh, bổ sung văn bản nhằm tránh chồng chéo giữa

các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ [H1.03.03.12]. Năm 2020, Nhà trường ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, đồng thời tiến hành đánh giá tổng thể các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch hướng dẫn và triển khai đánh giá, phân loại đảng viên, CB, VC, trong đó có đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo và quản lý của trường [H1.03.03.13], [H1.03.03.14]. Căn cứ kế hoạch hướng dẫn và triển khai đánh giá, phân loại đảng viên, CB, VC, các chi bộ, đơn vị tiến hành triển khai công tác đánh giá phân loại chất lượng đảng viên, viên chức theo mẫu hướng dẫn và báo cáo kết quả về Bộ phận đảng vụ để tổng hợp trình Đảng ủy, BGH xem xét [H1.03.03.15], [H1.03.03.16]. Bên cạnh đó, CBQL của Nhà trường được lãnh đạo xem xét, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện công việc trong năm. Tiếp theo BGH họp với Đảng ủy Trường để đánh giá năng lực và kết quả thực hiện công việc của CBQL. Kết quả đánh giá CBQL hằng năm được thông báo công khai đến toàn thể CB, VC trong toàn Trường và là cơ sở để Nhà trường phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự hằng năm [H1.03.03.17], [H1.03.03.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, CBQL của Nhà trường hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, được các cấp quản lý đánh giá, công nhận bằng nhiều hình thức khen thưởng [H1.03.03.19].

Hàng năm, Nhà trường thông báo đến các đơn vị về kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch đội ngũ CBQL theo quy định [H1.03.03.20], [H1.03.03.21]. Phòng TC-HC là đơn vị thường trực thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của Trường [H1.03.03.23]. Căn cứ các văn bản về quy hoạch cán bộ quản lý của cơ quan cấp trên, Phòng TC-HC tham mưu BGH ban hành quy định thực hiện quy hoạch CBQL của Trường và triển khai thực hiện [H1.03.03.24]. Đảng ủy, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị tiến hành thực hiện quy hoạch CBQL đối với các chức danh quản lý của Trường, trong đó xem xét khả năng phát triển và mức độ đáp ứng của cá nhân đối với các vị trí quản lý theo đúng quy định [H1.03.03.25]. Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ CBQL hằng năm, Phòng TC-HC tổng hợp danh sách quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, trình Đảng ủy, BGH thông qua và báo cáo cấp trên phê duyệt [H1.03.03.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý.

Mô tả: Căn cứ kết quả đánh giá và rà soát cơ cấu quản lý, trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung rà soát quy hoạch và cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý [H1.03.04.01], [H1.03.04.02], [H1.03.04.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai thực hiện rà soát quy hoạch và cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý nhằm tăng hiệu quả quản lý của Trường [H1.03.04.04]. Nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động phù hợp với xu thế phát triển trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường đổi tên Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng và Chuyển giao công nghệ thành Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, đổi tên Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành Phòng ĐBCL&KT, sáp nhập Trung tâm Ngoại ngữ và Trung tâm Công nghệ thông tin thành Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, thành lập Khoa Kỹ thuật cơ khí, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng CTCT&QLSV, Trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ, Ban Quản trị hệ thống thông tin [H1.03.04.05], [H1.03.04.06], [H1.03.04.07], [H1.03.04.08], [H1.03.04.09], [H1.03.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Hội đồng

ĐBCLGD và các hội đoàn nhằm tăng cường công tác tham mưu hoạt động quản lý, điều hành của Trường [H1.03.04.11].

Căn cứ kết quả cuộc họp của Đảng ủy, BGH về rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường, Nhà trường ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó có sự điều chỉnh bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.03.04.02], [H1.03.04.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành văn bản điều chỉnh, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường cho phù hợp với điều kiện thực tiễn như: điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị mới thành lập, điều chỉnh quy chế làm việc của GV, điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ của SV, điều chỉnh một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ (chế độ khám chữa bệnh, chế độ sinh nhật) [H1.03.04.13], [H1.03.04.14], [H1.03.04.15]. Trong phân công trách nhiệm của BGH, của lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn có sự điều chỉnh qua từng năm nhằm nâng cao hiệu quả công việc điều hành và quản lý của Trường nói chung, của đơn vị nói riêng [H1.03.04.16].

Nghị quyết của Đảng ủy và kế hoạch năm học của Trường luôn thể hiện được sự quan tâm của Đảng ủy, BGH về công tác cán bộ, cũng như công tác quy hoạch cán bộ quản lý của Trường [H1.03.04.17], [H1.03.04.03]. Hằng năm, dựa trên kết quả đánh giá CB, VC và bằng cấp, chứng chỉ của CB, VC đạt được, đồng thời căn cứ nhu cầu thực tiễn về công tác tổ chức - cán bộ của Trường, Đảng ủy, BGH xem xét điều chỉnh, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm CBQL dựa trên cơ sở đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc [H1.03.04.18], [H1.03.04.19]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường thực hiện điều động và luân chuyển các vị trí lãnh đạo cấp phòng, khoa như sau: điều động Phó Trưởng khoa Khoa học cơ bản giữ chức vụ Trưởng phòng TC-HC, Phó Trưởng phòng NCKH-HTQT-DA giữ chức vụ Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng và Chuyển giao công nghệ giữ chức vụ Trưởng phòng ĐT, Trưởng phòng ĐT giữ chức vụ Quyền Trưởng khoa CNTT và Trưởng phòng ĐBCL&KT, bổ nhiệm lại đối với 01 Phó Hiệu trưởng Trường theo quy định. Nhà trường bổ nhiệm mới 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL, và miễn nhiệm 15 CBQL [H1.03.04.20], [H1.03.04.21]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, các CBQL do Nhà trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng như luân chuyển luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tập thể đơn vị được giao phụ trách cũng như cá nhân CBQL nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.03.04.22].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng bộ máy cơ cấu quản lý rõ ràng, đảm bảo đúng quy định, trong đó các đơn vị được thành lập mới căn cứ trên Đề án thành lập trường đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể của trường.

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được thông báo, phổ biến đến các đơn vị, đội ngũ CB, GV, NV và triển khai áp dụng trong thực tế.

- Các CBQL của trường đảm bảo các quy định và được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo.

- Đội ngũ lãnh đạo Nhà trường tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, kết nối, phổ biến, truyền đạt thông tin về TN, SM, GTCL, TLGD và mục tiêu chiến lược của trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường.

- Cơ cấu đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đánh giá, rà soát và cải tiến hằng năm, đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng nhằm tăng hiệu quả và kết quả quản lý giáo dục.

- Nhà trường chú trọng và triển khai quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định.

- Các CBQL do Nhà trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng như điều động, luân chuyển luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhiều tập thể, cá nhân được nhận các hình thức khen thưởng các cấp.

- Hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc theo mục tiêu chiến lược của trường.

- Hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường được điều chỉnh, cập nhật và thông báo kịp thời đến các đơn vị, CB, GV, NV để thực hiện.

- Trong giai đoạn 2015-2019, cơ cấu tổ chức quản lý và đội ngũ CBQL của Nhà trường góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số khoa còn khuyết vị trí Trưởng khoa do các tiến sĩ mới tốt nghiệp chưa có chứng chỉ trung cấp chính trị và quản lý nhà nước.

- Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị đôi lúc chưa được cập nhật kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Kế hoạch cải tiến

- Trong năm 2020, Nhà trường tiến hành quy trình bổ nhiệm và thực hiện bổ nhiệm Trưởng khoa đối với một số Khoa còn khuyết.

- Từ năm học 2020-2021, Nhà trường định kỳ 1 lần/năm tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm để kịp thời điều chỉnh hoặc ban hành mới các văn bản cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	5.0
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong giai đoạn thành lập Trường từ năm 2013 đến năm 2019, Nhà trường hoạt động và định hướng phát triển căn cứ theo Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt [H1.04.01.01]. Trên cơ sở Đề án thành lập Trường, hằng năm, Đảng ủy và BGH ban hành nghị quyết và chương trình công tác năm để định hướng các hoạt động ĐT, NCKH và P.V.CĐ của Trường. Nhằm chuẩn bị cho xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn 2020 - 2025, cuối năm 2018, Nhà trường tham khảo quy trình lập kế hoạch chiến lược các trường đại học của Bộ GD&ĐT, ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL [H1.04.01.02], [H1.04.01.03]. Tháng 12 năm 2019, Nhà trường thành lập Ban xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, trong đó Hiệu trưởng làm trưởng ban, Phòng TC-HC là đơn vị thường trực và các thành viên là các Phó hiệu trưởng, đại diện lãnh đạo các đơn vị [H1.04.01.04]. Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nghị quyết của Đảng ủy, Ban rà soát, xây dựng KHCL có nhiệm vụ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược trong giai đoạn đầu thành lập Trường 2013-2019 và tiến hành xây dựng KHCL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 [H1.04.01.05], [H1.04.01.06]. Ban rà soát, xây dựng KHCL của Trường phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên thực hiện [H1.04.01.07], [H1.04.01.08].

Trong Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL của Trường ban hành có quy định các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể [H1.04.01.03]. Nhà trường thông báo Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL đến các đơn vị để thực hiện [H1.04.01.09]. Ban rà soát, xây dựng KHCL sử dụng Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL của Trường ban hành để xây dựng dự thảo Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.04.01.10].

Ban rà soát, xây dựng KHCL đã tiến hành nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ, và đặc biệt là bám sát, chú trọng đến TN, SM và kết quả thực hiện Đề án thành lập Trường giai đoạn 2013-2019 [H1.04.01.11], [H1.04.01.12], [H1.04.01.13]. Trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, Ban rà soát, xây dựng KHCL luôn tuân thủ theo định hướng phát triển trong Nghị quyết của Đảng ủy [H1.04.01.14]. Bên cạnh đó, Ban rà soát, xây dựng KHCL chú trọng tiếp thu ý kiến của các chuyên gia về giáo dục cũng như khảo sát ý kiến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường về dự thảo Đề cương Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 của Trường trước khi ban hành [H1.04.01.15], [H1.04.01.16]. Đề cương Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 của Trường đã được ban hành, trong đó thể hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu đối với từng lĩnh vực hoạt động, đồng thời đề cập các biện pháp quản lý rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện [H1.04.01.17]. Nhà trường thông báo Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 đến các đơn vị để triển khai thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV [H1.04.01.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Trong giai đoạn 2013-2019, căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng, ban hành kế hoạch năm học hằng năm và triển khai thực hiện [H1.04.02.01], [H1.04.02.02]. Cuối năm 2019, Nhà trường tiến hành rà soát kết quả thực hiện giai đoạn 2013-2019 theo Đề án thành lập Trường [H1.04.02.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.04.02.04].

Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 – 2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học hằng năm được Nhà trường gửi đến toàn thể các đơn vị thông qua hệ thống email nội bộ, trang hành chính điện tử (EGOV) để triển khai thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV [H1.04.02.05], [H1.04.02.06], [H1.04.02.07]. Trong các buổi họp giao ban hằng tuần giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường phổ biến, quán triệt các đơn vị tập trung triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học của Trường cũng như Đề cương chiến lược phát triển Trường đã ban hành [H1.04.02.08]. Trên cơ sở đó, các đơn vị họp và triển khai Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học của Trường cũng như Đề cương chiến lược phát triển Trường đến toàn thể CB, GV, NV, SV của đơn vị mình quản lý [H1.04.02.09]. Đối với SV, tại các buổi sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng, CVHT thông báo, phổ biến kế hoạch của Trường và kế hoạch của khoa để SV biết và thực hiện [H1.04.02.10], [H1.04.02.11].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường chỉ đạo Phòng TC-KT phối hợp các đơn vị để dự toán và trình BGH bố trí nguồn kinh phí cho tổ chức các hoạt động theo Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học đã được phê duyệt [H1.04.02.12]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường và các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động đa dạng về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.04.02.13], [H1.04.02.14]. Kết thúc năm học, Nhà trường và các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết năm học [H1.04.02.15], [H1.04.02.16], [H1.04.02.17], [H1.04.02.18], [H1.04.02.19]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường và các đơn vị nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.04.02.20], [H1.04.02.21].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H1.04.03.01], [H1.04.03.02], [H1.04.03.03], [H1.04.03.04], [H1.04.03.05], [H1.04.03.06]. Bên cạnh đó, kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018 – 2020, giai đoạn 2020-2022 và kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm của Trường cũng như kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H1.04.03.07], [H1.04.03.08], [H1.04.03.09], [H1.04.03.10]. Nhà trường thông báo kế hoạch năm học của Nhà trường, kế hoạch đảm bảo chất lượng, trong đó có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đến các đơn vị để thực hiện [H1.04.03.11], [H1.04.03.12].

Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học và kế hoạch đảm bảo chất lượng của Nhà trường được BGH và lãnh đạo các đơn vị xem xét kỹ lưỡng trước khi ban hành nhằm đảm bảo rõ ràng, đo lường được, tính khả thi, thích hợp. Bên cạnh đó, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học, kế hoạch đảm bảo chất

lượng của Nhà trường có các mốc mốc thời gian cụ thể để thực hiện, cụ thể: về nguồn nhân lực có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng CB, GV, NV, nghiên cứu viên, đào tạo sau đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về quản lý nhà nước, lý luận chính trị; về xây dựng CSVN có các chỉ số, chỉ tiêu về dự án đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm, dự án nâng cấp cơ sở I, dự án mở rộng cơ sở II, dự án cải thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng, số lượng đầu sách phục vụ dạy và học; về tài chính có các chỉ số, chỉ tiêu về thu học phí chính quy, học phí các dịch vụ đào tạo ngắn hạn; về ĐT có các chỉ số, chỉ tiêu về quy mô tuyển sinh, số SV nợ học phần, số SV nghỉ học, số lượng các chương trình đào tạo, chỉ tiêu SV tốt nghiệp, số SV tốt nghiệp có việc làm; Về NCKH có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng các đề tài NCKH được áp dụng và chuyển giao công nghệ, số SV tham gia NCKH; về PVCD có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng các công trình, số lượng công việc hỗ trợ, PVCD (đào tạo ngắn hạn, hiến máu nhân đạo, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh,...) [H1.04.03.01], [H1.04.03.02], [H1.04.03.03], [H1.04.03.04], [H1.04.03.05], [H1.04.03.06], [H1.04.03.07], [H1.04.03.08], [H1.04.03.09], [H1.04.03.10].

Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định, trong đó BGH Nhà trường luôn tiến hành đánh giá, giám sát, rà soát kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được ban hành [H1.04.03.13]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị luôn rà soát, giám sát kết quả thực hiện công việc của các bộ phận và cá nhân so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được Nhà trường phân công [H1.04.03.14]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường, Nhà trường luôn có nội dung đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với mục tiêu chiến lược nêu trong Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học và kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [H1.04.03.15], [H1.04.03.16], [H1.04.03.17], [H1.04.03.18], [H1.04.03.19]. Ngoài ra, tại các cuộc họp của Đảng ủy, Nhà trường luôn giám sát, rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính so với các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H1.04.03.20].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019, Nhà trường hoạt động và định hướng phát triển Trường dựa trên Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt [H1.04.04.01]. Cuối năm 2018, Nhà trường tham khảo quy trình lập kế hoạch chiến lược các trường đại học của Bộ GD&ĐT, theo đó Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL [H1.04.04.02], [H1.04.04.03], [H1.04.04.04]. So với giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019, Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL do Nhà trường ban hành có các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể, theo đó Nhà trường thành lập Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 [H1.04.04.05], [H1.04.04.06]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 sử dụng Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL để xây dựng dự thảo Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 và gửi lấy ý kiến các đơn vị [H1.04.04.07].

Cuối năm 2019, Nhà trường tiến hành tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn 2013-2019 theo Đề án thành lập Trường [H1.04.04.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành

Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.04.04.09]. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính trong Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 được điều chỉnh so với giai đoạn 2013-2019 trong Đề án thành lập Trường để phù hợp với định hướng phát triển của Trường [H1.04.04.10]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học và là cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.04.04.11], [H1.04.04.12], [H1.04.04.13], [H1.04.04.14], [H1.04.04.15], [H1.04.04.16] Đồng thời, trong kế hoạch năm học thể hiện rõ các biện pháp thực hiện với sự phân công cụ thể cho các đơn vị nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã xác định [H1.04.04.17].

Căn cứ kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính trong Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch từng năm học, Nhà trường ban hành Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được điều chỉnh để phù hợp với định hướng phát triển của Trường [H1.04.04.09]. Giai đoạn 2015-2019, trong báo cáo năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của năm học tiếp theo được phân tích, đánh giá và điều chỉnh so với năm học trước [H1.04.04.12], [H1.04.04.16].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong giai đoạn 2013-2019, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học dựa trên Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt và từ năm 2020, Nhà trường ban hành Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nhà trường xây dựng và ban hành Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 theo từng lĩnh vực về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Hằng năm, căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường ban hành kế hoạch năm học và thông báo, phổ biến đến các đơn vị để thực hiện.

- Trong Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Nhà trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính.

- Nhà trường thông báo, phổ biến KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các đơn vị và CB, GV, NV biết và thực hiện.

- Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL và áp dụng trong quá trình xây dựng Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 của Nhà trường được xây dựng dựa trên sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

- Các KHCL, kế hoạch ngắn hạn của Trường được công khai và quán triệt đến các bên liên quan để thống nhất thực hiện các nhiệm vụ ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Nhà trường tiến hành rà soát các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính và trên cơ sở đó có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với xu thế phát triển của Trường.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường cơ bản đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã xác định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các tổ chức, đơn vị bên ngoài trường trong quá trình cải tiến quá trình lập KHCL, cải tiến các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường khảo sát lấy ý kiến của các tổ chức, đơn vị bên ngoài trường về quá trình lập KHCL, cải tiến các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính thông qua các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức. Các phòng chức năng, các khoa chủ động lấy ý kiến của các tổ chức, đơn vị bên ngoài trường về các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính để từ đó có cơ sở để điều chỉnh, cải tiến.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	5.0
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong triển khai thực hiện Đề án thành lập Trường về ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã phân công Phòng TC - HC là đơn vị tổng hợp các chính sách do các đơn vị đề xuất; Phòng Đào tạo đề xuất các chính sách về ĐT; Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC đề xuất các chính sách về NCKH; Phòng CTCT&QLSV đề xuất các chính sách về PVCĐ [H1.05.01.01], [H1.05.01.02], [H1.05.01.03], [H1.05.01.04], [H1.05.01.05]. Ngoài ra, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường có nêu cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu BGH ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.05.01.06].

Trên cơ sở tham khảo các văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách ở trường đại học của Bộ GD&ĐT, Phòng TC-HC đề xuất dự thảo hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành hướng dẫn xây dựng chính sách [H1.05.01.07], [H1.05.01.08]. Nhà trường thông báo văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách đến các đơn vị để thực hiện [H1.05.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức tập huấn cho các đơn vị về việc xây dựng chính sách và trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng CTCT & QLSV đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.01.10].

Căn cứ văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường, các đơn vị Phòng ĐT, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng CTCT & QLSV đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường [H1.05.01.08]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Phòng CTCT & QLSV tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định về chủ trương của Đảng, các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các thông tư và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.05.01.11], [H1.05.01.12], [H1.05.01.13], [H1.05.01.14], [H1.05.01.15]. Ngoài ra, chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được xây dựng, đề xuất, ban hành dựa trên sự phù hợp với SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.05.01.16], [H1.05.01.17], [H1.05.01.18]. Ngoài ra, Đề án thành lập Trường theo từng lĩnh vực thể hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường

Để có cơ sở trước khi ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát CB, VC, GV, NV và SV về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.01.19], [H1.05.01.20], [H1.05.01.21]. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị để lấy ý kiến của CB, GV, NV và SV về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.01.22], [H1.05.01.23], [H1.05.01.24], [H1.05.01.25], [H1.05.01.26], [H1.05.01.27]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV và SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thông báo đến các đơn vị để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.01.28], [H1.05.01.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành nhiều chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và triển khai thực hiện [H1.05.01.30], [H1.05.01.31], [H1.05.01.32], [H1.05.01.33], [H1.05.01.34], [H1.05.01.35]. Tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH quán triệt, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.01.36]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường tại cuộc họp giao ban định kỳ của các đơn vị [H1.05.01.37]. Trong nội dung sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, các phòng chức năng phối hợp các khoa phổ biến, triển khai các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường cho toàn thể SV được biết [H1.05.01.38]. Trong nội dung sinh hoạt định kỳ giữ CVHT với lớp, CVHT phổ biến đến sinh viên các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.01.39]. Ngoài ra, website Trường và các đơn vị có đăng tải đầy đủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.01.40].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến thực hiện.

Mô tả: Để đảm bảo các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được triển khai đạt hiệu quả, Nhà trường phân công các phòng chức năng chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát

thực hiện các chính sách phù hợp chức năng, nhiệm vụ đã được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H1.05.02.01], [H1.05.02.02], [H1.05.02.03], [H1.05.02.04], [H1.05.02.05], [H1.05.02.06], [H1.05.02.07], [H1.05.02.08]. Theo đó, Nhà trường phân công Phòng ĐT chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về ĐT, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về NCKH, Phòng CTCT & QLSV chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về PVCĐ. Năm 2019, Nhà trường phân công Phó Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - HTQT-TT- PC, phụ trách công tác thanh tra, pháp chế của trường, đồng thời giao nhiệm vụ tổng hợp kết quả giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của toàn Trường [H1.05.02.09], [H1.05.02.10], [H1.05.02.11], [H1.05.02.12].

Nội dung thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành [H1.05.02.13]. Trên cơ sở đó, các đơn vị có liên quan về ĐT, NCKH, PVCĐ tham mưu Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch năm học và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và của các đơn vị [H1.05.02.14], [H1.05.02.15], [H1.05.02.16], [H1.05.02.17], [H1.05.02.18], [H1.05.02.19], [H1.05.02.20], [H1.05.02.21], [H1.05.02.22], [H1.05.02.23]. Bên cạnh đó, sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện qua kế hoạch và báo cáo giám sát của Bộ phận Thanh tra giáo dục Trường [H1.05.02.24], [H1.05.02.25], [H1.05.02.26]. Hoạt động giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được triển khai theo các nội dung về giám sát được quy định trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành [H1.05.02.13].

Định kỳ hằng năm thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với các đơn vị, BGH luôn chỉ đạo các đơn vị giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.02.07]. Theo đó, các đơn vị có liên quan về ĐT, NCKH, PVCĐ báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chính về ĐT, NCKH, PVCĐ để Phòng TC-HC tổng hợp và trình BGH trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị tiếp theo [H1.05.02.27]. Bên cạnh đó, văn bản quy định, hướng dẫn về việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, đồng thời lãnh đạo các đơn vị tiếp thu, lắng nghe ý kiến phản hồi của CB, GV, NV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.02.28]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị góp ý với BGH tại các cuộc họp giao ban để Nhà trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ.

Hằng năm, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị liên quan luôn có nội dung thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.02.15], [H1.05.02.17], [H1.05.02.19], [H1.05.02.21], [H1.05.02.23], [H1.05.02.26]. Bên cạnh đó, trong báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm luôn có báo cáo kết quả giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.02.29]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường đã ban hành đều nhận được các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hằng năm giữa BGH với SV cũng như thông qua các buổi họp giữa CVHT với lớp đều thể hiện sự phản ánh của SV đối với việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường [H1.05.02.30], [H1.05.02.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Mô tả: Định kỳ hằng năm, các đơn vị tiến hành rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ trên cơ sở văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường đã ban hành [H1.05.03.01]. Theo đó, Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng ĐT rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về ĐT, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về NCKH, Phòng CTCT & QLSV rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về PVCĐ [H1.05.03.02], [H1.05.03.03], [H1.05.03.04], [H1.05.03.05], [H1.05.03.06], [H1.05.03.07], [H1.05.03.08]. Bên cạnh đó, BGH chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị [H1.05.03.09]. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban của các đơn vị, tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm cũng như ý kiến đóng góp của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với sinh viên các lớp, Nhà trường luôn lắng nghe, tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.03.10], [H1.05.03.11], [H1.05.03.12], [H1.05.03.13]. Đồng thời, kế hoạch hoạt động và báo cáo của Bộ phận Thanh tra giáo dục của Trường thể hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.03.14], [H1.05.03.15], [H1.05.03.16]. Ngoài ra, việc rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và Nghị quyết của Đảng ủy Trường [H1.05.03.17], [H1.05.03.18], [H1.05.03.19].

Hằng năm, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị liên quan luôn có nội dung rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.05.03.20], [H1.05.03.21], [H1.05.03.22], [H1.05.03.23], [H1.05.03.24]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết thực hiện Đề án thành lập Trường giai đoạn 2013 – 2019, Nhà trường tiến hành đánh giá việc rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ đã áp dụng trong thời gian qua [H1.05.03.25]. Trên cơ sở đó, Nhà trường quy định cụ thể các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 [H1.05.03.26]. Ngoài ra, trong các báo cáo tổng kết của Đảng ủy luôn có các nội dung đánh giá về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.03.27]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện sự hài lòng về chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.05.03.28], [H1.05.03.29], [H1.05.03.30], [H1.05.03.31], [H1.05.03.32], [H1.05.03.33], [H1.05.03.34], [H1.05.03.45].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Qua nghiên cứu và phân tích số liệu khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường tiến hành đánh giá việc thực hiện các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm, trên cơ sở đó Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng đề xuất cải tiến các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.05.04.01], [H1.05.04.02], [H1.05.04.03], [H1.05.04.04], [H1.05.04.05], [H1.05.04.06], [H1.05.04.07], [H1.05.04.08], [H1.05.04.09]. Theo đó, Phòng ĐT phối hợp với các Khoa đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về ĐT; Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp các Khoa đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về NCKH; Phòng CTCT & QLSV phối hợp các Khoa và Công đoàn, Đoàn Thanh niên đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về PVCĐ

[H1.05.04.10], [H1.05.04.11], [H1.05.04.12], [H1.05.04.13], [H1.05.04.14], [H1.05.04.15], [H1.05.04.16], [H1.05.04.17], [H1.05.04.18], [H1.05.04.19]. Trên cơ sở đó, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua chính sách về ĐT, NCKH, PVCD được điều chỉnh, cải tiến [H1.05.04.20], [H1.05.04.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách cải tiến về hoạt động ĐT, NCKH, PVCD như: Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường như thưởng học phí học kỳ 1 cho tân sinh viên thủ khoa, hỗ trợ khuyến khích dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng SV đạt giải cao trong các hội thi, thành tích trong phong trào, chính sách tuyển dụng sinh viên đạt kết quả học tập Giỏi/Xuất sắc, chính sách khuyến khích cho viên chức hoàn thành chương trình sau đại học, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ du lịch hè, chế độ quà tặng nhân ngày sinh nhật, chế độ nghỉ hưu. Nhà trường thông báo các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện.

Việc lấy ý kiến của CB, GV, NV, SV được Nhà trường giao cho Phòng ĐBCL&KT chủ trì và phối hợp các đơn vị trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.05.04.22], [H1.05.04.23], [H1.05.04.24]. Qua phân tích và tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD cho thấy các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.05.04.25]. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm, tại Hội nghị CB, CC, VC, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV, các ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.05.04.26], [H1.05.04.27], [H1.05.04.28]. Việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD đã mang lại kết quả tích cực trong mọi hoạt động của Trường trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường và các đơn vị và cá nhân CB, GV, NV, SV đạt được nhiều thành tích, nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.05.04.29], [H1.05.04.30].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chức năng đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành hệ thống các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD và triển khai thực hiện trong toàn Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD của Trường được ban hành dựa trên các quy định và nhằm đạt được SM, TN, mục tiêu chiến lược của Trường.

- Nhà trường ban hành đầy đủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD và triển khai trong thực tiễn hoạt động của Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD được Nhà trường thông báo, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Nhà trường ban hành kế hoạch, quy định để giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD và áp dụng trong thực tiễn quản lý của Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD của Nhà trường được triển khai thực hiện, theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm dựa trên cơ sở phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chức năng.

- Nhà trường triển khai khảo sát, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến, điều chỉnh dựa trên những kết quả rà soát, đánh giá và nhằm hướng đến đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Với việc áp dụng các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường và các đơn vị cũng như cá nhân CB, GV, NV, SV đạt được nhiều thành tích, nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia trả lời khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019 -2020, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo với sự tham dự của các doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm nâng cao số lượng và hiệu quả việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	5.0
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong quá trình thành lập và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của Trường, điều đó được thể hiện trong Đề án thành lập Trường và Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.06.01.01], [H1.06.01.02]. Căn cứ Đề án thành lập Trường về phát triển nguồn nhân lực và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC tham mưu về công tác quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.06.01.03], [H1.06.01.04], [H1.06.01.05]. Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT về công tác cán bộ, các văn bản của Thành ủy, UBND thành phố Cần Thơ về công tác quy hoạch, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Hiệu trưởng ban hành văn bản hướng dẫn công tác quy [H1.06.01.06], [H1.06.01.07], [H1.06.01.08], [H1.06.01.09], [H1.06.01.10]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch, trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực

[H1.06.01.11]. Bên cạnh đó, để có cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị thực hiện báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của mỗi đơn vị để triển khai hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2015 – 2019 [H1.06.01.12]. Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm và là cơ sở để quy hoạch nguồn nhân lực của Trường [H1.06.01.13]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định danh sách CB, GV đáp ứng quy định, phù hợp với đề án vị trí việc làm và nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.06.01.14]. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC trình Hiệu trưởng ký danh sách quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015 – 2020 [H1.06.01.15]. Ngoài ra, công tác phát triển nhân lực của Trường nói chung, trong đó có quy hoạch nhân lực của Trường còn thể hiện trong Đề án phát triển nguồn nhân lực theo từng giai đoạn đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt, trong đó có nội dung về quy hoạch nguồn nhân lực của Trường [H1.06.01.16].

Nhà trường ban hành quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực và tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản lý và được thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực và bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2015 – 2020 [H1.06.01.10]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, tiêu chí về vị trí CB, VC, GV, NV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường đã ban hành [H1.06.01.13]. Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015 – 2020 được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị và toàn thể CB, GV, NV của Trường [H1.06.01.17], [H1.06.01.18]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị phổ biến kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015 – 2020 đến toàn thể CB, GV, NV của đơn vị [H1.06.01.19]. Nhà trường phê duyệt và công bố danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2016 – 2020 đến toàn thể CB, GV, NV được biết [H1.06.01.15]. Các văn bản quy hoạch nguồn nhân lực giai đoạn 2015 – 2020 đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H1.06.01.20], [H1.06.01.21]. Định kỳ hằng năm, trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị, Nhà trường thông báo đến các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của đơn vị [H1.06.01.22]. Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc căn cứ nhu cầu nhân lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của đơn vị, đã tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị với sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả CB, VC và gửi về Phòng TC-HC để tổng hợp [H1.06.01.13]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua Đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015 - 2020 [H1.06.01.24]. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015 – 2020 đến các đơn vị để phổ biến cho CB, GV, NV biết và thực hiện [H1.06.01.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Mô tả: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Nhà trường ban hành [H1.06.02.01]. Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC – HC tham mưu

Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H1.06.02.02], [H1.06.02.03], [H1.06.02.04], [H1.06.02.05], [H1.06.02.06], [H1.06.02.07]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện [H1.06.02.08]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, kế hoạch tuyển dụng hằng năm, thông báo tuyển dụng hằng năm được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H1.06.02.09], [H1.06.02.10], [H1.06.02.11]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC (trong đó có 03 TS, 29 ThS) và thu hút được 01 TS [H1.06.02.12].

Nhà trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H1.06.02.13]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H1.06.02.14]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự [H1.06.02.15]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2013 – 2019 và được thể hiện trong báo cáo tổng kết Nghị quyết Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015 – 2020 [H1.06.02.16], [H1.06.02.17], [H1.06.02.18], [H1.06.02.19]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL [H1.06.02.20], [H1.06.02.21].

Các Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị [H1.06.02.22], [H1.06.02.23]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể CB, GV, NV biết về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H1.06.02.24]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H1.06.02.25]. Đồng thời, các thông tin về tuyển dụng hằng năm của Trường được đăng tải trên website của Trường [H1.06.02.10], [H1.06.02.11]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được lưu trữ trong phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương của Trường (HRM) và đăng tải trên website của Trường [H1.06.02.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Mô tả: Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo phù hợp với vị trí công tác của từng nhóm đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H1.06.03.01], [H1.06.03.02]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể đến đội ngũ CB, GV, NV để tất cả hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H1.06.03.03], [H1.06.03.04]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được lãnh đạo đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị [H1.06.03.05]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí GV, NV cần tuyển dụng [H1.06.03.06].

Đồng thời, văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H1.06.03.07].

Nội dung quy định về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã ban hành [H1.06.03.08]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015 – 2019 có nêu rõ các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV [H1.06.03.07]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp CB, GV, NV thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” và kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường [H1.06.03.09], [H1.06.03.10], [H1.06.03.11], [H1.06.03.12]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC (trong đó có 03 TS, 29 ThS) và thu hút được 01 TS [H1.06.03.13], [H1.06.03.14]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường bổ nhiệm 60 nhân sự quản lý [H1.06.03.15]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để thực hiện công tác tuyển dụng [H1.06.03.16]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng theo quy định của pháp luật [H1.06.03.17] [H1.06.03.18], [H1.06.03.19], [H1.06.03.20]. Thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường được công khai trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H1.06.03.21], [H1.06.03.22].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Mô tả: Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” và đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt [H1.06.04.01], [H1.06.04.02]. Trong Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” có nội dung phát triển nhân sự của Trường. Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV và gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hằng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H1.06.04.03], [H1.06.04.04], [H1.06.04.05]. Các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H1.06.04.06].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV do các đơn vị đề xuất [H1.06.04.07], [H1.06.04.08]. Bên cạnh đó, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường được thể hiện trong Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020”, cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.06.04.01], [H1.06.04.09], [H1.06.04.10], [H1.06.04.11]. Ngoài ra, kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường [H1.06.04.12].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H1.06.04.13], [H1.06.04.14], [H1.06.04.15]. Định kỳ hằng năm, thực hiện chỉ đạo của BGH, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và phối hợp các đơn vị triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn CB, GV, NV đã được phê duyệt [H1.06.04.16]. Bên cạnh đó, hằng năm, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV được Nhà trường cân đối kinh phí để hỗ trợ cho CB, VC học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1.06.04.17], [H1.06.04.18]. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, Sở KH&CN, Trường Chính trị TP Cần Thơ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CB, GV, NV [H1.06.04.19], [H1.06.04.20], [H1.06.04.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H1.06.04.20]. Trong giai đoạn 2015-2019, 478 lượt CB, GV, NV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H1.06.04.22], [H1.06.04.23].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ CB, GV, NV, trong đó dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hằng năm [H1.06.04.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, gần 100% CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 CB, GV, NV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6% [H1.06.04.25]. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH để phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H1.06.04.26], [H1.06.04.27], [H1.06.04.28], [H1.06.04.29], [H1.06.04.30] [H1.06.04.31]. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có khảo sát về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV [H1.06.04.32]. Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát với kết quả 100% CB, GV, NV hài lòng về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H1.06.04.33]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức thể hiện sự hài lòng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H1.06.04.34].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của CB, GV, NV [H1.06.05.01], [H1.06.05.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị [H1.06.05.03]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H1.06.05.04].

Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của

Trường hằng năm [H1.06.05.05]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H1.06.05.06]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H1.06.05.07]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H1.06.05.08], [H1.06.05.09].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H1.06.05.05], [H1.06.05.10]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến CB, GV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H1.06.05.11]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H1.06.05.12]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H1.06.05.13], [H1.06.05.14]. Đối với CBQL cấp phòng, khoa, trung tâm, Đảng ủy hợp triệu tập cuộc họp đảng ủy mở rộng gồm có đảng ủy, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL của Trường [H1.06.05.15]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H1.06.05.12].

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường [H1.06.05.16]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H1.06.05.17]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H1.06.05.18], [H1.06.05.19].

Các nội dung về thi đua khen thưởng đối với CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H1.06.05.20]. Bên cạnh đó, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ các chế độ khen thưởng đối với CB, GV, NV đạt thành tích và các danh hiệu thi đua trong thực thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H1.06.05.21]. Kinh phí chi cho việc thi đua khen thưởng CB, GV, NV của Trường được phân bổ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H1.06.05.22]. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, các đơn vị tiến hành họp xét thi đua đối với CB, VC của đơn vị, trên cơ sở đó định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với CB, GV, NV của Trường [H1.06.05.23], [H1.06.05.24]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với CB, GV, NV, Nhà trường luôn căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng tháng, hằng quý và hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H1.06.05.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ CB, GV, NV của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H1.06.05.25], [H1.06.05.26], [H1.06.05.27]. Kết quả đánh giá CB, VC hằng năm được Nhà trường sử dụng để làm căn cứ xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.06.05.28], [H1.06.05.29], [H1.06.05.30], [H1.06.05.31]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV [H1.06.05.21]. Đối với CB,

GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2015-2019 có 34 CB, GV, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, 444 lượt CB, GV, NV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H1.06.05.29], [H1.06.05.31], [H1.06.05.32], [H1.06.05.33], [H1.06.05.34]. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường [H1.06.05.35], [H1.06.05.36], [H1.06.05.37], [H1.06.05.38], [H1.06.05.39].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.01], [H1.06.06.02], [H1.06.06.03], [H1.06.06.04]. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC đã phân công 01 chuyên viên theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường. Định kỳ hằng năm, thông qua cuộc họp, Đảng ủy và BGH thường xuyên rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.05]. Trên cơ sở đó, BGH tổ chức họp với các đơn vị để rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.06]. Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.06.06.07], [H1.06.06.08]. Ngoài ra, việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng TC-HC [H1.06.06.09].

Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.10], [H1.06.06.11], [H1.06.06.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV được Nhà trường nghiên cứu, tham khảo để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn lắng nghe và tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm cũng như các ý kiến của CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị được Nhà trường xem xét để điều chỉnh, cải tiến chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường cho phù hợp. CB, GV, NV hài lòng về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.06.06.08], [H1.06.06.14].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Căn cứ kết quả theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nhằm hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD và kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, Phòng TC-HC phối hợp

các đơn vị đề xuất điều chỉnh, cải tiến các chính sách về chế độ, chính sách để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.06.07.01], [H1.06.07.02], [H1.06.07.03], [H1.06.07.04], [H1.06.07.05]. Trên cơ sở đề xuất của các phòng, khoa, trung tâm về các chế độ, chính sách, Đảng ủy và BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, thông qua các đề xuất về việc điều chỉnh, cải tiến các chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hơn hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.06.07.06], [H1.06.07.07], [H1.06.07.08]. Các nội dung về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng sau khi cải tiến đều được Nhà trường thông báo đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H1.06.07.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường như thưởng học phí học kỳ 1 cho tân sinh viên thủ khoa, hỗ trợ khuyến khích dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng SV đạt giải cao trong các hội thi, thành tích trong phong trào, chính sách tuyển dụng sinh viên đạt kết quả học tập Giỏi/Xuất sắc, chính sách khuyến khích cho viên chức hoàn thành chương trình sau đại học, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ du lịch hè, chế độ quà tặng nhân ngày sinh nhật, chế độ nghỉ hưu.

Định kỳ hằng năm, căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị và CB, GV, NV về công tác quy hoạch nguồn nhân lực, Phòng TC-HC tổng hợp những nội dung điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong đó có nội dung điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và các quy định về quản lý nhân lực được Nhà trường ban hành có bổ sung cụ thể về các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với các vị trí quản lý làm cơ sở cho việc quy hoạch và bổ nhiệm đáp ứng các yêu cầu theo quy định [H1.06.07.10]. Nhà trường thông báo Quy định quản lý nhân lực có điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H1.06.07.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và danh sách CB được quy hoạch giai đoạn 2016-2020 [H1.06.07.12], [H1.06.07.13]. Các quy định quản lý nhân lực của Trường thường xuyên được cập nhật trên website của Trường [H1.06.07.14], [H1.06.07.15].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường triển khai đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 với các nội dung cụ thể về quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

- Nhà trường ban hành và áp dụng Quy định quản lý nhân lực dựa trên các văn bản quy định về công tác cán bộ, đồng thời phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV và triển khai nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên cơ sở Đề án vị trí việc làm và được thực hiện theo đúng quy trình, quy định về tuyển dụng, đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch.

- Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc của Nhà trường ban hành thể hiện rõ từng vị trí công việc và được phổ biến đến các đơn vị, CB, GV, NV biết để thực hiện.

- Công tác quy hoạch nhân sự của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí nhân sự. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường bổ nhiệm 60 nhân sự quản lý.

- Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV và cử CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2015-2019, 478 lượt CB, GV, NV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước.

- Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng từ 02 lần trở lên và ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường.

- Đội ngũ CB, GV, NV của Trường có đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH, PNCĐ của Nhà trường.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV và sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả công việc cho việc thi đua, khen thưởng cũng như đầu tư phát triển CB, GV, NV.

- Hoạt động thi đua, khen thưởng của CB, GV, NV được Nhà trường triển khai hằng năm và nhiều CB, GV, NV của Trường đạt được các danh hiệu thi đua, nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

- Hằng năm, Nhà trường rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và trên cơ sở ban hành các chế độ, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, động viên, khuyến khích CB, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ý kiến khảo sát CB, GV, NV thể hiện sự hài lòng đối với chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về công tác phát triển nhân sự của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị chuyên đề về phát triển nguồn nhân lực và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài Trường về công tác phát triển nguồn nhân lực của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	5.0
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5

Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng TC-KT, trong đó có bộ phận chuyên trách về tài chính, theo dõi, giám sát việc phát triển nguồn lực tài chính nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH trong công tác tài chính của Trường [H1.07.01.01]. Phòng TC-KT có 07 cán bộ, viên chức, trong đó có 01 Trưởng phòng kiêm Kế toán trưởng, 01 Phó Trưởng phòng, 01 Thủ quỹ, 02 kế toán thu và 02 kế toán chi [H1.07.01.02], [H1.07.01.03], [H1.07.01.04]. Các nhân sự thực hiện công tác tài chính của Trường tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, tài chính và được đào tạo, bồi dưỡng về tài chính và hằng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về tài chính, quy định tiền lương và Luật lao động [H1.07.01.05]. Trong thành phần BGH, Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính của Nhà trường, trong đó theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.07.01.06].

Đề án thành lập Trường đã được ban hành, kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2013-2016 và giai đoạn 2017-2019 và kế hoạch tài chính hằng năm đã thực hiện có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tài chính, trong đó tập trung phát triển các nguồn thu, đa dạng nguồn thu từ học phí chính quy, từ liên kết đào tạo, mở các lớp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ của Trường nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.07.01.07], [H1.07.01.08], [H1.07.01.09], [H1.07.01.10]. Trên cơ sở tổng kết thực hiện các mục tiêu giai đoạn 2015 - 2019 trong Đề án thành lập trường, Nhà trường tiến hành xây dựng Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu trong đó có tập trung phát triển nguồn tài chính hợp pháp để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.07.01.11].

Định kỳ hằng năm, Nghị quyết của Đảng ủy có nội dung chỉ đạo Phòng TC-KT dự toán nhu cầu tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, trên cơ sở đó căn cứ các văn bản quy định về hoạt động tài chính, Phòng TC-KT thống kê nhu cầu tài chính của các đơn vị về hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và xây dựng kế hoạch tài cho các hoạt động, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.07.01.12], [H1.07.01.13], [H1.07.01.14], [H1.07.01.15], [H1.07.01.16], [H1.07.01.17], [H1.07.01.18], [H1.07.01.19]. Nhà trường thông báo kế hoạch tài chính đến các đơn vị để thực hiện [H1.07.01.20]. Để quản lý hiệu quả hoạt động tài chính của Trường, Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ vào năm 2013 ngày sau khi thành lập Trường [H1.07.01.21]. Định kỳ hằng năm, trước khi tổ chức Hội nghị CB, CC, VC, Phòng TC-KT tiến hành lấy ý kiến góp ý của các đơn vị về Quy chế chi tiêu nội bộ và trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh [H1.07.01.22]. Phòng TC-KT thông báo Quy chế chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV [H1.07.01.23]. Tất cả các hoạt động liên quan đến tài chính của Nhà trường đều được

triển khai thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H1.07.01.21]. Cuối mỗi năm tài chính, Phòng TC-KT thống kê cơ cấu thu chi của Trường, tiến hành thực hiện báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động của Trường [H1.07.01.24], [H1.07.01.25], [H1.07.01.26]. Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, quyết định của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt dự toán thực hiện cơ chế tự chủ, Nhà trường đã thực hiện xây dựng phương án tự chủ tài chính theo từng năm, trong đó Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để tăng các nguồn thu hợp pháp như mở thêm ngành đào tạo mới, liên kết và phối hợp với các trường đại học có uy tín mở hệ vừa làm vừa học, đào tạo sau đại học, mở các lớp bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng Anh, tiếng Nhật, tin học căn bản [H1.07.01.27], [H1.07.01.28], [H1.07.01.29], [H1.07.01.30], [H1.07.01.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu của Trường qua các năm phát triển tăng đều cả về số lượng và đa dạng nguồn thu [H1.07.01.32].

Hằng năm, các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ được Nhà trường phân bổ kinh phí hoạt động theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định của Trường [H1.07.01.21]. Trong nội dung họp Đảng ủy và nội dung họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, Đảng ủy và BGH luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động nhằm phát triển nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.01.15], [H1.07.01.33]. Bên cạnh đó, để khuyến khích, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tích cực đem nguồn tài chính nhằm tăng cường nguồn thu của Trường, Nhà trường bổ sung một số nội dung trong văn bản quy định của Trường cũng như Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H1.07.01.21]. Nhà trường tiến hành kiểm tra nội bộ công tác tài chính của Trường thông qua các đơn vị chuyên trách như: Bộ phận Thanh tra giáo dục, Ban thanh tra nhân dân [H1.07.01.34], [H1.07.01.35], [H1.07.01.36], [H1.07.01.37]. Bên cạnh đó, hằng năm, Sở Tài chính, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, kiểm toán hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Trường [H1.07.01.38].

Hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Trường rõ ràng, không có sai phạm theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước [H1.07.01.39]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác tài chính và quản lý tài chính [H1.07.01.40]. Bên cạnh đó, hằng năm, trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo kết quả tài chính năm học, Nhà trường luôn rà soát, đánh giá, cập nhật cơ cấu nguồn thu, chỉ để từ đó điều chỉnh cơ cấu nguồn thu chi của năm học tiếp theo được hợp lý nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.07.01.41], [H1.07.01.42], [H1.07.01.43].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Căn cứ đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng QT-TB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.07.02.01]. Phòng QT-TB có 13 nhân sự, trong đó có 01 Trưởng phòng phụ trách chung, 01 Phó trưởng phòng, 01 nhân viên phụ trách mua sắm sửa chữa, 01 nhân viên phụ trách thống kê, kiểm kê tài sản, 02 nhân viên kỹ thuật, 05 nhân viên bảo vệ, 01 lái xe

[H1.07.02.02]. Phòng QT-TB phân công nhân sự chuyên trách quản lý về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học của Trường, trong đó thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng, các phương tiện dạy học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.03], [H1.07.02.04]. Các nhân sự thực hiện công tác chuyên trách phụ trách về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học của Nhà trường thường xuyên được cử tham gia các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về đầu thầu, quản lý CSVC, phòng chống cháy nổ,... [H1.07.02.05], [H1.07.02.06]. Trong BGH, Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách về công tác CSVC của Trường, trong đó chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.07].

Giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường hoạt động theo Đề án thành lập Trường đã được ban hành, trong đề án thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.07.02.08]. Bên cạnh đó, trong nội dung Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Trường luôn có các nội dung về phát triển CSVC, trang thiết bị để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.09]. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Nhà trường ban hành Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2025 [H1.07.02.10], [H1.07.02.11]. Nhà trường thông báo KH về CSVC và kế hoạch năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.07.02.12], [H1.07.02.13].

Trong Nghị quyết của Đảng ủy và thông báo kết luận cuộc họp giao ban của Hiệu trưởng với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.14]. Tại các cuộc họp giao ban, lãnh đạo Nhà trường luôn quán triệt các đơn vị tập trung cho công tác đầu tư, bảo trì, bảo quản CSVC, trang thiết bị của Trường [H1.07.02.15]. Đầu mỗi năm học, Phòng QT-TB gửi công văn đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.07.02.16]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, Phòng QT-TB tham mưu BGH phê duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị và triển khai thực hiện [H1.07.02.17], [H1.07.02.18]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H1.07.02.22]. Nhà trường thông báo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV SV biết để thực hiện [H1.07.02.19], [H1.07.02.20]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2015-2019 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành [H1.07.02.21], [H1.07.02.22].

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trên cơ sở đó vào cuối mỗi năm kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB tiến hành triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị của Trường [H1.07.02.23], [H1.07.02.24]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng máy tính, mượn và trả

trang thiết bị của Trường [H1.07.02.25]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.26]. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn đề GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố khẩn cấp [H1.07.02.27]. Bên cạnh đó, Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị [H1.07.02.28]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.02.29], [H1.07.02.30], [H1.07.02.31].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. [H1.07.02.32]. Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.07.02.33], [H1.07.02.34], [H1.07.02.35]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.07.02.36], [H1.07.02.37].

Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Phòng QT-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H1.07.02.09]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,69 ha [H1.07.02.38] [H1.07.02.39].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Ngay sau khi thành lập trường năm 2013, Nhà trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... Nhà trường tạm thời giao cho Trưởng phòng ĐT (Thạc sĩ Hệ thống thông tin) phối hợp các đơn vị để quản lý hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường. Xuất phát từ nhu cầu đầu tư, mua sắm trang bị hạ tầng CNTT ngày càng tăng, Nhà trường cần phải có bộ phận quản trị hạ tầng mạng và hệ thống thông tin của Trường, năm 2018, Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, (máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính

điện tử, hệ thống Email) xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT [H1.07.03.01], [H1.07.03.02], [H1.07.03.03], [H1.07.03.04]. Các nhân sự thực hiện công tác chuyên trách phụ trách về CNTT của Trường được đào tạo về CNTT và được cử tham dự các khóa tập huấn cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo về CNTT [H1.07.03.05], [H1.07.03.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường có Khoa CNTT được thành lập vào năm đầu tiên thành lập Trường [H1.07.03.07]. Hiện nay, CB, GV của Khoa CNTT hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý CNTT của Trường [H1.07.03.08], [H1.07.03.09]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 thành viên phụ trách về công tác CNTT của Trường, trong đó chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.03.10].

Trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện luôn luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H1.07.03.11], [H1.07.03.12], [H1.07.03.13]. Bên cạnh đó, Kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020-2025 có các nội dung về tăng cường thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H1.07.03.14].

Định kỳ hằng năm để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi công văn về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ đến các đơn vị [H1.07.03.15]. Tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT-TB tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện [H1.07.03.16], [H1.07.03.17]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H1.07.03.18]. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị hệ thống tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập [H1.07.03.19]. Nhà trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện [H1.07.03.20]. Nhà trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H1.07.03.21], [H1.07.03.22]. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị các phần mềm diệt virus và giao Ban Quản trị hệ thống phối hợp các đơn vị thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường và máy tính tại phòng làm việc của đơn vị [H1.07.03.23]. Nhà trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị hệ thống thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ [H1.07.03.24]. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường [H1.07.03.25], [H1.07.03.26]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H1.07.03.27]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường.

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị hệ thống tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy

chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường [H1.07.03.28], [H1.07.03.29]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hằng năm Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.07.03.30]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H1.07.03.31]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.07.03.32], [H1.07.03.33].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB là đơn vị tham mưu BGH thực hiện lưu trữ CSDL về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, kết quả theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H1.07.03.34]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H1.07.03.35], [H1.07.03.36], [H1.07.03.37]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H1.07.03.38].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng CNTT và trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H1.07.03.13]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng CNTT và trang thiết bị CNTT tăng qua từng năm [H1.07.03.39], [H1.07.03.40], [H1.07.03.41]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã trang bị mới hệ thống wifi, nâng cấp hệ thống mạng, xây cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại [H1.07.03.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) có thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Nhà trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017-2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.07.04.01], [H1.07.04.02], [H1.07.04.03], [H1.07.04.04], [H1.07.04.05], [H1.07.04.06]. Hiện nay, Thư viện có 02 thành viên. Các thành viên của Thư viện được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và hằng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo về công tác thư viện [H1.07.04.07], [H1.07.04.08].

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành [H1.07.04.09], [H1.07.04.10], [H1.07.04.11].

Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018-2020 và 2020-2025 [H1.07.04.12].

Định kỳ hằng năm, nhằm mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác dạy học và NCKH, Thư viện gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các khoa [H1.07.04.13]. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H1.07.04.14], [H1.07.04.15]. Hằng năm, Phòng TC-KT tham mưu BGH dự toán kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường [H1.07.04.16]. Bên cạnh đó, Thư viện Trường thiết lập mối quan hệ liên kết với Thư viện của Trường Đại học Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến [H1.07.04.17], [H1.07.04.18], [H1.07.04.19]. Nhà trường đầu tư thư viện số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của Trường [H1.07.04.20]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí để mua CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV và SV [H1.07.04.21]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định chế độ làm việc của GV và Quy định biên soạn, chọn lựa giáo trình của Nhà trường có quy định chế độ khuyến khích GV biên soạn và xuất bản giáo trình Thư viện số trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ [H1.07.04.22], [H1.07.04.23], [H1.07.04.24]. Nhà trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H1.07.04.25], [H1.07.04.26]. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H1.07.04.27], [H1.07.04.28]. Hằng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H1.07.04.29], [H1.07.04.30]. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện [H1.07.04.31]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H1.07.04.32]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường [H1.07.04.33], [H1.07.04.34], [H1.07.04.35].

Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H1.07.04.36]. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc [H1.07.04.37]. Hằng năm, Thư viện Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.07.04.38], [H1.07.04.39], [H1.07.04.40]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV tương đối hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.07.04.41].

Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H1.07.04.11]. Qua thống kê kinh phí

đầu tư, mua sắm hằng năm của Phòng TC-KT, Nhà trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H1.07.04.42], [H1.07.04.43]. Thư viện hiện có 4664 đầu sách với 4216 đầu sách trong nước, 448 đầu sách nước ngoài, 12 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.07.04.44], [H1.07.04.45].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.07.05.01], [H1.07.05.02], [H1.07.05.03], [H1.07.05.04], [H1.07.05.05], [H1.07.05.06], [H1.07.05.07], [H1.07.05.08], [H1.07.05.09], [H1.07.05.10]. Các phòng TC-HC, CTCT&QLSV, QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H1.07.05.11]. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khoa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.07.05.12].

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trệt 06 lầu [H1.07.05.13], [H1.07.05.14], [H1.07.05.15], [H1.07.05.16]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng. Kế hoạch năm học hằng năm của Phòng QT-TB và Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 có các nội dung tăng cường đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng [H1.07.05.17], [H1.07.05.18].

Hằng năm, Nhà trường xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H1.07.05.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Trong dự án xây dựng khối nhà học 01 trệt 06 lầu, Nhà trường thiết kế lối đi riêng cho người học có nhu cầu đặc biệt [H1.07.05.19]. Nhà trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H1.07.05.20]. Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H1.07.05.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường

an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H1.07.05.22]. Các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H1.07.05.23]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện. Nhà trường có 01 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H1.07.05.25]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H1.07.05.26]. Hằng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H1.07.05.28], [H1.07.05.29]. Nhà trường ký cam kết với Công an phường An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H1.07.05.30]. Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2015-2019 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.07.05.31]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2015-2019 [H1.07.05.32]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.07.05.33] [H1.07.05.34].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H1.07.05.35]. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H1.07.05.36]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học [H1.07.05.36], [H1.07.05.37], [H1.07.05.38], [H1.07.05.39].

Hằng năm, dựa trên kết quả rà soát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định các chỉ số về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: phun thuốc diệt côn trùng gây hại sức khỏe, lắp đèn diệt côn trùng xung quanh khuôn viên Trường, khai thông cống rãnh,... [H1.07.05.40], [H1.07.05.41]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H1.07.05.42]. Trong giai đoạn 2015-2019, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường.

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thực hiện việc xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát phát triển nguồn lực tài chính; quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt; đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; các nguồn lực học tập phục vụ ĐT, NCKH, và PVCD.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên BGH phụ trách các đơn vị triển khai kế hoạch, theo dõi giám sát phát triển nguồn lực tài chính; quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt; đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; các nguồn lực học tập phục vụ ĐT, NCKH, và PVCD.

- Các nhân sự thực hiện công tác về tài chính, quản lý CSVC, quản lý các thiết bị CNTT, quản trị nguồn lực học tập, quản lý môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học của Trường là những người được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản và thực hiện đồng bộ công tác quản lý CSVC và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến từ khâu lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp.

- Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án tự chủ về tài chính trong từng năm, nguồn thu hợp pháp của trường tăng qua từng năm và được đa dạng hóa từ nhiều nguồn thu từ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và hạ tầng các thiết bị CNTT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

- Nhà trường xây dựng và quản lý CSDL về CSVC và hạ tầng các thiết bị CNTT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm về công tác tài chính và quản lý tài chính.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về CSVC, hạ tầng, các phương tiện dạy học, các phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Số lượng đầu sách chuyên ngành và sách tham khảo tiếng Anh tại Thư viện còn hạn chế so với nhu cầu.

- Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị nhằm phục vụ người học có nhu cầu đặc biệt còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những học tiếp theo, hằng năm, Nhà trường tăng cường bổ sung, cập nhật số lượng sách chuyên ngành và sách tham khảo bằng tiếng Anh nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của GV và SV. Nhà trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm, trang bị, nâng cấp CSVC, trang thiết bị phục vụ người học có nhu cầu đặc biệt.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	4.8
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả: Năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng NCKH-HTQT-DA và đến năm 2019, đổi tên Phòng NCKH-HTQT-DA thành Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC với chức năng tham mưu giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác HTQT, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định [H1.08.01.01], [H1.08.01.02], [H1.08.01.03]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC hiện có 05 nhân sự, bao gồm: 01 phụ trách phòng, 01 phó trưởng phòng, 03 nhân viên, trong đó phân công 01 nhân viên thực hiện công tác quản lý hoạt động đối ngoại của Trường theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của Trường [H1.08.01.04], [H1.08.01.05], [H1.08.01.06], [H1.08.01.07]. Hằng năm, nhân sự của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn về hoạt động đối ngoại để kịp thời cập nhật quy định về công tác đối ngoại [H1.08.01.08], [H1.08.01.09]. Tại các Khoa, Nhà trường phân công 01 thành viên của BCN Khoa phụ trách hoạt động đối ngoại của Khoa [H1.08.01.10], [H1.08.01.11], [H1.08.01.12]. Trong BGH Nhà trường phân công Hiệu trưởng phụ trách hoạt động HTQT của Trường [H1.08.01.13].

Căn cứ văn bản của Bộ GD&ĐT, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, UBND TP. Cần Thơ, Sở Ngoại vụ TP. Cần Thơ về quản lý hoạt động đối ngoại, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC xây dựng dự thảo Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.08.01.14], [H1.08.01.15], [H1.08.01.16], [H1.08.01.17], [H1.08.01.18], [H1.08.01.19], [H1.08.01.20], [H1.08.01.21]. Trong Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT có quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp quản lý giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý CB, GV, NV của Trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước. Các KPIs về phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát TN, SM và các mục tiêu chiến lược của Trường và được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030, kế hoạch trung hạn về công tác NCKH-HTQT giai đoạn 2018-2020, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của Phòng

NCKH-HTQT-TTr-PC, trong đó thể hiện chính sách phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát theo TN, SM và mục tiêu chiến lược của Trường [H1.08.01.22], [H1.08.01.23], [H1.08.01.24], [H1.08.01.25], [H1.08.01.26].

Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT được đăng tải trên website của Trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.08.01.27]. Bên cạnh đó, Nhà trường gửi thông báo về việc phổ biến Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H1.08.01.28]. Thông qua cuộc họp giao ban định kỳ hằng năm, BGH Nhà trường thường xuyên chỉ đạo và yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng các quy định về đối ngoại và tập trung phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, trong đó bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.08.01.29]. Đồng thời thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị triển khai các chỉ đạo của BGH, trong đó có phổ biến đến CB, GV, NV quy định về quản lý hoạt động đối ngoại của Trường [H1.08.01.30]. Trong nội dung tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học đối với SV của Nhà trường, cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT thường xuyên nhắc nhở, lưu ý SV thực hiện đúng các quy định về đối ngoại, [H1.08.01.31], [H1.08.01.32], [H1.08.01.33]. Căn cứ đề án thành lập Trường về quan hệ đối ngoại, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tích cực triển khai và phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.08.01.34]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ký kết nhiều bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện [H1.08.01.35], [H1.08.01.36], [H1.08.01.37], [H1.08.01.38], [H1.08.01.39], [H1.08.01.40].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Mô tả: Định hướng triển khai phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được thể hiện rõ nét quan điểm chỉ đạo trong nội dung Nghị quyết của Đảng ủy Trường [H1.08.02.01]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH chỉ đạo và yêu cầu các đơn vị tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại dựa trên các văn bản ký kết [H1.08.02.02]. Bên cạnh đó, tại các Khoa, BCN các Khoa quán triệt và phổ biến, yêu cầu CB, GV, NV tích cực tham gia phát triển hoạt động đối ngoại của Trường [H1.08.02.03]. Các đơn vị tích cực triển khai cụ thể các hoạt động đối ngoại đã được xác định trong Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H1.08.02.04], [H1.08.02.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại với các trường đại học trong và ngoài nước, các tổ chức giáo dục trên thế giới. Nhà trường ban hành Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT và các thông tin về hợp tác, đối ngoại được đăng tải trên website của Trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.08.02.06], [H1.08.02.07], [H1.08.02.08].

Đối với công tác đối ngoại, Nhà trường triển khai các hoạt động đối ngoại theo Quy định về hoạt động HTQT của Trường đã ban hành và của UBND thành phố Cần Thơ [H1.08.02.07], [H1.08.02.09]. Trên cơ sở đó, các đơn vị của Trường đã tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại theo Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Trường. Theo đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, người học với đối tác trong và ngoài nước dựa trên các văn bản hợp tác đã ký kết. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường cử nhiều CB, GV, NV tham

gia học tập sau đại học ở nước ngoài cũng như tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài [H1.08.02.10], [H1.08.02.11], [H1.08.02.12], [H1.08.02.13], [H1.08.02.14], [H1.08.02.15]. Nhà trường cử cán bộ tham gia Hội trại mùa đông về Kỹ thuật khuôn mẫu tại Trường Đại học Quốc lập Khoa học Ứng dụng Cao Hùng, Đài Loan (KUAS), hợp tác với Egroupp tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào cho sinh viên khóa mới, hợp tác với IIG tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV trước khi tốt nghiệp [H1.08.02.16], [H1.08.02.17], [H1.08.02.18]. Trong hoạt động hợp tác đào tạo, Nhà trường cử nhiều CB đi đào tạo ngắn hạn tại Ấn Độ [H1.08.02.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, hằng năm, Nhà trường đón nhiều SV, tình nguyện viên từ Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan tham gia học tập tại Trường [H1.08.02.20]. Căn cứ các thỏa thuận đã ký kết, Nhà trường triển khai thực hiện nhiều hợp tác với các trường đại học có uy tín trong nước mở các lớp hệ vừa làm vừa học, đào tạo sau đại học các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội, luật, kinh tế đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tại chỗ cho các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [H1.08.02.21].

Trong hoạt động NCKH, Nhà trường ký hợp tác với một số địa phương trên địa bàn thành phố Cần Thơ triển khai một số đề tài về công nghệ thực phẩm, công nghệ thông tin như: “Ứng dụng công nghệ lên men trong sản xuất rượu măng cầu xiêm tại xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ”, “Xây dựng hệ thống truy xuất dữ liệu lớn cho trường đại học, cao đẳng”. Giảng viên Trường tham gia viết sách chuyên khảo bằng tiếng Anh “Quy trình sử dụng nguồn lực cộng đồng: Khái niệm, Ngữ nghĩa và Hệ hỗ trợ ra quyết định” và in tại NXB Springer [H1.08.02.22]. Ngoài ra, Nhà trường ký kết thỏa ước với công ty thiết bị PG, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Vườn ươm Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc, Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ, triển khai các hoạt động giới thiệu SV tham quan thực tế, thực tập tốt nghiệp [H1.08.02.23]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi SV với đối tác nước ngoài [H1.08.02.24]. CB, GV của Trường tích cực trong các hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước với sản phẩm nhiều bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được thực hiện với các đối tác và xuất bản sách với đối tác [H1.08.02.25].

Căn cứ Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học hằng năm đã được phê duyệt, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp với các Khoa tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với các đối tác trong và ngoài nước. Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức Hội nghị ACOMP và FDSE 2016 vào năm 2016 diễn ra tại Trường. Hội nghị đã diễn ra rất thuận lợi, thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin, giảng viên và sinh viên đến tham dự và thảo luận về những nội dung báo cáo trong Hội nghị. Hội nghị diễn ra trong 3 ngày đã thu hút hơn 900 lượt người tham dự với 50 diễn giả trong và ngoài nước. Trong năm 2019, Trường tổ chức hơn 07 Hội thảo cấp khoa và cấp Trường. Cụ thể, khoa Kỹ thuật xây dựng phối hợp với hơn 07 Trường Đại học, Cao đẳng tổ chức Hội thảo “Ứng dụng Khoa học Công nghệ trong xây dựng” với 03 vấn đề chính là: (1) trao đổi, đề xuất các giải pháp, nghiên cứu về khoa học công nghệ trong kết cấu công trình xây dựng; (2) trao đổi, đề xuất các nghiên cứu mới về ứng dụng của vật liệu xây dựng mới trong xây dựng; (3) trao đổi, đề xuất các giải pháp, nghiên cứu hiệu quả trong quản lý xây dựng, kinh tế xây dựng. Khoa Kỹ thuật Cơ khí tổ chức 02 Hội thảo chuyên ngành: “Hội thảo kỹ thuật cùng SKF” giới thiệu về các công cụ hỗ trợ công tác bảo trì, xu hướng công tác bảo trì hiện đại và hội thảo “Nhu cầu, sự phát triển của tự động hóa và năng lượng mới trong đời sống” giới thiệu các công nghệ mới về tự động hóa và năng

lượng mới đang được sử dụng trong đời sống sản xuất, tương tác thực hành Robot trên thiết bị. Để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khoa Công nghệ thông tin của Trường phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ tổ chức hội thảo “IOT - Công nghệ cuộc sống 4.0” giới thiệu Giới thiệu chương trình APTECH EXPRESS, lập trình ARDUINO cơ bản. Các hội thảo chuyên ngành của các khoa đã thu hút sự tham dự của nhiều sinh viên của Trường và các đại biểu đến tham dự. Thông qua các hội thảo này, Nhà trường mong muốn sinh viên: (1) vận dụng kiến thức lý thuyết vào áp dụng thực tiễn, (2) học hỏi được các tri thức mới từ các báo cáo của diễn giả, (3) có cơ hội nâng cao kỹ năng mềm: kỹ năng trình bày, kỹ năng tương tác, đặt câu hỏi. Bên cạnh đó, Nhà trường rất quan tâm đến cơ hội việc làm cho sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp nên phối hợp với Công ty TNHH Đào tạo và Thương mại dịch vụ Minh Tú, Học viện Ngoại ngữ Okayama, Nhật Bản đã tổ chức các hội thảo “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT” nhằm khuyến khích nhu cầu học tiếng Nhật cho sinh viên của Trường hoặc tổ chức các tọa đàm Kết nối Doanh nghiệp - Sinh viên. Nhà trường phối hợp với Học viện Quản lý giáo dục tổ chức Hội thảo “Bàn về các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục” góp phần vào công cuộc cải cách giáo dục của đất nước. [H1.08.02.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3: Các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Mô tả: Hằng năm, Nhà trường luôn tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại cũng như hệ thống văn bản quản lý về đối ngoại của Trường đã ban hành và được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.08.03.01], [H1.08.03.02]. Đồng thời, trong báo cáo tổng kết của các đơn vị, đặc biệt là các Khoa luôn có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của các đơn vị thực hiện [H1.08.03.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, các đơn vị chủ động, tích cực trong hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai nhiều hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.08.03.04], [H1.08.03.05], [H1.08.03.06], [H1.08.03.07], [H1.08.03.08], [H1.08.03.09], [H1.08.03.10], [H1.08.03.11], [H1.08.03.12], [H1.08.03.13], [H1.08.03.14], [H1.08.03.15], [H1.08.03.16], [H1.08.03.17]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để từ đó tăng cường triển khai các hoạt động dựa trên văn bản hợp tác đã ký kết, tiếp tục hoặc gia hạn với các hợp tác đã hết hạn, đặc biệt là ký mới các hợp tác để thực hiện SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường theo Đề án thành lập Trường, kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H1.08.03.18].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được giao nhiệm vụ rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, các quy định về đối ngoại của Trường [H1.08.03.19], [H1.08.03.20], [H1.08.03.21], [H1.08.03.22]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 nhân sự thường xuyên cập nhật văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H1.08.03.23]. Năm 2019, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường và trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung biểu mẫu trong quy định về hoạt động HTQT của Trường và các quy trình về quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế [H1.08.03.24], [H1.08.03.25], [H1.08.03.26], [H1.08.03.27], [H1.08.03.28], [H1.08.03.29], [H1.08.03.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại và phát triển mạng

lưới, quan hệ đối ngoại [H1.08.03.01], [H1.08.03.02], [H1.08.03.03]. Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại. Ý kiến đánh giá của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hiệu quả hoạt động đối ngoại của Trường [H1.08.03.31]. Hằng năm, tập thể và cá nhân của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.08.03.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả: Đảng ủy và BGH luôn quan tâm phát triển và mở rộng các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với số lượng tăng dần qua từng năm, đồng thời đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường về HTQT [H1.08.04.01], [H1.08.04.02], [H1.08.04.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của trường có xu hướng tăng theo hằng năm, bao gồm: Số giảng viên học nước ngoài, sinh viên học tập nước ngoài, số đề tài NCKH, số bài báo khoa học được công bố [H1.08.04.04], [H1.08.04.05], [H1.08.04.06], [H1.08.04.07], [H1.08.04.08], [H1.08.04.09], [H1.08.04.10], [H1.08.04.11], [H1.08.04.12], [H1.08.04.13], [H1.08.04.14], [H1.08.04.15], [H1.08.04.16], [H1.08.04.17].

Bảng thống kê kết quả theo từng năm

Năm	Số giảng viên học nước ngoài		Sinh viên học tập, giao lưu nước ngoài	Số đề tài NCKH với đối tác	Số bài báo quốc tế	Số bài báo trong nước
	Thạc sĩ	Tiến sĩ				
2015	-	04	-	-	11	17
2016	-	-	05	01	10	02
2017	01	02	10	-	25	05
2018	-	-	12	01	27	14
2019	01	02	-	-	10	06
Tổng	02	08	27	02	83	44

Nhà trường tiến hành rà soát về hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường. Dựa vào cơ sở kết quả rà soát, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại và được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.08.04.18], [H1.08.04.19]. Nghị quyết của Đảng ủy luôn có các chính

sách, chỉ đạo về việc tăng cường kinh phí cho hoạt động đối ngoại, đầu tư CSVC, trang thiết bị, đội ngũ làm công tác HTQT để tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H1.08.04.20]. Nhà trường dành kinh phí hằng năm để phát triển hoạt động hợp tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.08.04.21], [H1.08.04.22].

Năm 2019, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định [H1.08.04.23]. Trên cơ sở đó, Nhà trường định hướng chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được SM, TM và các mục tiêu chiến lược của Trường và nội dung này được thể hiện rõ trong Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030 [H1.08.04.24]. Nhà trường chú trọng mục tiêu, chỉ tiêu phát triển hoạt động hợp tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các trường ĐH quốc tế có uy tín trong ĐT, NCKH, PVCĐ. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng mở rộng phạm vi với các đối tác của các quốc gia ở Châu Á.

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn về hoạt động HTQT, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động HTQT và triển khai áp dụng trong toàn trường.
- Trong Quy định về hoạt động HTQT do Trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị CB, GV, NV, SV trong công tác đối ngoại của Trường.
- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến Quy định về hoạt động HTQT đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện.
- Nhà trường phân công Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát các hoạt động đối ngoại của Trường đúng theo quy định.
- Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chính trong mạng lưới đối ngoại của Nhà trường và phối hợp với các phòng chức năng, các Khoa để triển khai các hoạt động HTQT theo sự phân công, phân nhiệm của Trường.
- Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển đối tác, phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm nâng cao hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.
- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp phát triển đối tác, phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại với nhiều trường đại học có uy tín trong và ngoài nước.
- Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, kết quả hoạt động đối ngoại của Trường có xu hướng tăng; số lượng các bài báo khoa học, các hội nghị, hội thảo đồng tổ chức của Nhà trường với các trường đại học, các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước tăng lên đáng kể.
- Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại thuộc Trường ban hành.

- Các đơn vị trực thuộc và đội ngũ CB, GV thực hiện đúng quy định về việc đi công tác ở nước ngoài. Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 05 năm của chu kỳ đánh giá.

- Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường ban hành các chính sách, áp dụng các biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động đối ngoại của Trường.

- Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, NV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động đối ngoại.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tuyển dụng và bổ sung nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Trường. Đồng thời, bố trí đội ngũ cộng tác viên là những GV giỏi ngoại ngữ để hỗ trợ hoạt động HTQT của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC.

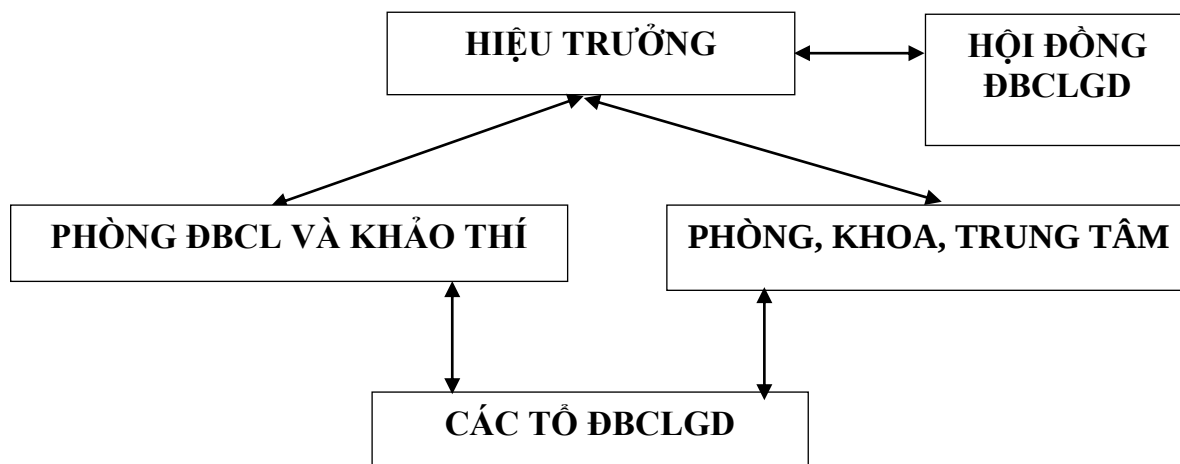
4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	5.0
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Căn cứ Đề án thành lập Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng [H1.09.01.01], [H1.09.01.02]. Đến năm 2018, Nhà trường sắp xếp, đổi tên Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành Phòng ĐBCL&KT. Phòng ĐBCL&KT hiện có 07 nhân sự, trong đó có 01 Trưởng phòng phụ trách chung, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về triển khai công tác ĐBCLGD của trường; 01 Phó trưởng phòng phụ trách công tác khảo thí, 02 chuyên viên thực hiện công tác khảo thí và 03 GV kiêm nhiệm hỗ trợ công tác ĐBCL [H1.09.01.03], [H1.09.01.04], [H1.09.01.05], [H1.09.01.06], [H1.09.01.07], [H1.09.01.08], [H1.09.01.09]. Năm 2019, Nhà trường ban hành hệ thống ĐBCL bên trong, trong đó được thiết lập gắn liền với cơ cấu tổ chức, đảm bảo sự vận hành thống nhất từ BGH đến các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc trường. Nhà trường thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng ĐBCLGD [H1.09.01.10].



Hình 9.1: Sơ đồ hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Mạng lưới của hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường được thiết lập ở cấp Trường và cấp đơn vị. Ở cấp trường, đó là Phòng ĐBCL&KT và ở cấp đơn vị là đại diện lãnh đạo phòng chức năng, Ban chủ nhiệm khoa phụ trách hoạt động ĐBCL của đơn vị. Bên cạnh đó, hội đồng ĐBCLGD là đơn vị tham mưu BGH Nhà trường các chính sách, cơ chế, định hướng hoạt động ĐBCL của Trường [H1.09.01.11], [H1.09.01.12]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động khảo thí và ĐBCL của Trường [H1.09.01.13].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về hoạt động ĐBCL và KĐCL, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định hoạt động ĐBCL giáo dục của Trường, gửi đến các đơn vị để thực hiện [H1.09.01.14], [H1.09.01.15], [H1.09.01.16], [H1.09.01.17], [H1.09.01.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và triển khai thực hiện [H1.09.01.19]. Ngoài ra, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022, kế hoạch hoạt động ĐBCL năm học, trong đó có các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động ĐBCL cùng với các nội dung cụ thể để triển khai hoạt động ĐBCL [H1.09.01.20], [H1.09.01.21], [H1.09.01.22].

Để triển khai công tác ĐBCL đạt hiệu quả, Nhà trường thường xuyên cử CB, VC Phòng ĐBCL&KT cũng như các thành viên phụ trách ĐBCL tại các đơn vị tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục [H1.09.01.23]. Đến nay, nhiều CB, GV của Nhà trường đã có các chứng chỉ hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục, trong đó có 05 CB, GV đã có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Công nghệ TP.HCM và 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT Trường ĐH Quy Nhơn [H1.09.01.23], [H1.09.01.24], [H1.09.01.25], [H1.09.01.26]. Trưởng phòng ĐBCL&KT của Trường có chứng nhận kiểm định viên và tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Công nghệ TP.HCM, Phó trưởng phòng ĐBCL&KT của Trường có chứng nhận bồi dưỡng đảm bảo chất lượng giáo dục, 01 giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ ĐBCL

của Phòng ĐBCL&KT của Trường có chứng nhận bồi dưỡng đảm bảo chất lượng giáo dục [H1.09.01.27], [H1.09.01.28], [H1.09.01.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong giai đoạn 2013-2019, Nhà trường hoạt động và định hướng phát triển căn cứ theo Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt [H1.09.02.01]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch hoạt động ĐBCL năm học, trình BGH ký ban hành và triển khai thực hiện [H1.09.02.02]. Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy, Đề án thành lập Trường, Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 của Trường, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022 [H1.09.02.03], [H1.09.02.04], [H1.09.02.05], [H1.09.02.06]. Kế hoạch năm học hằng năm về hoạt động ĐBCL thể hiện chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CB, GV, NV nói chung và đội ngũ làm công tác ĐBCL nói riêng [H1.09.02.07].

Năm 2019, Nhà trường ban hành chính sách chất lượng của Trường [H1.09.02.08], [H1.09.02.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản liên quan đến chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo Đề án thành lập trường và Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, trong đó ưu tiên thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phát triển đội ngũ CB, GV, NV; xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tốt quá trình tổ chức dạy, học và NCKH tại Trường; định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục, đáp ứng tốt PVCD; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho sinh viên; nâng cao năng lực tự học, xây dựng và rèn luyện khả năng học tập suốt đời ở người học; thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của quốc gia và chuẩn AUN-QA của khu vực ASEAN (Asean University Network - Quality Assurance); xây dựng và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, hướng đến việc phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường [H1.09.02.10]. BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các văn bản liên quan đến chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCLGD của Trường [H1.09.02.11].

Quy định hoạt động ĐBCL bên trong của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan đối với hoạt động ĐBCL [H1.09.02.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và triển khai thực hiện, trong đó triển khai khảo sát đối với các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường [H1.09.02.13], [H1.09.02.14]. Hằng năm, Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường [H1.09.02.15], [H1.09.02.16], [H1.09.02.17], [H1.09.02.18], [H1.09.02.19]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H1.09.02.20].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Trong giai đoạn 2013-2019, căn cứ Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch hoạt động ĐBCL năm học, trình BGH ký ban hành và triển khai thực hiện [H1.09.03.01], [H1.09.03.02], [H1.09.03.03]. Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy, Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 của Trường, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022 [H1.09.03.04], [H1.09.03.05], [H1.09.03.06], [H1.09.03.07]. Nhà trường thông báo KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022, kế hoạch hoạt động ĐBCL năm học đến các đơn vị để thực hiện [H1.09.03.08], [H1.09.03.09].

Tại các cuộc họp giao ban đầu năm học và giao ban định kỳ, BGH yêu cầu các đơn vị, trong đó giao Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch đã ban hành [H1.09.03.10]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị triển khai các hoạt động ĐBCL đến CB, GV, NV để thực hiện [H1.09.03.11]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, đầu năm học và trong các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT triển khai các hoạt động ĐBCL đến SV [H1.09.03.12], [H1.09.03.13], [H1.09.03.14]. Nhà trường thường xuyên cử CB, VC Phòng ĐBCL&KT cũng như các thành viên phụ trách ĐBCL tại các đơn vị tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục [H1.09.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục cho đội ngũ CB, GV, NV, trong đó phối hợp với Trung tâm KĐCLGD – Đại học Đà Nẵng để tổ chức khóa Tập huấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đáp ứng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học [H1.09.03.15], [H1.09.03.16], [H1.09.03.17], [H1.09.03.18], [H1.09.03.19], [H1.09.03.20]. Tất cả các thành viên hội đồng TĐG của Nhà trường đã tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục [H1.09.03.21], [H1.09.03.22].

Để chuẩn bị cho ĐGN CSGD vào năm 2020, căn cứ kế hoạch ĐBCLGD năm 2019, Nhà trường triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch đã ban hành [H1.09.03.02]. Đối với ĐBCL về chiến lược, Nhà trường triển khai thực hiện cập nhật sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa trường; thành lập Hội đồng trường; điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; xây dựng chiến lược phát triển Trường; xây dựng các KPIs về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, ĐT, NCKH và PVCĐ; xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.09.03.23], [H1.09.03.24], [H1.09.03.25], [H1.09.03.26], [H1.09.03.27]. Đối với ĐBCL về hệ thống, Nhà trường thành lập Hội đồng ĐBCLGD, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng ĐBCLGD, xây dựng KHCL ĐBCL giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030, ban hành Quy định về hoạt động ĐBCLGD, thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng trường, thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD, kế hoạch TĐG CSGD [H1.09.03.28], [H1.09.03.29], [H1.09.03.30], [H1.09.03.31], [H1.09.03.32], [H1.09.03.33]. Đối với ĐBCL về thực hiện chức năng, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông về tuyển sinh và nhập học, rà soát, cập nhật quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ, rà soát cập nhật quy định tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trong các kỳ thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, xây dựng quy định về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, rà soát cập nhật các văn bản về quản lý NCKH, rà soát

cập nhật các văn bản về bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả NCKH, rà soát cập nhật các văn bản về chính sách và kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H1.09.03.34], [H1.09.03.35], [H1.09.03.36], [H1.09.03.37]. Đối với kết quả hoạt động, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo của Trường trong các năm 2017, 2018, 2019, trong đó thể hiện rõ tỷ lệ học lại, thi lại, tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (có đối sánh với cơ sở giáo dục khác); đánh giá việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm, 2 năm; báo cáo kết quả NCKH của CB, GV, SV [H1.09.03.38], [H1.09.03.39]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để điều chỉnh, cải tiến hoạt động ĐT, NCKH, PVCD nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.09.03.40], [H1.09.03.41], [H1.09.03.42], [H1.09.03.43], [H1.09.03.44], [H1.09.03.45], [H1.09.03.46], [H1.09.03.47]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động ĐBCLGD của Nhà trường được triển khai theo kế hoạch và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng ĐBCL&KT [H1.09.03.48], [H1.09.03.49].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho các phòng chức năng có trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động được phân công quản lý [H1.09.04.01], [H1.09.04.02]. Văn bản sau khi Hiệu trưởng ký ban hành được lưu trữ tại Phòng TC-HC và đơn vị soạn thảo văn bản, đồng thời Phòng ĐBCL&KT lưu trữ toàn bộ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL có liên quan đến thông tin, minh chứng phục vụ cho công tác TĐG và KĐCLGD [H1.09.04.03], [H1.09.04.04], [H1.09.04.05].

Nhà trường sử dụng các phần mềm để lưu trữ các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL nhằm lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận [H1.09.04.06], [H1.09.04.07], [H1.09.04.08]. Dữ liệu về nhân sự và tiền lương của Nhà trường được lưu trữ trên hệ thống phần mềm Quản lý Nhân sự và tiền lương (HRM) [H1.09.04.09]. Bên cạnh đó, dữ liệu CTĐT, kế hoạch giảng dạy, lịch thi, thông tin SV, kết quả học tập, rèn luyện, tốt nghiệp của SV được lưu trữ trên hệ thống phần mềm Quản lý học vụ (Education) [H1.09.04.10]. Tài liệu, giáo trình được lưu trữ trên trang thư viện số [H1.09.04.11]. Đặc biệt, toàn bộ văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ được ghi chép vào sổ công văn, lưu trong kho lưu trữ, đồng thời lưu trữ trên trang hành chính điện tử của Trường (hệ thống EGOV) [H1.09.04.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác lưu trữ các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL và thể hiện trong báo cáo tổng kết của Trường, của Phòng ĐBCL&KT [H1.09.04.13], [H1.09.04.14], [H1.09.04.15].

Định kỳ hằng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL [H1.09.04.16]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng tham mưu BGH Nhà trường ban hành các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL [H1.09.04.17]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ sung, cập nhật các văn bản về quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, quy định về chế độ làm việc của GV, các quy định liên quan đến ĐT, NCKH và PVCD, quy trình thủ tục liên quan đến công tác cán bộ và công tác quản lý SV [H1.09.04.18], [H1.09.04.19], [H1.09.04.20], [H1.09.04.21], [H1.09.04.22], [H1.09.04.23], [H1.09.04.24], [H1.09.04.25].

Tất cả chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được Nhà trường gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.09.04.26], [H1.09.04.27], [H1.09.04.28]. Trong thông báo kết luận các cuộc họp giao ban luôn yêu cầu các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường [H1.09.04.02]. Tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị triển khai các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường đến CB, GV, NV để thực hiện [H1.09.04.17]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, đầu năm học và trong các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT thông báo các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường đến SV [H1.09.04.29], [H1.09.04.30], [H1.09.04.31]. Hằng năm, báo cáo ĐBCL của Trường được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <https://ctu.edu.vn> và của Phòng ĐBCL&KT tại địa chỉ <http://phongdbcl.ctu.edu.vn> [H1.09.04.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt, cũng như kế hoạch năm học của Nhà trường luôn thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của các hoạt động nói chung, trong đó có hoạt động ĐBCL [H1.09.05.01], [H1.09.05.02], [H1.09.05.03], [H1.09.05.04], [H1.09.05.05]. Bên cạnh đó, trong KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022 và kế hoạch ĐBCL năm học hằng năm của Nhà trường luôn có KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H1.09.05.06], [H1.09.05.07], [H1.09.05.08]. Nhà trường xác định KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong hoạt động ĐBCL là hoàn thành báo cáo TĐG CSGD và ĐGN trong năm 2020. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường tổ chức các khóa tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV về công tác ĐBCL và KĐCLGD [H1.09.05.09], [H1.09.05.10], [H1.09.05.11], [H1.09.05.12], [H1.09.05.13], [H1.09.05.14], [H1.09.05.15], [H1.09.05.16], [H1.09.05.17].

Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH chỉ đạo và yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động ĐBCL nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H1.09.05.18]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn tiến hành đánh giá, giám sát, rà soát kết quả thực hiện hoạt động ĐBCL so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được ban hành. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT luôn đánh giá kết quả thực hiện công tác ĐBCL so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong hoạt động ĐBCL đã xác định [H1.09.05.19], [H1.09.05.20], [H1.09.05.21]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 và đăng ký ĐGN trong năm 2020 [H1.09.05.22]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV về công tác ĐBCL và KĐCLGD.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Căn cứ Quy chế hoạt động và tổ chức của Trường đã ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Trường [H1.09.06.01], [H1.09.06.02]. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị thực hiện báo cáo rà soát quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Trường đang áp dụng [H1.09.06.03], [H1.09.06.04]. Đồng thời, Phòng ĐBCL&KT dự thảo quy trình lập kế hoạch hoạt động được điều chỉnh, cải tiến, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.09.06.05]. Nhà trường thông báo quy trình lập kế hoạch hoạt động được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H1.09.06.06].

Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT luôn có sự đối sánh giữa kết quả thực hiện so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác ĐBCL đã được xác định [H1.09.06.07], [H1.09.06.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác ĐBCL và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.09.06.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác ĐBCL được Nhà trường điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn cũng như xu thế phát triển. Nhà trường cơ bản hoàn thành các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác ĐBCL [H1.09.06.07], [H1.09.06.08], [H1.09.06.10], [H1.09.06.11], [H1.09.06.12], [H1.09.06.13].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Ngay sau khi thành lập Trường, Nhà trường thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng vào năm 2013 và đổi tên thành Phòng ĐBCL&KT vào năm 2018.

- Nhà trường bố trí nhân sự chuyên trách cho Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng trước đây và Phòng ĐBCL&KT hiện nay.

- Các nhân sự phụ trách hoạt động ĐBCL của Nhà trường được tập huấn về các nội dung ĐBCL và KĐCL giáo dục. Đến nay, Nhà trường có 05 CB, GV có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCLGD và 02 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và CTĐT.

- Nhà trường xây dựng và ban hành KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022, kế hoạch ĐBCL năm học hằng năm.

- Phòng ĐBCL&KT và các đơn vị triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch đã ban hành và hướng đến đạt các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD.

- Nhà trường ban hành hệ thống ĐBCL bên trong, thành lập Hội đồng ĐBCLGD và mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường.

- Nhà trường áp dụng các chính sách ưu tiên về ĐBCL như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV, tập huấn bồi dưỡng cho CB, GV về ĐBCL, cấp kinh phí cho hoạt động ĐBCLGD,...

- Hằng năm, Nhà trường và Phòng ĐBCL&KT đánh giá kết quả thực hiện hoạt động ĐBCLGD so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD đã

xác định và trên cơ sở đó có những điều chỉnh các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV về công tác ĐBCL và KĐCLGD.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác lưu trữ các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường cơ bản đạt được các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhân sự tham gia mạng lưới ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa được đào tạo bài bản về ĐBCLGD nên chưa phát huy tối đa hiệu quả công tác ĐBCLGD của đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường chú trọng tuyển dụng nhân sự am hiểu về ĐBCLGD và tăng cường bồi dưỡng năng lực cho nhân sự tham gia mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường về ĐBCL và KĐCLGD.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	5.0
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Mô tả: Trong giai đoạn 2013-2019, căn cứ Đề án thành lập Trường đã được phê duyệt, Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động ĐBCL năm học, trong đó có các nội dung triển khai TĐG CSGD và chuẩn bị ĐGN CSGD [H1.10.01.01], [H1.10.01.02]. Đặc biệt, trong kế hoạch công tác năm học 2018-2019, 2019-2020 và KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022 xác định Trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 và ĐGN CSGD trong năm 2020 [H1.10.01.03], [H1.10.01.04], [H1.10.01.05], [H1.10.01.06]. Bên cạnh đó, trong KHCL hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2022, kế hoạch năm học 2019-2020 xác định Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN 02 CTĐT trong năm 2020.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành kế hoạch TĐG

CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD [H1.10.01.07], [H1.10.01.08], [H1.10.01.09], [H1.10.01.10]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thông báo kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD đến các đơn vị để thực hiện [H1.10.01.11], [H1.10.01.12], [H1.10.01.13]. Trong kế hoạch TĐG CSGD của Nhà trường có các nội dung công việc cần triển khai cụ thể với các mốc thời gian và phân công các đơn vị thực hiện [H1.10.01.11]. Các văn bản hướng dẫn TĐG của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường [H1.10.01.14].

Để triển khai công tác TĐG CSGD, Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký giúp việc, các nhóm chuyên trách phục vụ TĐG [H1.10.01.15]. Hội đồng TĐG tổ chức họp và phân công trách nhiệm rõ ràng của từng thành viên trong quá trình thực hiện công tác TĐG [H1.10.01.16]. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị thường trực của công tác TĐG và là thành viên chủ chốt của Ban thư ký [H1.10.01.17]. Hội đồng TĐG phân công các nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD [H1.10.01.18]. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ thu thập minh chứng, thực hiện phiếu đánh giá tiêu chí và viết dự thảo báo cáo TĐG tiêu chuẩn/tiêu chí được phân công. Ban Thư ký có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo TĐG từ báo cáo TĐG tiêu chuẩn/tiêu chí do các nhóm chuyên trách thực hiện cũng như theo dõi, hỗ trợ các nhóm chuyên trách trong quá trình triển khai công tác TĐG [H1.10.01.11], [H1.10.01.17], [H1.10.01.19].

Trong quá trình triển khai công tác TĐG, Nhà trường đã cử CB, GV tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL và KĐCLGD, tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và CTĐT [H1.10.01.20], [H1.10.01.21], [H1.10.01.22], [H1.10.01.23], [H1.10.01.24], [H1.10.01.25], [H1.10.01.26], [H1.10.01.27]. Nhà trường hợp đồng với Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Đà Nẵng triển khai tập huấn về Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT cho các thành viên thực hiện công tác TĐG và chuẩn bị việc ĐGN [H1.10.01.28], [H1.10.01.29]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị tập trung triển khai công tác TĐG [H1.10.01.30]. Tại cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến để CB, GV, NV thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch ĐBCL hằng năm và kế hoạch TĐG CSGD của Trường [H1.10.01.31]. Trong các buổi sinh hoạt lớp, CVHT thông báo đến SV về hoạt động TĐG CSGD của Trường [H1.10.01.32], [H1.10.01.33]. Hội đồng TĐG của Nhà trường, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách thường xuyên họp để đánh giá, kiểm tra tiến độ thực hiện và kịp thời có các biện pháp nhằm đảm bảo công tác TĐG thực hiện theo đúng kế hoạch [H1.10.01.16], [H1.10.01.19]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 và đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Đà Nẵng trong quý 2 năm 2020 [H1.10.01.34], [H1.10.01.35], [H1.10.01.36], [H1.10.01.37], [H1.10.01.38]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT của Trường [H1.10.01.39], [H1.10.01.40], [H1.10.01.41], [H1.10.01.42], [H1.10.01.43], [H1.10.01.44], [H1.10.01.45], [H1.10.01.46], [H1.10.01.47], [H1.10.01.48], [H1.10.01.49].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Mô tả: Năm 2015, Nhà trường xây dựng kế hoạch TĐG và thực hiện TĐG theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-

BGDĐT ngày 01/11/2007 bao gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí và Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về hướng dẫn tự đánh giá trường đại học [H1.10.02.01], [H1.10.02.02], [H1.10.02.03]. Nhà trường đã gửi báo cáo TĐG đến Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT (nay là Cục QLCL, Bộ GD&ĐT). Do đến cuối năm 2017, Nhà trường mới có khóa SV tốt nghiệp đầu tiên, Nhà trường dự kiến đăng ký đánh giá ngoài vào năm 2018. Sau khi Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT được Bộ GD&ĐT ban hành, Đảng ủy và BGH Nhà trường họp bàn với các đơn vị và quyết định thực hiện công tác TĐG theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD bao gồm 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí [H1.10.02.04], [H1.10.02.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD, triển khai thực hiện trong toàn trường và hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 [H1.10.02.06], [H1.10.02.07], [H1.10.02.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT của Trường [H1.10.02.09], [H1.10.02.10], [H1.10.02.11], [H1.10.02.12], [H1.10.02.13], [H1.10.02.14], [H1.10.02.15], [H1.10.02.16], [H1.10.02.17], [H1.10.02.18], [H1.10.02.19].

Để triển khai công tác TĐG đạt hiệu quả, Nhà trường hợp đồng với Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Đà Nẵng triển khai tập huấn về Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT cho các thành viên thực hiện công tác TĐG và chuẩn bị việc ĐGN. Nhà trường cử CB, GV tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL và KĐCLGD, tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và CTĐT [H1.10.02.20], [H1.10.02.21], [H1.10.02.22], [H1.10.02.23], [H1.10.02.24], [H1.10.02.25]. Tất cả thành viên của Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách đã được tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD [H1.10.02.26], [H1.10.02.27]. Đến nay, Nhà trường có 05 CB, GV đã có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Công nghệ TP.HCM, 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long, 03 CB tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai và 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT Trường ĐH Quy Nhơn và 01 quan sát viên ĐGN Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn [H1.10.02.28].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Mô tả: Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Hội đồng TĐG họp định kỳ 02 tuần/lần để đánh giá tiến độ thực hiện công tác TĐG và trên cơ sở đó đề xuất áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả công tác TĐG [H1.10.03.01], [H1.10.03.02], [H1.10.03.03], [H1.10.03.04], [H1.10.03.05], [H1.10.03.06]. Đối với các nhóm chuyên trách họp định kỳ hằng tuần để báo cáo kết quả thu thập, phân tích, đánh giá minh chứng để từ đó xác định điểm mạnh, tồn tại của từng lĩnh vực của Nhà trường so với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H1.10.03.07], [H1.10.03.08]. Hội đồng TĐG họp để thông qua dự thảo báo cáo TĐG cũng như báo cáo TĐG, trong đó xem xét, đánh giá để từ đó đi đến thống nhất về các điểm mạnh, tồn tại của Nhà trường đối với tiêu chuẩn/tiêu chí và thể hiện trong báo cáo TĐG [H1.10.03.05]. Trong báo cáo TĐG CSGD Nhà trường giai đoạn 2015-2019 đồng thời thể hiện các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích cụ thể với các minh chứng kèm theo [H1.10.03.09].

Tại cuộc họp định kỳ của Hội đồng TĐG, dựa trên việc xác định các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động của Trường, Hội đồng TĐG đề xuất các biện pháp cụ thể để tiếp tục tăng cường, duy trì điểm mạnh và đặc biệt quan trọng là phải khắc phục toàn bộ các tồn tại so với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H1.10.03.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp của Hội đồng TĐG, trong đó có các kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường và phân công cho các đơn vị thực hiện cũng như thời gian hoàn thành để giám sát, đánh giá việc thực hiện khắc phục các tồn tại [H1.10.03.10], [H1.10.03.11].

Các đơn vị thuộc Trường triển khai kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường [H1.10.03.12]. Trên cơ sở đó, tại phiên họp kế tiếp của Hội đồng TĐG xem xét, rà soát kết quả cải tiến chất lượng các hoạt động do các đơn vị thực hiện với các minh chứng cụ thể. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động cải tiến chất lượng ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về chức năng, kết quả hoạt động [H1.10.03.13], [H1.10.03.14], [H1.10.03.15], [H1.10.03.16], [H1.10.03.17], [H1.10.03.18]. Đặc biệt, công tác lưu trữ văn bản của Nhà trường được chú trọng và triển khai có hệ thống so với thời điểm bắt đầu thực hiện công tác TĐG.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện TĐG theo quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD & ĐT và theo quy trình TĐG được quy định tại công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về hướng dẫn TĐG trường đại học [H1.10.04.01], [H1.10.04.02], [H1.10.04.03]. Tuy nhiên, quy trình TĐG được ban hành năm 2015 không phù hợp với Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT tiến hành rà soát, đề xuất quy trình TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H1.10.04.04], [H1.10.04.05], [H1.10.04.06], [H1.10.04.07], [H1.10.04.08], [H1.10.04.09].

Căn cứ công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở đại học, Phòng ĐBCL&KT đề xuất Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong đó quy định quy trình TĐG, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H1.10.04.10]. Trong quy trình TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Nhà trường ban hành có lưu ý việc gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL, Bộ GD & ĐT trước khi tiến hành thẩm định báo cáo TĐG bởi tổ chức KĐCLGD.

Năm 2015, Nhà trường triển khai công tác TĐG theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 bao gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí. Nhà trường đã gửi báo cáo TĐG đến Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT (nay là Cục QLCL, Bộ GD&ĐT) [H1.10.04.03]. Tuy nhiên, do đến cuối năm 2017, Nhà trường mới có khóa SV tốt nghiệp đầu tiên nên Trường đã không tiến hành ĐGN theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí). BGH Nhà trường đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT đề xuất quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H1.10.04.05].

Căn cứ công văn số 768/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Phòng ĐBCL&KT đề xuất quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H1.10.04.11], [H1.10.04.12], [H1.10.04.13]. Nhà trường thông báo quy trình TĐG CSGD và quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.10.04.14].

Tại các cuộc họp của các nhóm chuyên trách và cuộc họp của Hội đồng TĐG, Phòng ĐBCL&KT báo cáo, chia sẻ các thực hành tốt trong quá trình thực hiện công tác TĐG để các nhóm chuyên trách rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả công tác TĐG [H1.10.04.15], [H1.10.04.16], [H1.10.04.17], [H1.10.04.18], [H1.10.04.19]. Bên cạnh đó, các CB được cử tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Công nghệ TP.HCM và ĐGN CTĐT Trường ĐH Quy Nhơn báo cáo kinh nghiệm để các đơn vị, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách học tập trong quá trình triển khai công tác TĐG và chuẩn ĐGN CSGD [H1.10.04.20]. Ngoài ra, các Khoa của Trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm chia sẻ các kinh nghiệm, các thực hành tốt trong công tác phát triển CTĐT, ĐC môn học/học phần, đổi mới PPDH và KTĐG,... [H1.10.04.21], [H1.10.04.22].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Từ năm 2015, Nhà trường đã thực hiện công tác TĐG theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT, hoàn thành báo cáo TĐG và gửi Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường xây dựng và áp dụng quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT.

- Nhà trường tích cực tổ chức các khóa tập huấn cho CB, GV, NV về ĐBCL và KĐCLGD.

- Tất cả các thành viên tham gia Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đều tham gia tập huấn về KĐCL giáo dục và TĐG trong KĐCL giáo dục. Đến nay, 05 CB, GV của Nhà trường đã hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 02 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và CTĐT.

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản triển khai công tác TĐG và chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT.

- Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký và Hội đồng TĐG thường xuyên họp để xác định điểm mạnh, tồn tại đối với các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ so với yêu cầu của các tiêu chuẩn/tiêu chí.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khắc phục, cải tiến các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn/tiêu chí.

- Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 và đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCLGD – Đại học Đà Nẵng.

- Các Khoa của Trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm chia sẻ các kinh nghiệm, các thực hành tốt trong công tác phát triển CTĐT, ĐC môn học/học phần, đổi mới PPDH và KTĐG,...

- Thông qua công tác TĐG CSGD, Nhà trường thực hiện kế hoạch hành động và cải tiến chất lượng hoạt động của Trường trong ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về chức năng, kết quả hoạt động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do tập trung công tác TĐG và chuẩn bị ĐGN CSGD nên công tác TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng kế hoạch.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tập trung triển khai kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT để đến cuối năm 2020, hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN 02 CTĐT.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	5.0
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Mô tả: Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định thông tin ĐBCL bên trong và sử dụng thông tin ĐBCL bên trong là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động của Trường [H1.11.01.01], [H1.11.01.02]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị phối hợp với các đơn vị thuộc Trường xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.01.03], [H1.11.01.04], [H1.11.01.05], [H1.11.01.06], [H1.11.01.07]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐBCL&KT xây dựng quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường và Quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường, trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành và triển khai thực hiện [H1.11.01.08], [H1.11.01.09], [H1.11.01.10], [H1.11.01.11]. Theo Quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường có quy định hệ thống quản lý thông tin ĐBCL, trong đó Ban Quản trị hệ thống giúp Hiệu trưởng chỉ đạo việc xây dựng, vận hành, kiểm tra, giám sát đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng; họp định kỳ để xem xét, đánh giá việc vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng; tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo để

nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành hệ thống; chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc Trường lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng [H1.11.01.10]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để triển khai xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.01.12], [H1.11.01.13].

Ban Quản trị hệ thống là đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường [H1.11.01.14], [H1.11.01.15], [H1.11.01.16]. Căn cứ nội dung cuộc họp của BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để triển khai xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, Nhà trường quyết định lựa chọn phương án ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.01.12]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm: Trang thư viện số; Hệ thống quản lý nhân sự (HRM) quản lý hồ sơ cán bộ, viên chức Trường; Hệ thống quản lý học vụ (Education) quản lý quá trình đào tạo SV (quy trình xét tuyển, CTĐT, kế hoạch giảng dạy, quản lý điểm học tập của SV, quản lý điểm rèn luyện của SV, xét học bổng, khảo sát chất lượng giảng dạy học phần, xét làm luận văn, xét tốt nghiệp,...); Hệ thống hành chính điện tử (EGOV) quản lý lịch công tác (cấp trường, cấp đơn vị, cấp cá nhân), xử lý văn bản, lưu trữ văn bản đến - đi (văn bản cấp Trung ương, tỉnh, cấp trường); các trang thông tin điện tử (Trường, Phòng ĐT, Phòng TC-HC); trang thông tin tuyển sinh; trang học tập trực tuyến [H1.11.01.17], [H1.11.01.18], [H1.11.01.19], [H1.11.01.20], [H1.11.01.21], [H1.11.01.22], [H1.11.01.23], [H1.11.01.24], [H1.11.01.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Mô tả: Nhà trường triển khai xây dựng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm: Hệ thống quản lý nhân sự (HRM) quản lý hồ sơ cán bộ, viên chức Trường, Hệ thống quản lý học vụ (Education) quản lý quá trình đào tạo SV (quy trình xét tuyển, CTĐT, kế hoạch giảng dạy, quản lý điểm học tập của SV, quản lý điểm rèn luyện của SV, xét học bổng, khảo sát chất lượng giảng dạy học phần, xét làm luận văn, xét tốt nghiệp,...), Hệ thống hành chính điện tử (EGOV) quản lý lịch công tác (cấp trường, cấp đơn vị, cấp cá nhân), xử lý văn bản, lưu trữ văn bản đến - đi (văn bản cấp Trung ương, tỉnh, cấp trường), các trang thông tin điện tử (Trường, Phòng ĐT, Phòng TC-HC), trang thông tin tuyển sinh, trang học tập trực tuyến [H1.11.02.01], [H1.11.02.02], [H1.11.02.03], [H1.11.02.04], [H1.11.02.05], [H1.11.02.06], [H1.11.02.07], [H1.11.02.08]. Nhà trường thành lập Ban quản trị hệ thống để quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.11.02.09], [H1.11.02.10]. Ban quản trị hệ thống phân công nhiệm vụ cho từng thành viên thực hiện quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.11.02.11].

Với việc sử dụng hệ thống các phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong, CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ, phục vụ hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.11.02.12], [H1.11.02.13], [H1.11.02.14], [H1.11.02.15], [H1.11.02.16], [H1.11.02.17], [H1.11.02.18]. Các thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống và với việc ứng dụng CNTT nên được phân

tích chính xác, đầy đủ cũng như đối sánh giữa kết quả thực hiện so với các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính trong từng lĩnh vực hoạt động. Bên cạnh đó, dữ liệu khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường được lưu trữ, phân tích chính xác, đầy đủ và là cơ sở để các đơn vị thuộc trường tham khảo, sử dụng trong việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.11.02.19].

Các thông tin ĐBCL bên trong của Trường được lưu trữ có hệ thống thông qua các phần mềm quản lý và được trích xuất dễ dàng, thuận lợi khi cần [H1.11.02.01], [H1.11.02.02], [H1.11.02.03]. Nhà trường trích xuất, sử dụng các thông tin ĐBCL bên trong để thực hiện các báo cáo Bộ GD&ĐT, UBND thành phố Cần Thơ cũng như báo cáo 3 công khai của Trường [H1.11.02.20], [H1.11.02.21]. Bên cạnh đó, các thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường sử dụng trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.11.02.22], [H1.11.02.23].

Nhà trường ban hành quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường, trong đó giao trường các đơn vị phụ trách quản trị hệ thống gắn liền với chức năng và nhiệm vụ được phân công quản lý [H1.11.02.24], [H1.11.02.25]. Trong quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường, Ban quản trị hệ thống là đơn vị quản lý chung hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban Quản trị hệ thống chịu trách nhiệm công tác an toàn, bảo mật cho hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.02.09], [H1.11.02.10], [H1.11.02.11]. Giai đoạn 2015-2019, hạ tầng mạng và hệ thống thông tin của Trường được đảm bảo an toàn, bảo mật [H1.11.02.26], [H1.11.02.27], [H1.11.02.28].

Nhà trường gửi quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV và SV [H1.11.02.29]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.11.02.30]. Tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến đến SV quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường [H1.11.02.31], [H1.11.02.32]. Nhà trường cung cấp cho CB, GV, NV và SV địa chỉ email nội bộ nhằm tăng cường bảo mật thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.02.33], [H1.11.02.34]. Các SV của Nhà trường được cấp tài khoản để sử dụng hệ thống quản lý học vụ của Trường [H1.11.02.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn dữ liệu và thông tin.

Mô tả: Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT có nội dung rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.03.01], [H1.11.03.02]. BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban Quản trị hệ thống, Khoa CNTT phối hợp Phòng ĐBCL&KT để tiến hành rà soát số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của Trường [H1.11.03.03], [H1.11.03.04], [H1.11.03.05], [H1.11.03.06], [H1.11.03.07], [H1.11.03.08], [H1.11.03.09]. Trên cơ sở đó, Ban Quản trị hệ thống, Khoa CNTT phối hợp Phòng ĐBCL&KT để xem xét, rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó lưu ý đến số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H1.11.03.10].

Căn cứ nội dung phối hợp với Khoa CNTT rà soát số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin, Ban Quản trị hệ thống thực hiện báo cáo rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường và gửi báo cáo BGH [H1.11.03.11]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của Trường [H1.11.03.12]. BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị bổ sung các dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và gửi về Ban Quản trị hệ thống để tổng hợp [H1.11.03.13]. Ban Quản trị hệ thống phối hợp với Khoa CNTT bổ sung các dữ liệu cần thiết mang tính cập nhật của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và trình BGH phê duyệt nâng cấp hệ thống [H1.11.03.14], [H1.11.03.15], [H1.11.03.16].

Phòng ĐBCL&KT thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.03.17], [H1.11.03.18], [H1.11.03.19]. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến Khoa CNTT, Ban quản trị hệ thống tham khảo và sử dụng trong quá trình cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.03.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của lãnh đạo các đơn vị về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong tại các cuộc họp giao ban định kỳ [H1.11.03.21]. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường tiếp thu để điều chỉnh, bổ sung hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban Quản trị hệ thống, Khoa CNTT phối hợp với Phòng ĐBCL&KT để cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.04.01], [H1.11.04.02], [H1.11.04.03], [H1.11.04.04], [H1.11.04.05]. Căn cứ kết quả tổng hợp các dữ liệu cần bổ sung của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong do các đơn vị đề xuất, Ban Quản trị hệ thống, Khoa CNTT phối hợp với Phòng ĐBCL&KT xem xét để bổ sung dữ liệu trong hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.11.04.06], [H1.11.04.07], [H1.11.04.08]. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các góp ý của lãnh đạo các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.04.09]. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được cải tiến qua từng năm với CSDL bao quát các hoạt động của Trường, trong đó tập trung công tác ĐT, NCKH, PVCĐ. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu tổng hợp được chuẩn hóa và chính sách bảo mật, an toàn của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cập nhật [H1.11.04.10], [H1.11.04.11], [H1.11.04.12].

Ban Quản trị hệ thống phối hợp với các đơn vị xem xét, điều chỉnh, cải tiến việc phân quyền cho các đơn vị, CB, GV, SV nhằm tăng cường tính tiện dụng và đảm bảo tính bảo mật, an toàn của dữ liệu [H1.11.04.13], [H1.11.04.14]. Nhà trường ban hành công văn yêu cầu CB, GV, NV, SV sử dụng email công vụ trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật [H1.11.04.15]. Ngoài ra, Nhà trường ưu tiên dành kinh

phí cho việc bảo trì, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H1.11.04.16], [H1.11.04.17], [H1.11.04.18], [H1.11.04.19].

Trong quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường có yêu cầu các đơn vị thuộc Trường sử dụng thông tin, dữ liệu ĐBCL bên trong để phục vụ việc đề xuất chính sách, xây dựng kế hoạch, thực hiện các báo cáo hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.11.04.20], [H1.11.04.21], [H1.11.04.22], [H1.11.04.23], [H1.11.04.24], [H1.11.04.25], [H1.11.04.26]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị sử dụng thông tin từ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường để triển khai hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.11.04.01]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được đề xuất, triển khai thực hiện, báo cáo dựa trên dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.04.27], [H1.11.04.28], [H1.11.04.29].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường chú trọng, quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng ĐBCL&KT.

- Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTT để xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong.

- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được xây dựng trên nền tảng ứng dụng CNTT.

- Nhà trường ban hành quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Trường, thông báo đến các đơn vị, phổ biến đến CB, GV, NV, SV để thực hiện.

- Nhà trường cung cấp địa chỉ email công vụ và yêu cầu CB, GV, NV, SV sử dụng nhằm tăng cường bảo mật thông tin, dữ liệu.

- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường hoạt động hiệu quả và phục vụ tích cực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTT tiến hành xem xét, rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan có khảo sát về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTT căn cứ kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, báo cáo rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong để điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Nhà trường thực hiện điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó tập trung bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

- Các đơn vị thuộc Trường sử dụng thông tin từ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường để triển khai hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do các phiên bản CNTT thay đổi nhanh chóng nên hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa cập nhật các ứng dụng CNTT mới.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường bổ sung nhân lực cho Khoa CNTT cũng như kinh phí hằng năm để kịp thời cập nhật những thay đổi về CNTT để ứng dụng đối với hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	5.0
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong Nghị quyết của Đảng ủy, Nhà trường luôn tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng của Trường [H1.12.01.01]. Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường có nhiều nội dung nâng cao chất lượng hoạt động, trong đó tập trung công tác ĐT, NCKH, PVCD [H1.12.01.02]. BGH Nhà trường phân công cho các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công để triển khai các nội dung nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH, PVCD theo kế hoạch năm học [H1.12.01.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể luôn có các nội dung cụ thể để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD, góp phần nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD của toàn trường [H1.12.01.04], [H1.12.01.05], [H1.12.01.06], [H1.12.01.07], [H1.12.01.08]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đề CB, GV, NV tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD [H1.12.01.09]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD [H1.12.01.10], [H1.12.01.11].

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các nội dung cần thực hiện nâng cao chất lượng với các mốc thời gian cụ thể, liên tục [H1.12.01.02], [H1.12.01.04], [H1.12.01.05], [H1.12.01.06], [H1.12.01.07], [H1.12.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn xác định các chỉ tiêu phấn đấu đối với các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường, kế hoạch năm học, nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1.12.01.12], [H1.12.01.13], [H1.12.01.14], [H1.12.01.15]. Tại cuộc họp giao ban đầu năm học giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng đến lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trong đó lưu ý nội dung, tiến độ, kết quả nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.12.01.03]. Ngoài ra, tại cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, BGH Nhà trường quán triệt, nhắc nhở, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện để kịp thời áp dụng các biện

pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng theo kế hoạch đã phê duyệt và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể triển khai nhiều hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.12.01.16]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.12.01.17], [H1.12.01.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Mô tả: Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị nghiên cứu và đề xuất quy định về việc thực hiện so chuẩn và đối sánh của Trường [H1.12.02.01], [H1.12.02.02], [H1.12.02.03]. Phòng ĐBCL&KT tham khảo quy định so chuẩn của ĐHQG Hà Nội để soạn thảo quy định hướng dẫn về đối sánh chất lượng giáo dục của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ [H1.12.02.04], [H1.12.02.05], [H1.12.02.06], [H1.12.02.07], [H1.12.02.08]. Năm 2018, Nhà trường ban hành và thông báo quy định về việc thực hiện so chuẩn và đối sánh đến các đơn vị để thực hiện [H1.12.02.09]. Trong văn bản quy định về so chuẩn và đối sánh có nêu rõ tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh.

Trong văn bản quy định về so chuẩn và đối sánh do Nhà trường ban hành đồng thời nêu rõ tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.12.02.08]. Đối với hoạt động ĐT, Phòng ĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh. Đối với hoạt động NCKH, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh. Đối với hoạt động PVCĐ, Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV và các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H1.12.02.10]. Bên cạnh việc so chuẩn, đối sánh với các trường đại học trong và ngoài nước được xác định, việc so chuẩn, đối sánh còn được thực hiện với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD và CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.12.02.10], [H1.12.02.11], [H1.12.02.12], [H1.12.02.13]. Hoạt động đối sánh đồng thời được thực hiện giữa CTĐT của Nhà trường so với CTĐT tương đương của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước [H1.12.02.14]. Ngoài ra, công tác đối sánh được thực hiện so sánh giữa kết quả thực hiện so với chỉ tiêu, chỉ số đã xác định cũng như so với kết quả của năm trước.

Trong quy định về so chuẩn và đối sánh do Nhà trường ban hành có hướng dẫn cụ thể sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng đối với từng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công đề xuất các đối tác trong và ngoài nước để Nhà trường ký kết hợp tác [H1.12.02.15]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và các đối tác trong và ngoài nước triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, nâng cao chất lượng của Trường [H1.12.02.16].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Mô tả: Căn cứ văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh đã ban hành, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành so chuẩn, đối sánh trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.12.03.01], [H1.12.03.02]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị và thống nhất lựa chọn trường đại học để Trường đối sánh là Trường ĐHSPKT Vĩnh Long [H1.12.03.03], [H1.12.03.04], [H1.12.03.05], [H1.12.03.06], [H1.12.03.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành đối sánh với các trường đại học ở trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H1.12.03.08]. Đối với CTĐT, các khoa lựa chọn và đối sánh với CTĐT cùng chuyên ngành của các trường đại học quốc tế và trong nước có uy tín [H1.12.03.09], [H1.12.03.10]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các đơn vị trực thuộc tiến hành đối sánh thực trạng của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT nhằm nâng cao chất lượng của Trường và thực hiện KĐCL giáo dục theo quy định [H1.12.03.11].

Các phòng chức năng phối hợp với các khoa đã tiến hành đối sánh thực trạng của Nhà trường về các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ với Trường ĐHSPKT Vĩnh Long. Kết quả đối sánh được báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị trực thuộc để xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, kết quả đối sánh CTĐT với CTĐT cùng chuyên ngành của các trường đại học quốc tế và trong nước có uy tín là cơ sở để các khoa điều chỉnh, cải tiến CTĐT. Ngoài ra, kết quả đối sánh thực trạng của Nhà trường với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành là cơ sở để BGH Trường cải tiến chất lượng hoạt động nhằm thực hiện KĐCL CSGD và CTĐT [H1.12.03.12].

Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn khuyến khích CB, GV, NV và SV thực hiện đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H1.12.03.03], [H1.12.03.13]. Kết quả đối sánh thực trạng NCKH của Trường so với Trường ĐHSPKT Vĩnh Long cũng như so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD là cơ sở để Nhà trường ban hành các chính sách động viên, khuyến khích CB, GV, SV tăng cường NCKH, trong đó chú trọng tính mới, tính sáng tạo của các công trình nghiên cứu [H1.12.03.11], [H1.12.03.14]. Ngoài ra, kết quả đối sánh thực trạng hoạt động đổi mới PPGD GV của Trường so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT là cơ sở để Nhà trường tăng cường tổ chức tập huấn để GV, SV đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy và học tập [H1.12.03.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã đạt được nhiều giải thưởng tại các hội thi về đổi mới, sáng tạo các cấp [H1.12.03.16].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Mô tả: Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và Công văn 768/QLCL-KĐCLGD hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học, Nhà trường đã ban hành công văn hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ vào năm 2018 và ban hành Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ vào năm 2019, trong đó có hướng dẫn cụ thể các bước cần thực hiện để lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H1.12.04.01]. Phòng ĐBCL&KT thực hiện báo cáo rà soát quy định về so chuẩn,

đối sánh do Nhà trường ban hành, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H1.12.04.02]. Năm 2019, Phòng ĐBCL&KT hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và trung tâm trực thuộc để xem xét, rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng trong quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà trường [H1.12.04.03], [H1.12.04.04], [H1.12.04.05], [H1.12.04.06]. Trên cơ sở đó, năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H1.12.04.01].

Trong quá trình xác định thang đo chuẩn để so chuẩn và đối sánh, Nhà trường đã tham khảo văn bản về so chuẩn của ĐHQG Hà Nội [H1.12.04.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường nghiên cứu, tham khảo các tiêu chí xếp hạng để thực hiện so chuẩn, đối sánh. Ngoài ra, Nhà trường tham khảo và sử dụng các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để lựa chọn, xác định thang đo chuẩn [H1.12.04.08], [H1.12.04.09], [H1.12.04.10], [H1.12.04.11], [H1.12.04.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Căn cứ báo cáo rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng do Phòng ĐBCL&KT thực hiện, nội dung thống nhất tại cuộc họp giữa Phòng ĐBCL&KT với các đơn vị trực thuộc để xem xét, rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng trong quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà trường, cuối năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H1.12.05.01], [H1.12.05.02], [H1.12.05.03]. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Nhà trường được điều chỉnh trong đó tập trung ở khâu lựa chọn trường ĐH để đối sánh là trường ĐH đã được KĐCLGD cũng như mở rộng kênh so chuẩn không chỉ là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành mà đồng thời quan tâm đến các tiêu chí xếp hạng trường đại học của các bảng xếp hạng quốc tế [H1.12.05.04], [H1.12.05.05], [H1.12.05.06], [H1.12.05.07], [H1.12.05.08], [H1.12.05.09], [H1.12.05.10]. Nhà trường thông báo quy định về so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng đến các đơn vị để thực hiện [H1.12.05.11]. Căn cứ kết quả so chuẩn và đối sánh, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa, các tổ chức đoàn thể để thực hiện cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.12.05.12]. Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các khoa thực hiện điều chỉnh, cải tiến CTĐT dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh về CTĐT [H1.12.05.13]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC chủ trì và phối hợp với các khoa, các trung tâm nghiên cứu để tăng cường các công trình NCKH, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh về NCKH [H1.12.05.14]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV và các khoa để tăng cường các hoạt động về PVCD [H1.12.05.15]. Kết quả đối sánh của Nhà trường đồng thời được gửi đến các khoa để thực hiện cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, góp phần nâng cao chất lượng của Trường. Trong báo cáo tổng kết năm học và

trong báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, Nhà trường luôn đánh giá kết quả cải tiến hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh [H1.12.05.16], [H1.12.05.17], [H1.12.05.18].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch năm học trong đó có kế hoạch và các nội dung nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.
- Nhà trường thông báo và triển khai đến các đơn vị trực thuộc thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.
- Nhà trường ban hành văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh và phổ biến rộng rãi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện.
- Nhà trường xác định và tiến hành so chuẩn, đối sánh các hoạt động với trường ĐH trong nước, với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành.
- Các phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công đã phối hợp với các khoa, các trung tâm, các tổ chức đoàn thể tiến hành cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh.
- Kết quả so chuẩn, đối sánh được chia sẻ đến các đơn vị và được Nhà trường sử dụng để áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ.
- Trong giai đoạn 2015-2019, chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được nâng cao qua từng năm dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh.
- Nhà trường rà soát, đánh giá để tiến hành điều chỉnh, cải tiến quy định về so chuẩn, đối sánh của Trường, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng.
- Hoạt động NCKH và đổi mới, sáng tạo của GV, SV Nhà trường được tăng cường và cải tiến qua từng năm nhờ hoạt động so chuẩn, đối sánh về NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai đối sánh tất cả các hoạt động của Trường so với các tiêu chí xếp hạng ĐH quốc tế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, định kỳ hằng năm, Nhà trường đối sánh tất cả các hoạt động của Trường so với các tiêu chí xếp hạng ĐH quốc tế để từ đó áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng của Trường và vị thứ trên các bảng xếp hạng ĐH quốc tế.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	5.0
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5

Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Các Nghị quyết cả Đảng ủy và thông báo kết luận của BGH thể hiện sự quan tâm của Đảng ủy, BGH về công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường [H1.13.01.01], [H1.13.01.02]. Năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng ĐT là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chiến lược và giúp Hiệu trưởng trong thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh [H1.13.01.03], [H1.13.01.04], [H1.13.01.05], [H1.13.01.06], [H1.13.01.07]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh, trong đó Phòng ĐT là đơn vị thường trực [H1.13.01.08]. Trong BGH, Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường [H1.13.01.09]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, CSDL tuyển sinh của các năm học trước, Phòng ĐT phối hợp với các khoa, phòng, ban để xây dựng dự thảo Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của Hội đồng Tuyển sinh để thống nhất Đề án tuyển sinh hằng năm [H1.13.01.10], [H1.13.01.11]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường. Đề án tuyển sinh của Trường thể hiện rõ các nội dung như đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, chế độ ưu tiên, ngưỡng ĐBCL đầu vào, thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường, thời gian nhận hồ sơ, các thủ tục, quy trình đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cụ thể nhất đến thí sinh và phụ huynh [H1.13.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường công bố các chính sách học bổng, ưu đãi học phí cụ thể đến thí sinh trong hướng dẫn tuyển sinh cũng như công bố chính thức trên các ấn phẩm truyền thông, Brochure tuyển sinh, flyer, các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình và website của Trường để thí sinh, phụ huynh thí sinh và các đối tượng quan tâm dễ dàng tiếp cận, đăng ký và kịp thời nắm bắt quyền lợi chính đáng khi tham gia tuyển sinh vào Trường [H1.13.01.13], [H1.13.01.14], [H1.13.01.15], [H1.13.01.16].

Định kỳ hằng năm, Phòng ĐT xây dựng Kế hoạch tuyển sinh dựa trên Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất và trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường [H1.13.01.17]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, trong đó Phòng CTCT&QLSV có nhiệm vụ chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động truyền thông phù hợp theo phân công của BGH Trường. Bên cạnh đó, các phòng, khoa có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp với Phòng CTCT&QLSV tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo phân công của Nhà trường trong kế hoạch tuyển sinh. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị, CB, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H1.13.01.18]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H1.13.01.19]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian của công tác tuyển sinh như: thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các phòng, khoa chủ động phối hợp thực hiện [H1.13.01.17].

Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyển sinh, theo đó hằng năm, Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp do các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức như: Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL, truyền thông trên các báo online cũng như cầm nang tuyển sinh [H1.13.01.20], [H1.13.01.21]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường luôn có nội dung truyền thông về tuyển sinh. Nhà trường phân công Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chuyên trách và phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện truyền thông về tuyển sinh của Trường một cách đa dạng, kịp thời và hiệu quả [H1.13.01.17]. Nhà trường đăng tải đầy đủ đề án tuyển sinh, các thông tin về tuyển sinh trên website của Trường [H1.13.01.22], [H1.13.01.23]. Bên cạnh đó, thông tin về tuyển sinh của Trường còn thể hiện trên Brochure của Trường, đăng trên cầm nang tuyển sinh của các báo. Ngoài ra, Nhà trường đăng thông tin tuyển sinh trên facebook của Trường, trên Zalo Trường cũng như tổng đài của VNPT qua hình thức nhắn tin SMS [H1.13.01.24], [H1.13.01.25]. Các hình thức truyền thông tuyển sinh của Trường thông qua khảo sát ý kiến của tân SV được đánh giá là kịp thời, tiện lợi, hiệu quả, góp phần tích cực vào kết quả tuyển sinh tăng trưởng tích cực qua từng năm của Trường và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H1.13.01.25], [H1.13.01.26], [H1.13.01.27], [H1.13.01.28], [H1.13.01.29], [H1.13.01.30], [H1.13.01.31], [H1.13.01.32], [H1.13.01.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Mô tả: Hằng năm, để xác định chỉ tiêu cụ thể các ngành tuyển sinh, HĐTS của Trường hợp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo của toàn Trường [H1.13.02.01], [H1.13.02.02], [H1.13.02.03]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của năm học trước, Nhà trường xác định các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh của Trường [H1.13.02.04], [H1.13.02.05], [H1.13.02.06], [H1.13.02.07] [H1.13.02.08]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H1.13.02.09]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với chương trình đào tạo từng ngành của Trường, đồng thời, đăng tải trên website của Trường và thông báo đầy đủ đến thí sinh [H1.13.02.10], [H1.13.02.11]. Trên cơ sở căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường và của từng ngành đào tạo [H1.13.02.12], [H1.13.02.13]. Trong giai đoạn 2015-2019, chỉ tiêu tuyển sinh của Trường được xác định đúng theo quy định [H1.13.02.14].

Trong giai đoạn 2015-2016, Nhà trường đã áp dụng các phương thức xét tuyển đại học cho từng ngành đào tạo với mục tiêu chọn người học phù hợp với từng CTĐT và áp dụng thống nhất chung cho chương trình giảng dạy [H1.13.02.15]. Nhà trường áp dụng 02 phương thức xét tuyển bao gồm: (1) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hoặc thí sinh có hộ khẩu tạm trú và học trung học phổ thông lớp 10, 11, 12 tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (năm 2019 xét tuyển cả nước); Thí sinh tốt

ngành trung học phổ thông hoặc tương đương; Tổ hợp môn thi xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo, có điểm xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.0 điểm trở xuống; (2) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT theo học bạ (áp dụng từ năm 2019); thí sinh phải tốt nghiệp THPT, tổng điểm trung bình cả 3 năm THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành, xét điểm theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Nhà trường áp dụng linh hoạt các hình thức xét tuyển phù hợp, đúng quy định với số lượng thí sinh được tuyển, đáp ứng được ngưỡng ĐBCL đầu vào của Trường. Số lượng tân SV của Trường tăng qua từng năm [H1.13.02.16]. Ngoài ra, Nhà trường phân công Phòng ĐT xây dựng, quản lý CSDL về công tác tuyển sinh của Trường [H1.13.02.17]. CSDL về công tác tuyển sinh của Trường được lưu trữ đầy đủ và dễ dàng trích xuất khi có yêu cầu [H1.13.02.18]. Các thông tin tuyển sinh, nhập học, các điều kiện tuyển sinh được Nhà trường công khai và thông tin đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H1.13.02.11].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Mô tả: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường và HĐTS phân công Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV cùng với Ban Quản trị hệ thống của Trường chịu trách nhiệm giám sát về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.01.01], [H1.13.01.02], [H1.13.01.03], [H1.13.01.04]. Nhân sự của Phòng ĐT hiện có 06 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 04 chuyên viên. Phòng CTCT&QLSV hiện có 05 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng, 02 chuyên viên. Các nhân sự của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV được phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.01.05], [H1.13.01.06], [H1.13.01.07], [H1.13.01.08], [H1.13.01.09], [H1.13.01.10]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.01.11]. Ngoài ra, Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV phối hợp cùng sự hỗ trợ của Ban Quản trị hệ thống để giám sát công tác tuyển sinh và nhập học bằng phần mềm quản lý giáo dục của Trường [H1.13.01.12], [H1.13.01.13], [H1.13.01.14], [H1.13.01.15].

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác tuyển sinh và nhập học, Nhà trường giao Phòng ĐT xây dựng dự thảo quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.13.01.16], [H1.13.01.17]. Nhà trường thông báo quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đến các đơn vị để thực hiện và phối hợp thực hiện [H1.13.01.18]. Trong quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học thể hiện rõ các bước cần thực hiện đối với công tác tuyển sinh và nhập học với sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành hệ thống biểu mẫu phục vụ công tác tuyển sinh và nhập học cũng như giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [H1.13.01.19], [H1.13.01.20].

Trong quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, HĐTS Trường thực hiện giám sát công tác tuyển sinh từ khâu xây dựng đề án, kế hoạch tuyển sinh do Phòng ĐT thực hiện [H1.13.01.21], [H1.13.01.22], [H1.13.01.23], [H1.13.01.24]. Theo quy trình tuyển sinh đã ban hành, Phòng ĐT tiến hành cập nhật hồ sơ xét tuyển, tư vấn và hướng dẫn thí sinh điền và nộp hoàn thiện hồ sơ theo danh mục đã ban hành. Phòng ĐT tập trung toàn bộ hồ sơ xét tuyển, lập danh sách tổng hợp, kiểm tra lại các tiêu chí xét tuyển, sau đó HĐTS họp xét duyệt và ra quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và gửi

thông báo trúng tuyển cho tất cả thí sinh [H1.13.01.25], [H1.13.01.26]. Ngoài ra, Ban Thanh tra của HĐTS Trường tham gia thanh tra, giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV [H1.13.01.27]. Ngoài ra, Đảng ủy, BGH giám sát kết quả công tác tuyển sinh của Nhà trường.

HĐTS Trường thực hiện giám sát quá trình nhập học của Trường. Phòng ĐT xây dựng CSDL về công tác tuyển sinh của Trường và thường xuyên báo cáo HĐTS Trường về kết quả nhập học ngay từ khi bắt đầu gửi thông báo trúng tuyển đến thí sinh [H1.13.01.28]. Phòng ĐT phối hợp Phòng CTCT&QLSV triển khai thực hiện công tác nhập học và cập nhật báo cáo HĐTS Trường về kết quả nhập học của thí sinh qua từng ngày và trong cả đợt tuyển sinh [H1.13.01.29]. Ngoài ra, Ban Thanh tra của HĐTS của Trường tham gia giám sát quá trình nhập học nhằm phát hiện các trường hợp sai sót hoặc thiếu sót nếu có. Sau khi thí sinh nhập học, Phòng CTCT&QLSV triển khai công tác hậu kiểm [H1.13.01.30]. Hằng năm, Phòng ĐT thống kê và báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT và HĐTS Trường [H1.13.01.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học, luôn thực hiện nghiêm túc chính sách tuyển sinh theo hướng dẫn và quy định [H1.13.01.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Mô tả: Nhà trường ban hành quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, trên cơ sở đó HĐTS Nhà trường thường xuyên quán triệt các đơn vị có liên quan triển khai giám sát công tác tuyển sinh theo quy trình giám sát công tác tuyển sinh đã được ban hành [H1.13.04.01], [H1.13.04.02]. Tại cuộc họp của HĐTS, Nhà trường luôn yêu cầu Phòng ĐT thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo quy định và đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt [H1.13.04.03], [H1.13.04.04], [H1.13.04.05]. Phòng ĐT thường xuyên báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như xây dựng báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm [H1.13.04.06], [H1.13.04.07]. Bên cạnh đó, Bộ phận Thanh tra Trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh và báo cáo BGH [H1.13.04.08]. Nhà trường sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ GD&ĐT và thông qua cuộc họp với HĐTS để phân tích dữ liệu xét tuyển của Trường, từ đó giám sát mức điểm xét tuyển cho phù hợp và đúng quy định [H1.13.04.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, công tác tuyển sinh của Trường luôn đảm bảo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT [H1.13.04.07]. Công tác giám sát quá trình nhập học được Nhà trường thực hiện chặt chẽ ngay từ khâu gửi giấy báo trúng tuyển đến thí sinh và đúng theo quy trình nhập học đã được Nhà trường ban hành và được thể hiện qua báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh hằng năm của Trường [H1.13.04.02], [H1.13.04.08]. Phòng CTCT&QLSV tham mưu BGH về kế hoạch nhập học hằng năm [H1.13.04.10]. Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị và phân công trách nhiệm cụ thể để triển khai công tác nhập học cho thí sinh trúng tuyển [H1.13.04.11]. Kết thúc mỗi ngày nhập học và cả quá trình nhập học, Phòng CTCT&QLSV báo cáo BGH về số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học [H1.13.04.12]. Kết thúc công tác nhập học, Phòng CTCT&QLSV kết hợp Phòng ĐT và Bộ phận Thanh tra Trường tiến hành công tác hậu kiểm hồ sơ nhập học của thí sinh [H1.13.04.13]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai công tác nhập học đúng theo các quy định [H1.13.04.07].

Căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Kế hoạch tuyển sinh của Trường, hằng năm kết thúc tuyển sinh hằng năm, Phòng ĐT phối hợp Phòng CTCT&QLSV xây dựng báo cáo công tác tuyển sinh và nhập học để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định, đồng thời báo cáo HĐTS Trường [H1.13.04.06], [H1.13.04.07], [H1.13.04.08], [H1.13.04.14].

Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm, Nhà trường luôn có sự đối sánh kết quả tuyển sinh và nhập học so với chỉ tiêu đã xác định cũng như so sánh mức điểm so với các trường đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL [H1.13.04.15]. Nhà trường sử dụng phần mềm tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, đối sánh mức điểm đầu vào qua từng năm và thông qua việc phân tích các dữ liệu tuyển sinh hằng năm để phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.04.16]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị công tác tuyển sinh để đánh giá công tác tuyển sinh của Trường và đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh [H1.13.04.07], [H1.13.04.17], [H1.13.04.18]. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Phòng ĐT phối hợp với các đơn vị tiến hành khảo sát ý kiến của tân SV về lý do chọn Trường, về sở thích chọn trường đại học của thí sinh, khoảng vùng khu vực có thí sinh nhập học nhiều tại Trường, mức độ thu hút thí sinh của các ngành học của Trường, hiệu quả của công tác tuyển sinh, truyền thông, mức độ hấp dẫn về học bổng, học phí, tổ hợp xét tuyển được lựa chọn nhiều nhất [H1.13.04.19], [H1.13.04.20], [H1.13.04.21], [H1.13.04.22], [H1.13.04.23], [H1.13.04.24]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐT có những phân tích, đánh giá để kịp thời đề xuất những giải pháp, tham mưu BGH những thay đổi phù hợp cho công tác tuyển sinh và thể hiện trong đề án tuyển sinh của năm tiếp theo [H1.13.04.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Mô tả: Hằng năm, nhằm đánh giá công tác tuyển sinh, nhập học và chuẩn bị cho kế hoạch tuyển sinh, nhập học năm tiếp theo, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá kết quả đạt được về công tác tuyển sinh và nhập học so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.05.01]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học của Trường, Nhà trường luôn đề cập đến kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: mức điểm, kết quả học tập THPT, tỉnh thành nhiều thí sinh nhất, xuất thân của thí sinh, phương thức xét tuyển được thí sinh chọn nhiều nhất, tổ hợp được thí sinh yêu thích nhất, ngành học được thí sinh chọn nhiều nhất, các kênh truyền thông thí sinh chú ý nhất [H1.13.05.02]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học đồng thời được Nhà trường xem xét để từ đó kết hợp với kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm để điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học [H1.13.05.03], [H1.13.05.04], [H1.13.05.05], [H1.13.05.06], [H1.13.05.07]. Ngoài ra, tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị, CB, GV, NV tham gia công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.05.08].

Căn cứ báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh và nhập học, ý kiến của CB, GV, NV, Phòng ĐT tham mưu đề xuất các nội dung cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và áp dụng cho năm học tiếp theo, thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Trường [H1.13.05.02], [H1.13.05.09], [H1.13.05.07], [H1.13.05.08], [H1.13.05.10], [H1.13.05.11]. Nhà trường xác định và áp dụng các điều chỉnh, cải tiến về chính sách tuyển sinh như: tăng cường các hoạt động hướng nghiệp phù hợp với xu thế và mong muốn của học sinh cũng như BGH Trường THPT, mở rộng địa bàn tuyển sinh, tăng cường nhiều hoạt động gắn kết với các trường THPT, đa dạng hóa các chương trình tư vấn tuyển sinh, tăng cường các hoạt động truyền thông để mang lại những tín hiệu tích

cực cho công tác tuyển sinh hằng năm [H1.13.05.12], [H1.13.05.13], [H1.13.05.14]. Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, Nhà trường mở thêm ngành Công nghệ sinh học năm 2018; ngành Khoa học dữ liệu, ngành Logistics và Chuỗi cung ứng năm 2019 và năm 2020 Nhà trường đang trình Bộ GD&ĐT cho phép mở thêm ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật năng lượng [H1.13.05.15], [H1.13.05.16], [H1.13.05.17]. Về phương thức tuyển sinh, Nhà trường giữ ổn định hình thức xét tuyển cơ bản là dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia và đến năm 2019 Nhà trường bổ sung thêm hình thức tuyển kết quả bậc THPT [H1.13.05.18], [H1.13.05.19]. Về học phí, trong 07 năm thành lập và phát triển, Nhà trường luôn giữ mức học phí theo quy định của Chính phủ, của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đối với trường đại học công lập (bình quân khoảng 4.500.000 đ/1 học kỳ) nhằm tạo điều kiện cho gia đình khó khăn có thể an tâm cho con em đến Trường để học và được xã hội đánh giá cao [H1.13.05.20]. Để khuyến khích và tạo điều kiện cho SV học tập tốt, Nhà trường cấp học bổng ngay học kỳ đầu tiên cho thí sinh đạt thủ khoa ngành [H1.13.05.21]. Với những biện pháp cải tiến trong công tác tuyển sinh, trong những năm qua, số liệu của công tác tuyển sinh, nhập học của Trường chuyển biến hướng tích cực và tăng qua từng năm. Nhà trường có những đối sánh về số liệu điểm xét tuyển, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và nhập học hằng năm nhằm đánh giá năng lực cạnh tranh của Trường so với các trường khác trong cùng thứ hạng để có những cải tiến phù hợp nâng cao hiệu quả tuyển sinh [H1.13.05.22], [H1.13.05.23]. Nhà trường ưu tiên dành kinh phí cho công tác tuyển sinh và nhập học với số tiền tăng qua từng năm nhằm cải tiến tốt hơn công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H1.13.05.24], [H1.13.05.25]. Trong giai đoạn 2015-2019, công tác tuyển sinh và nhập học của Trường luôn được cải tiến qua từng năm, góp phần nâng cao học hiệu của Trường [H1.13.05.26], [H1.13.05.27].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường thành lập HĐTS để chỉ đạo, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuyên suốt quá trình tuyển sinh và nhập học của Trường. Công tác tuyển sinh của Trường luôn nhận được sự quan tâm, tích cực tham gia từ HĐTS, lãnh đạo các đơn vị, CB, GV, NV và SV của Trường.

- Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch tư vấn hướng nghiệp, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và các cá nhân, xác định các mốc thời gian cùng kết quả đạt được trong công tác tuyển sinh.

- Trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường thể hiện đầy đủ, rõ ràng những thông tin về tiêu chí, chỉ tiêu xét tuyển cho từng ngành đào tạo phù hợp, đúng theo quy định và được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả, chủ động và hỗ trợ liên tục thí sinh trong công tác tuyển sinh và nhập học, đồng thời áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức tuyển sinh phù hợp.

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình tuyển sinh và nhập học, triển khai áp dụng trong công tác tuyển sinh và nhập học của Trường; áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ thí sinh trong quá trình nhập học và học tập tại Trường với mục đích tạo điều kiện tốt nhất.

- Nhà trường ban hành và thực hiện quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; có sự phân công đơn vị và cá nhân thực hiện giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đúng theo quy định.

- Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển sinh và nhập học cũng như giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tiến hành phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học.

- Nhà trường xây dựng CSDL về tuyển sinh và nhập học để có thể trích xuất kịp thời để phục vụ báo cáo khi cần thiết; làm cơ sở để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường và thông báo đến các đơn vị để có thể điều chỉnh theo các ý kiến góp ý của tân SV.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường với sự tham gia tích cực, chủ động của các đơn vị, CB, GV, NV, SV với kết quả hoạt động tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt hiệu quả cao với tổng số thí sinh đăng ký đăng ký xét tuyển và nhập học tăng qua từng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một số ngành tuyển sinh của Nhà trường có ngưỡng ĐBCL còn thấp.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiến hành phân tích, đánh giá toàn diện công tác tuyển sinh và nhập học nhằm điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh theo hướng tăng học bổng, miễn giảm học phí cho thí sinh đạt loại giỏi, xuất sắc để thu hút, tăng dần ngưỡng ĐBCL đầu vào của Trường.

4. Tự đánh giá

Tiêu chuẩn / Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	5.0
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Mô tả: Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê

duyet và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường [H1.14.01.01], [H1.14.01.02], [H1.14.01.03], [H1.14.01.04], [H1.14.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Phòng ĐT dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, gửi đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh, bổ sung, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT của Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.14.01.06], [H1.14.01.07], [H1.14.01.08], [H1.14.01.09], [H1.14.01.10], [H1.14.01.11], [H1.14.01.12], [H1.14.01.13], [H1.14.01.14], [H1.14.01.15], [H1.14.01.16]. Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường [H1.14.01.16]. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Nhà trường quy định cụ thể về trách nhiệm của các hội đồng, Phòng ĐT, các Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường. Theo đó, Nhà trường giao Hội đồng Khoa học và Đào tạo thành lập Ban rà soát xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CDR của CTĐT (Ban rà soát) vào năm 2017 và năm 2019, theo đó Ban rà soát có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR của CTĐT, đề cương học phần và trình Hội đồng KH&ĐT Trường phê duyệt [H1.14.01.17], [H1.14.01.18]. Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ liên quan đến CDR, CTĐT, đề cương học phần, đồng thời trình Hiệu trưởng ban hành quyết định điều chỉnh CTĐT, CDR, đề cương học phần. Các Khoa có trách nhiệm điều chỉnh CDR, CTĐT, đề cương học phần theo quy trình và gửi tờ trình điều chỉnh CTĐT, CDR của CTĐT, đề cương học phần về Phòng ĐT tổng hợp để trình cho Ban xây dựng, rà soát CDR, CTĐT của Trường [H1.14.01.19], [H1.14.01.20], [H1.14.01.21], [H1.14.01.22]. Bên cạnh đó, GV của Trường có trách nhiệm tham gia góp ý báo cáo rà soát CTĐT, CDR của CTĐT, đề cương học phần của Ban xây dựng, rà soát, điều chỉnh, CDR, CTĐT, đề cương học phần [H1.14.01.23]. Nhà trường thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H1.14.01.24]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng ĐT và các Khoa [H1.14.01.25], [H1.14.01.26]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành 07 CTĐT của Trường, điều chỉnh 11 CTĐT của Trường [H1.14.01.27], [H1.14.01.28].

Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được ban hành, trong đó có quy định trách nhiệm của Phòng ĐT, các Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần [H1.14.01.16]. Theo đó, Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT, các Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT [H1.14.01.21]. Bên cạnh đó, GV có trách nhiệm tham gia góp ý xây dựng cập nhật CTĐT theo kế hoạch đã được triển khai [H1.14.01.23].

Trong quá trình xây dựng Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Trường, Phòng ĐT là đơn vị triển khai lấy ý kiến góp ý của các Khoa và GV về dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần của Trường. Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa và yêu cầu các Khoa phổ biến để GV góp ý dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường [H1.14.01.11]. Phòng ĐT tiếp thu ý kiến của các Khoa và GV để điều chỉnh, bổ sung dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường cũng như đề cương học phần và tiếp tục tiếp thu ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, đề

cương học phần của Trường [H1.14.01.12]. Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường [H1.14.01.29], [H1.14.01.30], [H1.14.01.31], [H1.14.01.32], [H1.14.01.33], [H1.14.01.34], [H1.14.01.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Mô tả: Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường đã ban hành, trong đó có quy định về quy trình công bố CĐR của CTĐT [H1.14.02.01]. Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của CTĐT của Trường [H1.14.02.02]. Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của Trường có trách nhiệm tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các Khoa xây dựng CĐR của từng ngành đào tạo [H1.14.02.03]. Theo đó, các Khoa tổ chức xây dựng dự thảo CĐR của CTĐT, tổ chức lấy kiến các bên liên quan, nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng, cựu SV [H1.14.02.01] [H1.14.02.04], [H1.14.02.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, các CĐR của CTĐT của Nhà trường được ban hành tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H1.14.02.06], [H1.14.02.07], [H1.14.02.08].

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường, Nhà trường có yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.14.02.09], [H1.14.02.10]. Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì, phối hợp với các phòng, khoa thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H1.14.02.11], [H1.14.02.12], [H1.14.02.13], [H1.14.02.14]. Theo đó, các Khoa lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT [H1.14.02.15]. Phòng ĐBCL&KT xử lý dữ liệu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, gửi đến các Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR của các CTĐT [H1.14.02.16]. Ngoài ra, tại hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức về hoạt động đào tạo, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về CĐR của CTĐT và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR, CTĐT [H1.14.02.17], [H1.14.02.18]. Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của Trường triển khai việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT của Trường [H1.14.02.03]. Các CĐR của CTĐT của Trường được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành. Theo đó, CĐR của các CTĐT do các Khoa đề xuất, thông qua Hội đồng KH&ĐT, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.14.02.03]. Nhà trường ban hành CĐR của các CTĐT, CĐR của môn học vào năm 2015. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát vào năm 2017, năm 2019. Trong đó, các CĐR sau rà soát được giữ nguyên trong năm 2017 và có những điều chỉnh cụ thể vào năm 2019 [H1.14.02.20]. Các CĐR của CTĐT của Trường được đăng tải trên website Trường, Phòng ĐT, các Khoa, Sổ tay SV [H1.14.02.21], [H1.14.02.22], [H1.14.02.23], [H1.14.02.24]. Ngoài ra, trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học và

đầu khóa học, Nhà trường có phổ biến đầy đủ về CDR của CTĐT cho SV biết và thực hiện [H1.14.02.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Mô tả: Nhà trường cử GV tham gia các khóa tập huấn về xây dựng CDR và đề cương chi tiết, đồng thời Nhà trường tổ chức tập huấn lại cho các Khoa và GV về việc xây dựng CDR và đề cương các học phần dựa trên CDR của CTĐT [H1.14.03.01]. Theo đó, GV hiểu biết về việc xây dựng CDR của CTĐT cũng như đề cương các học phần dựa trên CDR. Theo Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần của Trường có yêu cầu các Khoa và GV phải dựa trên CDR của CTĐT khi xây dựng đề cương các học phần cũng như kế hoạch giảng dạy các học phần phải dựa trên CDR [H1.14.03.02], [H1.14.03.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa và trong quá trình triển khai xây dựng đề cương các học phần, BCN Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV phải dựa trên CDR của CTĐT [H1.14.03.04]. Vào đầu mỗi học kỳ, Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa về việc triển khai để GV kê khai lịch trình giảng dạy [H1.14.03.05]. Các Khoa triển khai để tất cả GV tham gia giảng dạy tiến hành kê khai lịch trình giảng dạy, trong đó chú trọng đến CDR của CTĐT đã được xác định [H1.14.03.06]. Trong quá trình họp xem xét, thông qua đề cương học phần và lịch trình giảng dạy, Phòng ĐT, các Khoa và bộ môn luôn chú trọng đến việc dựa trên CDR của đề cương các học phần cũng như lịch trình giảng dạy. Nhà trường ban hành và công bố chính thức tất cả đề cương học phần và lịch trình giảng dạy, trong đó đều dựa trên CDR [H1.14.03.07], [H1.14.03.08], [H1.14.03.09].

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần của Trường đã ban hành, trong đó Nhà trường giao trách nhiệm Phòng ĐT, các Khoa, GV có trách nhiệm giới thiệu, phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần, lịch trình giảng dạy đến người học [H1.14.03.02], [H1.14.03.03]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu Ban chủ nhiệm các Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và nội dung này được thể hiện trong Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H1.14.03.10], [H1.14.03.11], [H1.14.03.12], [H1.14.03.13], [H1.14.03.14]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp của các Khoa, Ban chủ nhiệm các Khoa thường xuyên nhắc nhở, lưu ý GV phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và GV của Trường thông báo, phổ biến đến người học về đề cương học phần ngay tại buổi học đầu tiên [H1.14.03.03]. Đề cương học phần, lịch trình giảng dạy được đăng tải trên website Trường, Phòng ĐT, các Khoa và trong Sổ tay SV [H1.14.03.15], [H1.14.03.16], [H1.14.03.17]. Ngoài ra, trong nội dung của tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học, SV Trường được phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần, kế hoạch giảng dạy của năm học [H1.14.03.18].

Định kỳ hằng năm, nhằm chuẩn bị tốt hoạt động dạy và học, thông qua cuộc họp giao ban đầu năm học, BGH luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV triển khai các hoạt động dạy học và đào tạo theo kế hoạch năm học đã phê duyệt [H1.14.03.10]. Các Khoa và GV Trường triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch năm học và giảng dạy theo thời khóa biểu đã xác định [H1.14.03.07], [H1.14.03.08]. Tất cả GV Trường thực hiện hoạt động giảng dạy theo đúng thời khóa biểu và đề cương học

phần đã được xác định để đạt CĐR [H1.14.03.09]. Hoạt động đào tạo và giảng dạy của Nhà trường được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo (Education), hoạt động dự giờ của các Khoa, cũng như kiểm tra thực tế của Bộ phận Thanh tra của Trường [H1.14.03.19], [H1.14.03.20], [H1.14.03.21], [H1.14.03.22]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy và học của Trường được triển khai theo đúng kế hoạch, hướng tới đạt CĐR [H1.14.03.23], [H1.14.03.24], [H1.14.03.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H1.14.04.01], [H1.14.04.02], [H1.14.04.03], [H1.14.04.04], [H1.14.04.05]. Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý về quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường [H1.14.04.06]. Dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và cập nhật các văn bản của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐT dự thảo điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hội đồng KH&ĐT họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.14.04.07], [H1.14.04.08], [H1.14.04.09], [H1.14.04.10]. Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường và thông báo đến các đơn vị biết để triển khai thực hiện [H1.14.04.11].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2018 và 2019 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H1.14.04.12], [H1.14.04.13]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H1.14.04.14], [H1.14.04.15], [H1.14.04.16], [H1.14.04.17], [H1.14.04.18], [H1.14.04.19], [H1.14.04.20]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH được Phòng ĐBCL&KT xử lý và gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H1.14.04.21]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và các Khoa đã sử dụng kết quả để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH [H1.14.04.22], [H1.14.04.23]. Tất cả CTDH của Trường đều đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH của Trường [H1.14.04.24], [H1.14.04.25], [H1.14.04.26]. Năm 2017, 2018, 2019, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện [H1.14.04.27], [H1.14.04.28]. Các CTDH, CĐR của CTĐT được đăng trên website Trường, Phòng ĐT và niêm yết trong Sổ tay SV [H1.14.04.29], [H1.14.04.30], [H1.14.04.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các khoa tiến hành rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H1.14.05.01], [H1.14.05.02], [H1.14.05.03], [H1.14.05.04], [H1.14.05.05]. Phòng ĐT dự thảo về việc điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH. Nhà trường thông báo Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh đến các Khoa để thực hiện và phổ biến đến GV biết để thực hiện [H1.14.05.06], [H1.14.05.07], [H1.14.05.08], [H1.14.05.09], [H1.14.05.10], [H1.14.05.11], [H1.14.05.12]. Trong quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh thể hiện rõ tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CTDH [H1.14.05.13], [H1.14.05.14], [H1.14.05.15]. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình xây dựng, rà soát, ban hành CTDH được ban hành đầy đủ kèm theo Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường. Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT, các Khoa và Sổ tay SV [H1.14.05.16], [H1.14.05.17], [H1.14.05.18].

Các Khoa và bộ môn luôn chú trọng đến công tác thiết kế, rà soát các CTDH, theo đó các học phần của CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần hợp lý, logic [H1.14.05.19], [H1.14.05.20], [H1.14.05.21]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua các CTDH luôn chú trọng đến việc sắp xếp các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần hợp lý, logic [H1.14.05.09], [H1.14.05.22]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các Khoa thực hiện có nội dung khảo sát về CTDH [H1.14.05.24], [H1.14.05.25], [H1.14.05.26], [H1.14.05.27], [H1.14.05.28], [H1.14.05.29], [H1.14.05.30]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được thể hiện trong các CTDH của Trường có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần hợp lý, logic [H1.14.05.31]. Ngoài ra, tại các diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, SV luôn hài lòng với cấu trúc, sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần hợp lý, logic của các CTDH của Trường [H1.14.05.32].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.
- Nhà trường thông báo, phổ biến Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT đến các Khoa và GV biết để thực hiện.

- Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT theo văn bản của Trường ban hành. Các CTDH, CDR, đề cương học phần của Trường được xây dựng và ban hành theo quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường.

- Nhà trường phê duyệt ban hành và thông báo, phổ biến các CTDH, CDR, đề cương học phần đến toàn thể GV, SV biết để thực hiện thông qua các hình thức đa dạng, hiệu quả.

- Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH, CDR, đề cương học phần của các CTĐT.

- Các CTDH, CDR của Trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

- Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH vào năm 2017, 2018, 2019, đồng thời rà soát, điều chỉnh CDR vào năm 2019.

- Các CTDH, CDR của CTĐT được rà soát, điều chỉnh đúng theo quy định và được ban hành, phổ biến đến toàn thể GV, SV biết để thực hiện.

- Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH, đồng thời thông báo, phổ biến đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

- Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan thể hiện CTDH của Trường có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm, thời gian và trình tự bố trí các học phần hợp lý, logic.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia phản hồi về CTDH, CDR của Trường còn hạn chế về số lượng.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường liên hệ các doanh nghiệp sử dụng lao động, đồng thời đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH, CDR của Trường thông qua việc kết hợp khảo sát qua email, khảo sát trực tiếp tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức. Các Khoa chủ động liên hệ, khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTDH, CDR của Khoa quản lý.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	5.0
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Triết lý giáo dục của Trường được xác định “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường [H1.15.01.01], [H1.15.01.02], [H1.15.01.03]. Triết lý giáo dục của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo hướng nghiên cứu, thực hành ngang tầm các trường đại học khối ngành kỹ thuật - công nghệ trong nước [H1.15.01.04], [H1.15.01.05], [H1.15.01.06]. TLGD của Trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H1.15.01.07]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường [H1.15.01.08], [H1.15.01.09]. Trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường [H1.15.01.10]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV [H1.15.01.11], [H1.15.01.12], [H1.15.01.13], [H1.15.01.14], [H1.15.01.15], [H1.15.01.16].

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành, trong đó Nhà trường yêu cầu các Khoa khi xác định CĐR cần phải lưu ý đến sự phù hợp với TLGD của Nhà trường [H1.15.01.17], [H1.15.01.18]. Trong quá trình xác định CĐR của các CTĐT, tại cuộc họp thông qua CĐR các CTĐT, Hội đồng KH&ĐT luôn xem xét sự phù hợp với TLGD của các CĐR của CTĐT. Các CĐR của các CTĐT của Trường phù hợp với TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” của Trường [H1.15.01.19], [H1.15.01.20], [H1.15.01.21], [H1.15.01.22], [H1.15.01.23].

Nhà trường yêu cầu GV khi xác định hoạt động dạy học phải phù hợp với TLGD, điều đó được thể hiện trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành. Tại các cuộc họp Khoa, BCN Khoa yêu cầu GV lưu ý lựa chọn, xác định hoạt động dạy học phù hợp với TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” của Trường [H1.15.01.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy học của GV Nhà trường phù hợp với TLGD đã xác định [H1.15.01.24]. Nhà trường triển khai nội dung tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và đề cương học phần dựa trên CĐR, đồng thời Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR [H1.15.01.25], [H1.15.01.26], [H1.15.01.27], [H1.15.01.28]. Bên cạnh đó, trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường có đề cập đến việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với CĐR. Trên cơ sở đó, GV của Nhà trường xác định, lựa chọn hoạt động dạy học phù hợp với CĐR đã ban hành [H1.15.01.29], [H1.15.01.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với CĐR đã xác định [H1.15.01.31], [H1.15.01.32], [H1.15.01.33], [H1.15.01.34].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Mô tả: Trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học, Nhà trường có đề cập đến nội dung phát triển đội ngũ GV của Trường [H1.15.02.01], [H1.15.02.02], [H1.15.02.03]. Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt, trong đó thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp phát triển đội ngũ GV của Trường [H1.15.02.04]. Đồng thời, Đề án thành lập Trường thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp phát triển đội ngũ GV trong giai đoạn 2013-2019 [H1.15.02.01]. Bên cạnh đó, trong nghị quyết của Đảng ủy có các nội dung về chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV của Trường [H1.15.02.05]. Các chính sách thu hút đội ngũ GV của Trường được thể hiện trong chính sách thu hút nguồn nhân lực của UBND thành phố Cần Thơ đồng thời được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H1.15.02.06], [H1.15.02.07]. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV [H1.15.02.08], [H1.15.02.09]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển dụng GV và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như đăng trên website Trường [H1.15.02.10], [H1.15.02.11], [H1.15.02.12], [H1.15.02.13], [H1.15.02.14]. Đặc biệt, Nhà trường áp dụng chính sách thu hút GV có học hàm, học vị, có kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH [H1.15.02.15], [H1.15.02.16], [H1.15.02.17].

Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ký hợp đồng làm việc, bổ nhiệm chức danh GV cũng như đảm bảo quyền lợi theo quy định của Trường [H1.15.02.18], [H1.15.02.19], [H1.15.02.20], [H1.15.02.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tuyển dụng 75 GV, trong đó có 03 TS, 29 ThS, thu hút 01 PGS.TS. Ngoài ra, Nhà trường bổ nhiệm 22 GV đảm nhiệm vị trí cán bộ quản lý từ cấp phòng, khoa, trung tâm của Trường. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng ĐT và các Khoa phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H1.15.02.22]. Trên cơ sở đó, các Khoa phân công giảng dạy đối với GV trong từng học kỳ, từng năm học luôn dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV đạt được [H1.15.02.25], [H1.15.02.23], [H1.15.02.24], [H1.15.02.25]. Ngoài ra, việc xét duyệt các đề tài NCKH hằng năm dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của CB, GV đề xuất [H1.15.02.26], [H1.15.02.27], [H1.15.02.28], [H1.15.02.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV [H1.15.02.30], [H1.15.02.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo BGH, các đơn vị quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức [H1.15.03.01]. Trong nội dung kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị, Nhà trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR đã xác định [H1.15.03.02], [H1.15.03.03]. Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng

tự học, phương pháp học tập đại học nhằm thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H1.15.03.04]. Trong nội dung CDR các CTĐT của Trường luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CDR [H1.15.03.05], [H1.15.03.06], [H1.15.03.07]. Nhà trường tích cực mở rộng ngành nghề đào tạo và đến nay, Trường thực hiện 14 CTĐT trình độ đại học [H1.15.03.08], [H1.15.03.09]. Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo [H1.15.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H1.15.03.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như Thái Lan, Đài Loan đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường [H1.15.03.12], [H1.15.03.13]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc bộ SV 5 tốt, ... nhằm động viên, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CDR [H1.15.03.14].

Định kỳ hằng năm, Phòng Đào tạo tham mưu BGH ban hành kế hoạch đào tạo cho toàn khóa và từng học kỳ, trên cơ sở đó Nhà trường ban hành thời khóa biểu, trong đó thể hiện tiến độ đào tạo và các học phần của SV từng khóa học [H1.15.03.15], [H1.15.03.16], [H1.15.03.17]. Các học phần được GV triển khai giảng dạy một cách đa dạng, hướng tới đạt CDR thông qua các hoạt động dạy học đã được xác định trong đề cương học phần [H1.15.03.18]. GV Nhà trường áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy học theo dự án, hoạt động nhóm hiệu quả được thể hiện trong đề cương học phần [H1.15.03.19], [H1.15.03.20], [H1.15.03.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho SV có cơ hội gắn liền việc học với thực tiễn [H1.15.03.22]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV [H1.15.03.23]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai các hoạt động học tập đa dạng trong toàn Trường [H1.15.03.24], [H1.15.03.25], [H1.15.03.26].

Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Trường, của khoa có đề cập đến nội dung triển khai để GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của học phần [H1.15.03.27], [H1.15.03.02], [H1.15.03.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR [H1.15.03.28]. Bên cạnh đó, GV của Nhà trường tham dự và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H1.15.03.29]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR [H1.15.03.30]. Trên cơ sở đó, tất cả các Khoa của Trường phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của tất cả học phần và triển khai đa dạng các ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng [H1.15.03.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV của Nhà trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của học phần [H1.15.03.32], [H1.15.03.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Mô tả: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành, trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của GV, quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H1.15.04.01]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của GV được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành [H1.15.04.02]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H1.15.04.03], [H1.15.04.04]. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H1.15.04.05]. Hằng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H1.15.04.06]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giảng dạy của GV [H1.15.04.06], [H1.15.04.07], [H1.15.04.08]. Đối với hoạt động học tập và rèn luyện của SV, Nhà trường giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H1.15.04.05]. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; Ở cấp lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách [H1.15.04.09], [H1.15.04.10], [H1.15.04.11], [H1.15.04.12], [H1.15.04.13], [H1.15.04.14], [H1.15.04.15], [H1.15.04.16], [H1.15.04.17], [H1.15.04.18].

Hằng năm, căn cứ các hướng dẫn, quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV của Trường, Phòng TC-HC tham mưu BGH ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá CB, GV, NV của Trường, trong đó có đánh giá đội ngũ GV [H1.15.04.19], [H1.15.04.20]. BCN các Khoa phổ biến để GV thực hiện đánh giá theo kế hoạch đã được Trường ban hành [H1.15.04.21]. Trên cơ sở đó, GV thực hiện báo cáo tổng kết công tác thi đua của cá nhân, theo đó, BCN khoa tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học của GV, gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, thông qua cuộc họp giữa Đảng ủy với BGH để thống nhất kết quả đánh giá [H1.15.04.22]. Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết GV Trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1.15.04.23]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và SV trước khi xem điểm phải trả lời các câu hỏi liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV về học phần phụ trách [H1.15.04.24], [H1.15.04.25], [H1.15.04.26], [H1.15.04.27], [H1.15.04.28], [H1.15.04.29]. Phòng ĐBCL&KT xử lý dữ liệu và gửi báo cáo kết quả khảo sát đến BGH và BCN các Khoa. Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết các ý kiến của SV hài lòng về hoạt động giảng dạy GV của Trường [H1.15.04.30].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động, Phòng ĐBCL&KT tham mưu BGH ban hành Quy định về khảo sát các bên liên quan và Phòng ĐBCL&KT thông báo Quy định về khảo sát các bên liên quan đến tất cả các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.15.04.31], [H1.15.04.32]. Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các đơn vị có trách nhiệm phối hợp để triển khai thực hiện. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát SV năm cuối trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện Trường tiến hành thống kê tình hình bạn đọc hằng năm của Trường [H1.15.04.33]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường được báo cáo BGH và gửi đến các đơn

vị đề đề xuất và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động của Trường [H1.15.04.30].

Thông tin khảo sát hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện qua khảo sát trực tuyến, qua phần mềm quản lý học vụ (Education), trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, BCN Khoa tổ chức gặp mặt các GV được SV góp ý và yêu cầu thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học [H1.15.04.34]. Thông qua hoạt động dự giờ cũng như kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học ở học kỳ tiếp theo để BCN Khoa đánh giá mức độ cải tiến chất lượng của GV. Bên cạnh đó, căn cứ ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường, Nhà trường triển khai cải tiến chất lượng các hoạt động, trong đó cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường và của các Khoa luôn có nội dung đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học [H1.15.04.35], [H1.15.04.36], [H1.15.04.37], [H1.15.04.38].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Mô tả: Năm 2017, Nhà trường đề ra phương châm giáo dục “Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn” và được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường, tuy nhiên Nhà trường chưa ban hành triết lý giáo dục [H1.15.05.01], [H1.15.05.02], [H1.15.05.03]. Đến năm 2019, Nhà trường triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường [H1.15.05.04]. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học [H1.15.05.05], [H1.15.05.06], [H1.15.05.07], [H1.15.05.08].

Năm 2019, Nhà trường yêu cầu các Khoa triển khai rà soát, điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với TLGD và CDR [H1.15.05.09]. Trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành họp GV để rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CDR [H1.15.05.10]. Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho GV về đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động dạy học theo CDR [H1.15.05.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV trường đã bổ sung, cập nhật, áp dụng nhiều hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CDR như: thuyết trình, đồ án, bài tập lớn theo nhóm, ... [H1.15.05.12], [H1.15.05.13], [H1.15.05.14], [H1.15.05.15], [H1.15.05.16].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học [H1.15.05.17], [H1.15.05.18], [H1.15.05.19], [H1.15.05.20], [H1.15.05.21], [H1.15.05.22], [H1.15.05.23], [H1.15.05.24], [H1.15.05.25], [H1.15.05.26]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H1.15.05.27], [H1.15.05.28]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H1.15.05.29], [H1.15.05.30].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố TLGD “Đức trí – Kỹ năng – Sáng tạo – Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Các CĐR của Nhà trường ban hành phù hợp với TLGD và các hoạt động dạy học được triển khai phù hợp TLGD, hướng đến đạt CĐR đã xác định.

- Nhà trường ban hành KHCL, kế hoạch năm học, trong đó thể hiện rõ nội dung tập trung phát triển đội ngũ GV có chất lượng.

- Nhà trường thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là GV có trình độ chuyên môn cao, có học hàm học vị và giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, cam kết gắn bó lâu dài với Trường.

- Nhà trường thực hiện tốt việc phân công giảng dạy và NCKH cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- GV của Nhà trường được cử và tạo điều kiện tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các học phần.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo nhằm tạo môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá tri thức.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc việc giám sát GV, đánh giá GV hằng năm thông qua nhiều hình thức khác nhau. Kết quả khảo sát GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV năm cuối trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng hoạt động của Trường, từ đó có cơ sở áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia đánh giá về TLGD của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về TLGD thông qua khảo sát qua email, khảo sát trực tiếp tại các hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	5.0
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Mô tả: Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐBCL&KT tham mưu BGH đề xuất quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.01.01], [H1.16.01.02], [H1.16.01.03], [H1.16.01.04], [H1.16.01.05]. Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐBCL&KT xây dựng dự thảo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.16.01.06], [H1.16.01.07], [H1.16.01.08], [H1.16.01.09], [H1.16.01.10], [H1.16.01.11]. Nhà trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, NV, SV biết và thực hiện [H1.16.01.12]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đồng thời được đăng trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng ĐBCL&KT [H1.16.01.13], [H1.16.01.14], [H1.16.01.15]. Tại tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Nhà trường phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV biết để thực hiện [H1.16.01.16]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ có quy định về lập kế hoạch thi [H1.16.01.11]. Bên cạnh đó, hình thức kiểm tra đánh giá và chọn lựa các hình thức đánh giá người học được thể hiện trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H1.16.01.17]. GV Trường có nhiệm vụ triển khai hoạt động kiểm tra, đánh giá kết học tập của người học và được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường [H1.16.01.18]. Ngoài ra, hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập còn được thể hiện rõ trong đề cương học phần và GV phải thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên [H1.16.01.19]. Từ năm 2019, Nhà trường triển khai xây dựng ngân hàng đề thi đối với môn học/học phần [H1.16.01.20].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường [H1.16.01.11]. Hằng năm căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, Phòng ĐBCL&KT dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến toàn thể BC, GV điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức và gửi đến toàn thể CB, GV biết để thực hiện theo kế hoạch [H1.16.01.21]. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chậm nhất trước 07 ngày kể từ ngày thi học phần, các khoa, bộ môn, GV phải nộp đủ số lượng đề thi, đáp án, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng ĐBCL&KT theo quy định. Bên cạnh đó, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo thời gian quy định. Phòng ĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H1.16.01.22]. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường có quy định cụ thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên

trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; Đối với các học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; Đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần [H1.16.01.17]. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần được thông qua BCN Khoa, Hội đồng KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt [H1.16.01.19].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, kiểm tra đánh giá học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H1.16.01.23], [H1.16.01.24], [H1.16.01.25], [H1.16.01.26]. Trên cơ sở đó, GV xác định các hình thức thi, kiểm tra đánh giá học phần phù hợp và được thể hiện trong đề cương học phần đã được phê duyệt của Trường [H1.16.01.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức thi, kiểm tra đánh giá học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H1.16.01.27], [H1.16.01.28].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Nhà trường đã ban hành và thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H1.16.02.01], [H1.16.02.02], [H1.16.02.03], [H1.16.02.04]. Các Khoa phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H1.16.02.05]. Bên cạnh đó, Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng ĐBCL&KT [H1.16.02.06], [H1.16.02.07], [H1.16.02.08]. Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa và CVHT phổ biến, lưu ý SV thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường [H1.16.02.09]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H1.16.02.03], [H1.16.02.10]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, tổ chức thi lưu trữ kết quả chấm thi và bài thi cho toàn Trường, [H1.16.02.11].

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy định về xây dựng đề cương học phần, các Khoa triển khai xây dựng đề cương học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp kiểm tra, đánh giá tương thích để đạt CĐR [H1.16.02.01],

[H1.16.02.03], [H1.16.02.12], [H1.16.02.13]. Khi thông qua đề cương học phần do GV biên soạn, các Khoa và bộ môn, Hội đồng KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CDR học phần [H1.16.02.14], [H1.16.02.15]. Ngay buổi học đầu tiên, GV thông báo đến SV các phương pháp kiểm tra đánh giá học phần đã được xác định trong đề cương học phần [H1.16.02.01]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CDR học phần được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các khoa [H1.16.02.16], [H1.16.02.17]. Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường đã ban hành, trong đó có quy định cụ thể về các hình thức đánh giá học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; Đối với các học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; Đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần [H1.16.02.01].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV về cách thức lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CDR và đặc biệt là đo lường được mức độ đạt CDR của người học [H1.16.02.18], [H1.16.02.19], [H1.16.02.20], [H1.16.02.21]. Trên cơ sở đó, trong đề cương học phần, GV xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CDR và đo lường được mức độ đạt CDR của người học [H1.16.02.22], [H1.16.02.23]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, Phòng ĐBCL&KT phối hợp Phòng ĐT, các Khoa tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như đánh giá các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại học phần [H1.16.02.24]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh, Phòng ĐT báo cáo tổng kết tuyển sinh, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó có điều chỉnh cho năm tiếp theo [H1.16.02.25]. Đồng thời, Phòng ĐBCL&KT đánh giá sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng như mức độ áp dụng ngân hàng đề thi đối với các học phần. Nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của các đơn vị có liên quan [H1.16.02.16], [H1.16.02.17], [H1.16.02.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Năm 2019, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT triển khai, rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H1.16.03.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Phòng ĐBCL&KT có nội dung rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H1.16.03.02]. Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả phổ điểm, ý kiến phản hồi của GV, SV về thi, kiểm tra đánh giá, Phòng ĐBCL&KT rà soát, đề xuất dự thảo điều chỉnh Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với

lãnh đạo các khoa, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.16.03.03], [H1.16.03.04], [H1.16.03.05], [H1.16.03.06], [H1.16.03.07]. Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ (EGOV) để phổ biến cho SV biết để thực hiện [H1.16.03.08].

Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của sinh viên, Phòng ĐBCL&KT tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.03.09]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng ĐT luôn đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H1.16.03.10], [H1.16.03.11]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.03.12]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát về sự phù hợp của các hình thức thi, kiểm tra đánh giá học phần cũng như tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học của Trường [H1.16.03.13], [H1.16.03.14], [H1.16.03.15], [H1.16.03.16], [H1.16.03.17], [H1.16.03.18], [H1.16.03.19], [H1.16.03.20]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo, hội nghị về đào tạo và tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo về các hoạt động đào tạo của Trường [H1.16.03.21], [H1.16.03.22]. Ngoài ra, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH và SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.03.23].

Nhà trường ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó quy định GV công bố điểm quá trình cho SV trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Education) chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc học phần giảng dạy. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần và được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin của Trường. Mỗi SV được Nhà trường cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, kiểm tra đánh giá các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng ĐBCL&KT trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường công bố kết quả thi, kiểm tra đánh giá kịp thời và không có xử lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra đánh giá [H1.16.03.07], [H1.16.03.24].

Năm 2017, Nhà trường có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên của 04 ngành đào tạo, trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát SV và cựu SV về hoạt động thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT phối hợp các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của SV và cựu SV. Kết

quả khảo sát được Phòng ĐBCL&KT xử lý, gửi đến BGH để báo cáo và gửi báo cáo đến các Khoa để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng thi, kiểm tra đánh giá của Trường [H1.16.03.13], [H1.16.03.14], [H1.16.03.15], [H1.16.03.16], [H1.16.03.17], [H1.16.03.18], [H1.16.03.19], [H1.16.03.20]. Ngoài ra, hằng năm, tại hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, Hội nghị CB, CC, VC, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các bên liên quan (CB, VC, GV, SV) để cải tiến tốt hơn công tác tuyển sinh của Trường [H1.16.03.21], [H1.16.03.22]. Các nội dung đánh giá về thi, kiểm tra đánh giá được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường, Phòng ĐT, các Khoa và các biện pháp cải tiến được đề xuất, xác định trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.16.03.25], [H1.16.03.26], [H1.16.03.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Trên cơ sở báo cáo của Phòng ĐBCL&KT về kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, Nhà trường tổ chức họp với Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.04.01], [H1.16.04.02]. Nhà trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án,... Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp [H1.16.04.03], [H1.16.04.04]. Đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ sung thêm các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển, cụ thể: tăng tổ hợp xét tuyển từ 02 tổ hợp lên 04 tổ hợp cho mỗi ngành; bổ sung thêm hình thức xét tuyển học bạ từ lớp 10, 11, 12 [H1.16.04.05].

Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của sinh viên, Phòng ĐBCL&KT tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.04.01]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp giao ban về công tác ĐT, Phòng ĐBCL&KT, Phòng ĐT, các Khoa có ý kiến về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H1.16.04.06]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H1.16.04.07], [H1.16.04.08], [H1.16.04.09], [H1.16.04.10], [H1.16.04.11], [H1.16.04.12], [H1.16.04.13], [H1.16.04.14]. Tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.04.15].

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. Nhà trường gửi Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đến các Khoa để phổ biến GV, SV biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đồng thời được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng ĐBCL&KT [H1.16.04.04], [H1.16.04.16], [H1.16.04.17]. Trong giai đoạn 2015-2019, các quy trình về việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá người học cũng như quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học

được Nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Đồng thời, quy trình về việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá người học, quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học được rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo của Trường và được đánh giá tại các hội nghị về công tác đào tạo do Trường tổ chức [H1.16.04.18], [H1.16.04.19].

Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, khoa trong việc giải quyết các khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, kiểm tra đánh giá. Nhà trường quy định cụ thể thời gian cho việc giải quyết khiếu nại, phản nản của SV về kết quả thi, kiểm tra đánh giá. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học [H1.16.04.18], [H1.16.04.19].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện, đồng thời đăng tải trên website Trường, Phòng ĐT và các Khoa và thể hiện trong Sổ tay SV.

- Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2015-2019, GV của Trường thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR của người học.

- Định kỳ từng học kỳ, từng năm học, Phòng ĐBCL&KT tiến hành phân tích phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

- Từ năm 2019, Nhà trường quan tâm xây dựng ngân hàng đề thi và đã ban hành quy định về biên soạn, quản lý ngân hàng đề thi.

- Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.

- Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT triển khai khảo sát ý kiến của SV, cựu SV về hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về hoạt động thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

- Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra đánh giá của người học. Trong giai đoạn 2015-2019, không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc xây dựng ngân hàng đề thi chưa triển khai cho tất cả các học phần.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường đầu tư kinh phí và yêu cầu các Khoa đẩy mạnh việc xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả học phần.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	5.0
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường vào các năm 2013, 2026 và 2018, trong đó có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, có phân công đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H1.17.01.01]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được phân công xây dựng văn bản quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H1.17.01.02], [H1.17.01.03], [H1.17.01.04], [H1.17.01.05], [H1.17.01.06]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về việc triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, Phòng CTCT&QLSV xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H1.17.01.07], [H1.17.01.08], [H1.17.01.09], [H1.17.01.10], [H1.17.01.11]. Nhà trường gửi Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đến các đơn vị để thực hiện và thông báo đến CB, GV, NV, SV thực hiện [H1.17.01.12]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách về người học, trong đó có nội dung về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H1.17.01.13].

Nội dung về phục vụ, hỗ trợ người học được thể hiện tTrong kế hoạch hằng năm của Nhà trường, của các phòng và các khoa [H1.17.01.14], [H1.17.01.15], [H1.17.01.16], [H1.17.01.17]. Căn cứ Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đã được ban hành, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có phân công cụ thể cho các đơn vị tham gia việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.17.01.14]. Theo đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chủ trì và các đơn vị của Trường kể cả các tổ chức đoàn thể đều có trách nhiệm tham gia và tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.17.01.18].

Nhà trường ban hành Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học, trong đó Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học [H1.17.01.19], [H1.17.01.20], [H1.17.01.21]; Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học. Bên cạnh đó, các Khoa tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa quản lý [H1.17.01.22]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học thuộc lớp được phân công phụ trách [H1.17.01.23], [H1.17.01.24]. Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập của người học toàn Trường [H1.17.01.25], [H1.17.01.26]. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H1.17.01.27]. Các Khoa được phân quyền trên phần mềm quản

lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa. Đội ngũ CVHT được cấp quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học, đồng thời nhập điểm rèn luyện của người học trong mỗi học kỳ [H1.17.01.28], [H1.17.01.29].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã ban hành các phiên bản Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí công việc, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí, yêu cầu về năng lực của CB, GV, NV nói chung và đội ngũ CB hỗ trợ nói riêng [H1.17.01.30], [H1.17.01.31]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị sử dụng các tiêu chí, yêu cầu được nêu trong đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí công việc để đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ [H1.17.01.18]. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực CB, GV, NV, trong đó có đánh giá đội ngũ CB hỗ trợ với các tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực [H1.17.01.32], [H1.17.01.33]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan (GV, SV) để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ, theo đó hằng năm Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan (GV, SV) về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học [H1.17.01.34], [H1.17.01.35], [H1.17.01.36], [H1.17.01.37], [H1.17.01.38], [H1.17.01.39], [H1.17.01.40], [H1.17.01.41].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Mô tả: Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học của Trường, trong đó phân công Phòng ĐT và Phòng CTCT&QLSV là các đơn vị được giao nhiệm vụ tư vấn, thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học [H1.17.02.01], [H1.17.02.02]. Phòng ĐT được thành lập năm 2013 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo đại học chính quy, trong đó có tư vấn công tác tuyển sinh [H1.17.02.03], [H1.17.02.04], [H1.17.02.05]. Phòng CTCT&QLSV được thành lập năm 2013 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác chính trị và công tác sinh viên; công tác bảo vệ, giáo dục chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, viên chức và người học; công tác vệ sinh, phòng dịch trong trường; Tổ chức dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật và của Nhà trường, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ người học [H1.17.02.06], [H1.17.02.07], [H1.17.02.08], [H1.17.02.09]. Nhân sự của Phòng ĐT hiện có 06 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 04 chuyên viên. Phòng CTCT&QLSV hiện có 06 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng, 02 chuyên viên. Các nhân sự của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV tham gia tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học là những người có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học [H1.17.02.10], [H1.17.02.11], [H1.17.02.12].

Các nội dung về phục vụ và hỗ trợ người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và các đơn vị, đồng thời Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị (Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV) triển khai thực hiện [H1.17.02.13], [H1.17.02.14], [H1.17.02.15], [H1.17.02.16]. Trong cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.17.02.17]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: Hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp, hội thảo phương

pháp học tập,... [H1.17.02.18]. Bên cạnh đó, các Khoa tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, tổ chức các sự kiện hội xuân,... [H1.17.02.19]. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: chương trình Xanh – Sạch – Đẹp Trường học [H1.17.02.20], [H1.17.02.21]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H1.17.02.22], [H1.17.02.23].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã ban hành, trong đó Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học, Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H1.17.02.02]. Định kỳ từng học kỳ và cuối năm học, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT thống kê kết quả học tập của người học, đồng thời cảnh báo nhắc nhở người học trong mọi trường hợp người học có kết quả học tập kém và có khả năng bị cảnh báo học vụ [H1.17.02.24], [H1.17.02.25]. Bên cạnh đó, bằng cách sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT theo dõi tiến trình học tập của người học. Phòng CTCT&QLSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát, thống kê kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H1.17.02.26]. Các Khoa và CVHT tham gia giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của Khoa quản lý và nhắc nhở người học trong trường hợp có những cảnh báo về học vụ hoặc rèn luyện [H1.17.02.27], [H1.17.02.28], [H1.17.02.29], [H1.17.02.30]. Tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT thường xuyên nhắc nhở người học trong học tập và rèn luyện, đặc biệt là quan tâm, động viên, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp người học có khả năng bị cảnh báo học vụ hoặc rèn luyện [H1.17.02.31].

Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị để tham mưu BGH ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.02.32], [H1.17.02.33], [H1.17.02.34], [H1.17.02.35], [H1.17.02.36], [H1.17.02.37], [H1.17.02.38], [H1.17.02.39]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa để thực hiện khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV, Nhà trường tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H1.17.02.40]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm luôn có nội dung đánh giá về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.02.41], [H1.17.02.42], [H1.17.02.43], [H1.17.02.44], [H1.17.02.45]. Nhà trường thông báo địa chỉ email của Trường và của các đơn vị thông qua website Trường, đồng thời Nhà trường bố trí hộp thư góp ý để người học có thể phản hồi về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.02.46], [H1.17.02.47].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Mô tả: Kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động về ĐT, NCKH và PVCĐ được Phòng ĐBCL&KT tổng hợp, trong đó có nội dung khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, ý kiến góp ý của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV cũng như thông qua email công vụ, hộp thư góp ý, BGH tổ chức

hợp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.03.01], [H1.17.03.02], [H1.17.03.03], [H1.17.03.04], [H1.17.03.05], [H1.17.03.06], [H1.17.03.07], [H1.17.03.08], [H1.17.03.09], [H1.17.03.10], [H1.17.03.11]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.03.12]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị luôn có nội dung rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.17.03.13], [H1.17.03.14], [H1.17.03.15], [H1.17.03.16]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và được thể hiện trong kết luận cuộc họp cũng như trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.17.03.17], [H1.17.03.18]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học của các đơn vị [H1.17.03.19], [H1.17.03.20]. Ngoài ra, kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm có nội dung đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ của Trường [H1.17.03.21].

Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học [H1.17.03.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học của Trường và được thể hiện trong kết luận cuộc họp [H1.17.03.17], [H1.17.03.22]. Kết quả khảo sát ý kiến của SV và các góp ý của SV thể hiện mức độ hài lòng về hệ thống giám sát người học của Trường [H1.17.03.23]. Ngoài ra, lãnh đạo các Khoa thường xuyên tiếp thu ý kiến của đội ngũ CVHT thông qua các buổi họp của đơn vị để từ đó đề xuất với Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học [H1.17.03.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường, trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học so với KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học [H1.17.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của năm học so với năm học trước đó [H1.17.04.02], [H1.17.04.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp,... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.17.04.04]. Các phòng, khoa, công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các CLB SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H1.17.04.05], [H1.17.04.06], [H1.17.04.07], [H1.17.04.08], [H1.17.04.09], [H1.17.04.10], [H1.17.04.11].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đầu tư và ngày càng hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo thông qua hợp đồng với Công ty ASC để thiết kế phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá điểm rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phần,... [H1.17.04.12]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập

và rèn luyện của người học nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H1.17.04.13], [H1.17.04.14], [H1.17.04.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung hệ thống biểu mẫu đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học [H1.17.04.16]. Hệ thống biểu mẫu đào tạo được đăng trên website Trường, Phòng ĐT [H1.17.04.17], [H1.17.04.18]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H1.17.04.19].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các bên liên quan, Phòng ĐBCL&KT triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H1.17.04.20], [H1.17.04.21], [H1.17.04.23], [H1.17.04.24], [H1.17.04.25], [H1.17.04.26]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, với trên 90% ý kiến SV và 85% ý kiến cựu SV hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H1.17.04.27]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.17.04.04], [H1.17.04.06], [H1.17.04.08], [H1.17.04.10], [H1.17.04.11]. Ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H1.17.04.28], [H1.17.04.29], [H1.17.04.30].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và thông báo, phổ biến thực hiện trong toàn Trường.
- Trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường và các đơn vị luôn có các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học với sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện.
- Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai đa dạng ở cấp trường và đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu của người học.
- Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống giám sát người học từ cấp trường đến cấp Khoa. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát người học.
- Đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; được đánh giá theo bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ.
- Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.
- Nhà trường cải tiến, tổ chức đa dạng các hoạt động và loại hình phục vụ và hỗ trợ người học với phương châm “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”.
- Phần mềm quản lý đào tạo của Trường được cải tiến, góp phần hiệu quả trong công tác giám sát người học của Nhà trường.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhân viên hỗ trợ của Trường là kiêm nhiệm nên chưa phát huy tối đa năng lực về công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường tuyển dụng nhân sự, nhân viên chuyên trách hỗ trợ nhằm giảm công việc kiêm nhiệm cho đội ngũ nhân viên để tối đa hóa năng lực của họ trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5.0
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường [H1.18.01.01], [H1.18.01.02], [H1.18.01.03], [H1.18.01.04], [H1.18.01.05], [H1.18.01.06], [H1.18.01.07]. Trong thành phần BGH, Nhà trường phân công 01 thành viên BGH chỉ đạo trực tiếp việc triển khai công tác quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường nhằm đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược đã xác định trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm về hoạt động NCKH [H1.18.01.08]. Ngoài ra, Nhà trường giao nhiệm vụ cho 01 thành viên của BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Khoa và báo cáo Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.18.01.09], [H1.18.01.10].

Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó Nhà trường có quy định rõ việc triển khai thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu [H1.18.01.11], [H1.18.01.12], [H1.18.01.13]. Theo đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của toàn trường. Ở cấp Khoa, BCN khoa phân công 01 thành viên phụ trách hoạt động NCKH giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Khoa. Trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH yêu cầu Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc công tác giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường và của đơn vị [H1.18.01.14]. Trên cơ sở đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, lãnh đạo các đơn vị trực

thuộc triển khai giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học [H1.18.01.15], [H1.18.01.16], [H1.18.01.17].

Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường ban hành có quy định về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC gửi các thông báo hướng dẫn đăng ký tới tất cả các đơn vị có liên quan, các đơn vị xây dựng và đề xuất các đề tài/dự án nghiên cứu phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực quan tâm [H1.18.01.18]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tổng hợp kế hoạch nghiên cứu của các đơn vị trình Hội đồng KH&ĐT xét duyệt, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H1.18.01.19], [H1.18.01.20], [H1.18.01.21]. Đối với các đề tài cấp Thành phố trở lên, việc phê duyệt và giao đề tài sẽ do UBND thành phố phê duyệt [H1.18.01.22]. Sau khi các nhiệm vụ KHCN được phê duyệt, Nhà trường chủ động triển khai đến các đơn vị và cá nhân thông qua các thuyết minh, dự toán [H1.18.01.20]. Để đánh giá chất lượng nghiên cứu, Trường thành lập các hội đồng khoa học nghiệm thu các kết quả và sản phẩm của đề tài NCKH [H1.18.01.23]. Bên cạnh đó, trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành có quy định loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H1.18.01.24]. Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa thông báo đến GV để thực hiện [H1.18.01.25].

Hàng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC đề xuất và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành kế hoạch NCKH dựa trên mục tiêu chất lượng đã đề ra với các chỉ số rõ ràng cụ thể cho hoạt động NCKH của CB, GV, SV [H1.18.01.26]. Căn cứ kết quả xét duyệt đề tài NCKH của các hội đồng chuyên môn, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định giao thực hiện đề tài trong năm học và tiến hành ký kết các hợp đồng NCKH với các chủ nhiệm đề tài và cấp kinh phí cho các chủ nhiệm đề tài theo định mức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và dự toán kinh phí thực hiện đề tài [H1.18.01.27], [H1.18.01.28], [H1.18.01.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động NCKH tăng lên qua từng năm [H1.18.01.30], [H1.18.01.31].

Trong quá trình CB, GV, SV thực hiện các đề tài NCKH, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tiến hành theo dõi tiến độ thực hiện và tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài theo quy định. Các đề tài NCKH được nghiệm thu theo các tiêu chí đánh giá chất lượng được xác định trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường [H1.18.01.32]. Trong nội dung kế hoạch hằng năm về hoạt động NCKH của Nhà trường cũng như các KPIs về hoạt động NCKH đã xác định cụ thể tiêu chí, chỉ tiêu để đánh giá số lượng, chất lượng NCKH của Trường [H1.18.01.33], [H1.18.01.34]. Cuối mỗi năm học, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện công tác thống kê và phân loại các hoạt động KHCN trong toàn trường và trên cơ sở đó xây dựng CSDL về hoạt động NCKH của Trường [H1.18.01.35], [H1.18.01.36]. Báo cáo về số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm và trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, của các Khoa [H1.18.01.15], [H1.18.01.16], [H1.18.01.17], [H1.18.01.37].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong Nghị quyết của Đảng ủy trường luôn chỉ đạo Nhà trường và các đơn vị tập trung tìm kiếm và tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN [H1.18.02.01]. Trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung và hoạt động tìm kiếm và tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN cho Trường [H1.18.02.02], [H1.18.02.03], [H1.18.02.04], [H1.18.02.05], [H1.18.02.06]. Bên cạnh đó, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có nội dung động viên, khuyến khích, khen thưởng các tập thể, CB, GV tìm kiếm và đem lại nguồn thu cho Trường từ hoạt động NCKH và CGCN [H1.18.02.07], [H1.18.02.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu của Nhà trường từ hoạt động NCKH và CGCN là: 889 triệu đồng [H1.18.02.09].

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của nhóm nghiên cứu Trường [H1.18.02.10]. Nhà trường thông báo quy chế đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H1.18.02.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu [H1.18.02.12], [H1.18.02.13]. Trong quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường ban hành có quy định tạo điều kiện cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao để đạt được TN, SM [H1.18.02.07], [H1.18.02.08].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các đơn vị trực thuộc tích cực triển khai các hoạt động hợp tác NCKH và CGCN với doanh nghiệp, tổ chức xã hội, các trường ĐH trong và ngoài nước. Nhà trường ký kết nhiều văn bản hợp tác với các đối tác để triển khai các hoạt động NCKH [H1.18.02.14], [H1.18.02.15]. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường chủ trì thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Thành phố “Xây dựng hệ thống điều khiển truy xuất dữ liệu lớn cho trường Đại học, Cao đẳng” do Sở Khoa học và Công nghệ Cần Thơ là đơn vị quản lý [H1.18.02.16], [H1.18.02.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường và phục vụ các đề tài NCKH như: Hội nghị quốc tế FDSE và ACOMP; hội thảo “Gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa Nhà trường và Doanh nghiệp”; hội thảo quốc tế ”The International Conference on Logistics and Industrial Engineering”; hội thảo "Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà - Vật liệu xây dựng cho công trình xanh - INSEE PRIZE 2019”;... Bên cạnh việc tăng cường các hoạt động KHCN, Nhà trường giới thiệu các sản phẩm NCKH thông qua các triển lãm Cung cầu công nghệ do thành phố Cần Thơ tổ chức [H1.18.02.18], [H1.18.02.19].

Hằng năm, Nhà trường triển khai các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch đã ban hành. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC chủ động phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc triển khai các hoạt động NCKH [H1.18.02.20]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT thực hiện đầy đủ việc chi kinh phí cho các hoạt động NCKH theo dự toán đã được Hiệu trưởng phê duyệt [H1.18.02.21], [H1.18.02.22], [H1.18.02.23]. Thực hiện kế hoạch NCKH hằng năm đã được ban hành, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tổ chức xét duyệt, triển khai các đề tài NCKH các cấp, theo dõi tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu theo đúng Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường ban hành [H1.18.02.24], [H1.18.02.25]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp với Phòng TC-KT hướng dẫn cụ thể để các chủ nhiệm đề tài NCKH thực hiện quyết toán kinh phí đã được cấp đối với đề tài NCKH cấp trường và cấp trường trọng điểm. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng đề tài NCKH cấp trường tăng dần qua từng năm [H1.18.02.26], [H1.18.02.27]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015-

2019, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.18.02.28], [H1.18.02.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Mô tả: Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường có các KPIs cụ thể đối với từng lĩnh vực công tác, trong đó có các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.18.03.01], [H1.18.03.02], [H1.18.03.03], [H1.18.03.04]. Bên cạnh đó, trong KHCL hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2018-2020 có các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.18.03.05], [H1.18.03.06]. Ngoài ra, trong văn bản ban hành các KPIs của Nhà trường đồng thời có KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường trong năm học [H1.18.03.07]. BGH Nhà trường yêu cầu Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các Khoa triển khai hoạt động NCKH để đạt được các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.18.03.08], [H1.18.03.09].

Tại các cuộc họp giao ban đầu năm học và định kỳ, BGH Nhà trường quán triệt, yêu cầu Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa đánh giá kết quả hoạt động NCKH so với các KPIs đã xác lập [H1.18.03.08]. Cuối mỗi năm học, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các Khoa tổng kết hoạt động NCKH của Trường và của đơn vị, trong đó đối sánh kết quả hoạt động NCKH so với các KPIs đã xác định [H1.18.03.10], [H1.18.03.11], [H1.18.03.12]. Kết quả hoạt động NCKH đồng thời được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.18.03.13]. Các hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sử dụng các tiêu chí đánh giá được quy định trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đánh giá chất lượng các đề tài NCKH [H1.18.03.14], [H1.18.03.15]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì và phối hợp Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.18.03.16], [H1.18.03.17]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về tác động của hoạt động NCKH của Nhà trường và mức độ đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.18.03.18], [H1.18.03.19], [H1.18.03.20], [H1.18.03.21]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, cựu SV, doanh nghiệp đánh giá về tác động của hoạt động NCKH của Nhà trường và mức độ đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.18.03.21].

Hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát các KPIs đối với lĩnh vực của Trường, trong đó có các KPIs về hoạt động NCKH [H1.18.03.22], [H1.18.03.23]. Các KPIs về hoạt động NCKH được điều chỉnh thể hiện trong kế hoạch năm tiếp theo [H1.18.03.04]. Các KPIs về hoạt động NCKH được điều chỉnh qua từng năm học cho phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Trường. Bên cạnh đó, các KPIs trong kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2018-2020, KHCL hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 được điều chỉnh dựa trên tổng kết hoạt động NCKH giai đoạn 2015-2019 [H1.18.03.02], [H1.18.03.03], [H1.18.03.05], [H1.18.03.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu khoa học được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về khảo sát các bên liên quan, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.18.04.01], [H1.18.04.02]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.18.04.03], [H1.18.04.04], [H1.18.04.05], [H1.18.04.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến đánh giá của SV qua diễn đàn đối thoại hằng năm, của cựu SV, doanh nghiệp tham gia tại các hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.18.04.07] [H1.18.04.08].

Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, cựu SV, doanh nghiệp đánh giá tốt về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.18.04.09], [H1.18.04.10]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.18.04.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.18.04.12], [H1.18.04.13].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu và triển khai thực hiện, trong đó Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để thực hiện.

- Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường, trong đó quy định rõ việc triển khai thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu.

- Trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học và văn bản quy định KPIs của Nhà trường ban hành có quy định các KPIs về hoạt động NCKH của Trường.

- Các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động NCKH theo kế hoạch đã ban hành và sử dụng các KPIs về hoạt động NCKH để đánh giá kết quả thực hiện hoạt động NCKH của Trường.

- Hằng năm, căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, điều chỉnh các KPIs về hoạt động NCKH phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Trường.

- Nhà trường ký kết các văn bản hợp giữa với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp và triển khai, tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về NCKH cũng như có các công trình công bố chung.

- Nhà trường chú trọng triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN và đã có được nguồn thu từ hoạt động KHCN.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH với kết quả đánh giá tốt về công tác quản lý hoạt động NCKH của Trường.

- Trong giai đoạn 2015-2019, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện đề tài NCKH với các đối tác và đem nguồn thu từ NCKH và CGCN cho Trường nhằm tăng nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH và CGCN.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	5.0
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Mô tả: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV [H1.19.01.01]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên đảm nhận việc hỗ trợ CB, GV, SV đăng ký, quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ của Nhà trường. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT được cử tham gia các khóa tập huấn về quản lý, bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu, đồng thời đã chủ động nghiên cứu các nội dung về Luật SHTT [H1.19.01.02], [H1.19.01.03], [H1.19.01.04], [H1.19.01.05], [H1.19.01.06], [H1.19.01.07]. Trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ do Nhà trường ban hành có quy định về trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, SV trong việc đăng ký, quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ của Nhà trường [H1.19.01.08], [H1.19.01.09], [H1.19.01.10], [H1.19.01.11], [H1.19.01.12], [H1.19.01.13], [H1.19.01.14], [H1.19.01.15], [H1.19.01.16], [H1.19.01.17], [H1.19.01.18].

Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ do Nhà trường ban hành có quy định rõ về việc bảo vệ quyền SHTT, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác của CB, GV, SV; và định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Bên cạnh đó, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV. Nhà trường thông báo Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H1.19.01.19], [H1.19.01.20].

Trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường, Nhà trường có quy định rõ chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu do CB, GV, SV thực hiện [H1.19.01.18], [H1.19.01.20]. Bên cạnh đó, trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định rõ mức chi và kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện các đề tài NCKH cũng như công bố các công trình khoa học, các bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước [H1.19.01.21].

Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H1.19.01.18]. Bên cạnh đó, trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định trách nhiệm, quyền lợi của Nhà trường và của CB, GV, SV trong việc khai thác tài sản trí tuệ [H1.19.01.21]. Trong các hợp đồng xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình của Trường với các nhà xuất bản có điều khoản nêu rõ về bản quyền tác giả và việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là kết quả NCKH cũng được quy định rõ ràng [H1.19.01.22].

Nhà trường quy định cụ thể quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu và được thể hiện trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường đã ban hành [H1.19.01.20]. Các đề tài NCKH của CB, GV, SV Nhà trường đều đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu. Hằng năm Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thống kê các đề tài NCKH được nghiệm thu, đồng thời đề xuất các đề tài được đánh giá kết quả tốt để đăng ký quyền SHTT [H1.19.01.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH của CB, GV [H1.19.01.25], [H1.19.01.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Mô tả: Trong kế hoạch hoạt động NCKH hằng năm của Nhà trường đều có nội dung về đăng ký SHTT [H1.19.02.01]. Bên cạnh đó, trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường ban hành nêu rõ yêu cầu các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật [H1.19.02.02]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC chủ trì và phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc phổ biến cụ thể và theo dõi việc thực hiện đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ theo đúng các quy định của pháp luật [H1.19.02.03].

Để triển khai thực hiện Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn CB, GV, SV các nội dung cụ thể trong văn bản quy định về SHTT của Nhà trường đã ban hành [H1.19.02.04]. Trên cơ sở đó, Khoa tiếp tục phổ biến đến GV và SV về quy trình, biểu mẫu cần thực hiện để đăng ký quyền SHTT cũng như các nội dung liên quan đến việc khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền SHTT [H1.19.02.05]. Ngoài ra, Quy định về SHTT của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.19.02.06].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện cập nhật dữ liệu, rà soát các đề tài NCKH theo từng học kỳ [H1.19.02.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu và triển khai để CB, GV kê khai các công trình khoa học trên lý lịch khoa học nhằm chống đạo văn, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của CB, GV [H1.19.02.08], [H1.19.02.09]. Trong giai đoạn

2015-2019, không có tình trạng đạo văn, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với CB, GV, SV Nhà trường [H1.19.02.10], [H1.19.02.11].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Mô tả: Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để thực hiện rà soát công tác quản lý TSTT [H1.19.03.01], [H1.19.03.02], [H1.19.03.03], [H1.19.03.04], [H1.19.03.05], [H1.19.03.06]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC hợp với các đơn vị trực thuộc để rà soát công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.03.07]. Trên cơ sở đó, năm 2018 và năm 2019, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện báo cáo rà soát công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.03.08].

Trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, Nhà trường luôn đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.03.09], [H1.19.03.10]. Bên cạnh đó, đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.19.03.11]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thường xuyên báo cáo kết quả công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.03.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, CB, GV, SV Nhà trường không vi phạm quy định về SHTT.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Mô tả: Căn cứ kết quả rà soát công tác quản lý TSTT hằng năm, BGH Nhà trường hợp với Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các Khoa đề xác định các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.01], [H1.19.04.02], [H1.19.04.03]. Các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường được thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện [H1.19.04.04]. Các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.19.04.05], [H1.19.04.06]. Các đơn vị trực thuộc triển khai các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.07], [H1.19.04.08]. Nhà trường dành kinh phí hằng năm cho việc thực hiện biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.09].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.10], [H1.19.04.11]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.12], [H1.19.04.13], [H1.19.04.14], [H1.19.04.15]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường với trên 80% ý kiến của CB, GV Nhà trường đánh giá hài lòng về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.16]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.19.04.17].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng, ban hành Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

- Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và tham khảo các văn bản của các trường ĐH trên toàn quốc.

- Nhà trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn CB, GV, SV các nội dung trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường ban hành.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV, đồng thời áp dụng các biện pháp thúc đẩy công tác SHTT của Trường.

- Trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường có các nội dung về đăng ký SHTT và triển khai thực hiện.

- Các đề tài NCKH của CB, GV, SV của Trường đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ theo quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.

- Nhà trường định kỳ triển khai rà soát công tác quản lý TSTT và tiến hành tổng kết công tác quản lý TSTT của Trường.

- Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường.

- Trong giai đoạn 2015-2019, CB, GV, SV Nhà trường không vi phạm quy định về SHTT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Kinh phí hỗ trợ của Trường đối với CB, GV, SV đăng ký SHTT còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường mức kinh phí hỗ trợ đối với CB, GV, SV đăng ký SHTT.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	4.5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Mô tả: Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT của Trường ban hành có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H1.20.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về lựa chọn đối tác hợp tác, trong đó thể hiện các bước cụ thể từ khâu tìm kiếm thông tin về các đối tác, hợp tác, lựa chọn đối tác, tiến hành liên hệ, ký

kết hợp tác với các đối tác [H1.20.01.02]. Nhà trường thông báo Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT, quy trình lựa chọn đối tác hợp tác của Trường ban hành đến các đơn vị để thực hiện [H1.20.01.03], [H1.20.01.04].

Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch trung về hoạt động KHCN-HTQT giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung chiến lược phát triển hợp tác, đối tác phù hợp với TN, SM của Trường [H1.20.01.05], [H1.20.01.06], [H1.20.01.07], [H1.20.01.08], [H1.20.01.09]. Nhà trường triển khai KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện [H1.20.01.10], [H1.20.01.11], [H1.20.01.12]. Ngoài ra, công tác phát triển hợp tác, đối tác được thể hiện trong kế hoạch công tác hằng năm của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.20.01.13].

Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác [H1.20.01.01]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được giao trách nhiệm chính và phối hợp các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc để phát triển hợp tác và các đối tác của Trường [H1.20.01.14], [H1.20.01.15], [H1.20.01.16], [H1.20.01.17], [H1.20.01.18], [H1.20.01.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích các CB, GV tham gia có trách nhiệm kết nối, giới thiệu về trường nhằm phát triển các hợp tác, đối tác của Trường [H1.20.01.20]. Các văn bản quy định về hoạt động HTQT được Nhà trường công bố công khai trên website của Trường và phổ biến đến CB, GV, SV trong toàn trường [H1.20.01.21].

Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025,, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường có các KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.20.01.05], [H1.20.01.06], [H1.20.01.07], [H1.20.01.08]. Bên cạnh đó, trong văn bản quy định về các KPIs của Trường có các KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.20.01.22]. Dựa trên cơ sở đó, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc triển khai thực hiện phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu nhằm đạt được các KPIs đã xác định [H1.20.01.20]. Các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu của Nhà trường với các đối tác được thực hiện phù hợp TN, SM, các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.20.01.23], [H1.20.01.24], [H1.20.01.25], [H1.20.01.26], [H1.20.01.27], [H1.20.01.28], [H1.20.01.29], [H1.20.01.30], [H1.20.01.31]. Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC rà soát, tổng kết kết quả hoạt động hợp tác, đối tác của Nhà trường nói chung và hợp tác, đối tác trong nghiên cứu nói riêng [H1.20.01.32], [H1.20.01.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Mô tả: Đề án thành lập Trường và Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch trung về hoạt động KHCN-HTQT giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học của Nhà trường có các KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.20.02.01], [H1.20.02.02], [H1.20.02.03], [H1.20.02.04], [H1.20.02.05], [H1.20.02.06]. Nhà trường gửi KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện, trong đó có phát triển các hợp tác, đối tác [H1.20.02.07], [H1.20.02.08], [H1.20.02.09]. Tại các cuộc họp giao

ban, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu, trong đó Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện [H1.20.02.10], [H1.20.02.11], [H1.20.02.12], [H1.20.02.13], [H1.20.02.14], [H1.20.02.15], [H1.20.02.16]. Trên cơ sở đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các Khoa đã triển khai nhiều hoạt động với các đối tác, hợp tác đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu, trao đổi SV, trao đổi học thuật - văn hóa, tiếp nhận tình nguyện viên, hợp tác tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề [H1.20.02.17], [H1.20.02.18], [H1.20.02.19], [H1.20.02.20], [H1.20.02.21], [H1.20.02.22], [H1.20.02.23], [H1.20.02.24], [H1.20.02.25], [H1.20.02.26], [H1.20.02.27], [H1.20.02.28].

Đầu mỗi năm học, trong nội dung họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, BGH Nhà trường và Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, các Khoa lựa chọn, xác định các đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp với TN, SM của Trường [H1.20.02.10]. Theo kết luận giao ban của cuộc họp, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và các Khoa chủ động liên hệ và tham mưu Nhà trường ký kết hợp tác với các đối tác nghiên cứu đã xác định [H1.20.02.22], [H1.20.02.23]. Bên cạnh đó, Nhà trường động viên, khuyến khích CB, GV đã và đang học tập sau đại học ở nước ngoài chủ động hợp tác, phối hợp thực hiện các công trình nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước [H1.20.02.20], [H1.20.02.22], [H1.20.02.23], [H1.20.02.24], [H1.20.02.25].

Hằng năm, CB, GV Nhà trường tích cực phối hợp với các đơn vị, cá nhân bên ngoài Trường để thực hiện đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh cũng như phối hợp với, các doanh nghiệp với các sở ban ngành tổ chức các hội thảo khoa học [H1.20.02.27]. Bên cạnh đó, GV của Trường tích cực hợp tác nghiên cứu với các GV của các trường ĐH khác ở trong và ngoài nước để công bố các công trình khoa học các bài báo chung, các quyển sách đồng tác giả [H1.20.02.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tích cực hợp tác với các Trường ĐH, các cơ sở đào tạo, các tổ chức quốc tế nhằm triển khai hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực như: hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu, trao đổi SV, trao đổi học thuật, trao đổi văn hóa, tiếp nhận tình nguyện viên, hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề trong và ngoài nước [H1.20.02.21], [H1.20.02.22], [H1.20.02.23], [H1.20.02.24], [H1.20.02.25], [H1.20.02.26], [H1.20.02.27], [H1.20.02.28].

Trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường luôn có nội dung quy định về việc dành kinh phí, chi phí cho hoạt động tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến tham và làm việc tại Trường [H1.20.02.29]. Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với Nhà trường luôn thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam [H1.20.02.30].

Nhà trường luôn dành kinh phí và áp dụng các chế độ hỗ trợ CB, GV, SV tham dự hội thảo, các cuộc thi, khóa tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển các hợp tác, đối tác nghiên cứu [H1.20.02.31]. Nhà trường thường xuyên tổ chức chương trình hợp tác giao lưu của SV Trường với SV các trường ĐH khác ở trong và ngoài nước [H1.20.02.32]. Hằng năm, Nhà trường cử SV tham gia giao lưu văn hóa truyền thống, trao đổi kinh nghiệm học tập. Thông qua hội thảo, các GV trường có cơ hội tiếp xúc với các GV, giáo sư các trường ĐH khác để trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm, tìm kiếm học bổng và cơ hội hợp tác nghiên cứu.

Nhà trường chủ động mời các chuyên gia nước ngoài đến trường làm việc, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học [H1.20.02.27]. Nhà trường tích cực triển khai các văn bản ký kết trong ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.20.02.22], [H1.20.02.23]. Đối với

các văn bản ký kết chưa được triển khai, Nhà trường thường xuyên rà soát và đưa ra những giải pháp thích hợp để thúc đẩy quan hệ hợp tác [H1.20.02.33]. Nhà trường cử người liên hệ với đối tác nước ngoài đề xuất hoạt động, cử CB, GV sang thăm và đề xuất hợp tác, đề nghị ký MOU, MOA với Trường. Thông qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường đã được hỗ trợ và trang bị nhiều thiết bị, phương tiện nghiên cứu hiện đại cũng như góp phần đáng kể nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV của Trường [H1.20.02.34], [H1.20.02.35], [H1.20.02.36].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Mô tả: Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có quy định về quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nghiên cứu [H1.20.03.01]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Trường; kiểm tra, giám sát tiến độ các đề tài, dự án NCKH, đặc biệt đối với các dự án có sự hợp tác với các đối tác trong và ngoài. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên của Phòng giám sát, báo cáo hoạt động hợp tác trong nghiên cứu của toàn trường [H1.20.03.02], [H1.20.03.03], [H1.20.03.04], [H1.20.03.05], [H1.20.03.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho 01 thành viên BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH chịu trách nhiệm rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của khoa [H1.20.03.07], [H1.20.03.08], [H1.20.03.09]. Cuối mỗi năm học, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu, các công trình khoa học đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường [H1.20.03.10]. Kết quả rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H1.20.03.11], [H1.20.03.12]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban, Phòng NCKH-HTQT và các Khoa báo cáo hiệu quả của các hợp tác về tài chính, cơ sở vật chất, rà soát về số lượng hợp tác, số hội thảo, số đoàn vào, đoàn ra, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước [H1.20.03.13].

Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường đã chỉ đạo Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp với các đơn vị trực thuộc triển khai rà soát hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác chiến lược của Trường [H1.20.03.14]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phối hợp với các Khoa để thống kê hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH [H1.20.03.10]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, Nhà trường luôn đánh giá về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác chiến lược của Trường [H1.20.03.10], [H1.20.03.11], [H1.20.03.15], [H1.20.03.16]. Ngoài ra, ý kiến khảo sát của CB, GV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường [H1.20.03.17], [H1.20.03.18], [H1.20.03.19], [H1.20.03.20], [H1.20.03.21], [H1.20.03.22], [H1.20.03.23].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Mô tả: Dựa trên Quy định về lựa chọn đối tác hợp tác của Trường, các kết quả rà soát, đánh giá, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác [H1.20.04.01], [H1.20.04.02], [H1.20.04.03], [H1.20.04.04], [H1.20.04.05], [H1.20.04.06], [H1.20.04.07], [H1.20.04.08]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác và phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện [H1.20.04.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, các Khoa có các nội dung phát triển hợp tác, phát triển đối tác trong nghiên cứu [H1.20.04.09], [H1.20.04.10], [H1.20.04.11]. Các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, trong đó đóng vai trò chủ yếu là Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC chú trọng triển khai phát triển đối tác và nâng cao hiệu quả hợp tác trong NCKH của Nhà trường [H1.20.04.12].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường phát triển thêm các đối tác trong và ngoài nước [H1.20.04.13]. Nhà trường ký kết 12 văn bản ký kết hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp trong nước, ký kết 14 văn bản hợp tác với các trường ĐH, học viện, các doanh nghiệp ngoài nước. Bên cạnh đó, đến nay, Nhà trường đã ký kết 14 văn bản hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp của 07 quốc gia, đó là Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Bulgari, Newzealand, Thái Lan [H1.20.04.14].

Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra [H1.20.04.03], [H1.20.04.04], [H1.20.04.06], [H1.20.04.07]. CB, GV của Nhà trường đã thực hiện 02 đề tài NCKH trong đó có sự tham gia, hợp tác của các đối tác bên ngoài Trường [H1.20.04.15]. Bên cạnh đó, CB, GV của Nhà trường đã công bố 127 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước, xuất bản 02 sách và giáo trình với sự hợp tác, tham gia của các đối tác bên ngoài Trường [H1.20.04.16], [H1.20.04.17]. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH, các doanh nghiệp tổ chức 14 hội nghị, hội thảo khoa học các cấp [H1.20.04.18], [H1.20.04.19].

Thông qua các hoạt động hợp tác, trong giai đoạn 2015-2019 có 197 lượt CB, GV Nhà trường đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, trong đó có 09 CB, GV đi học TS và 01 CB, GV đạt được học vị ThS tại nước ngoài [H1.20.04.20], [H1.20.04.21], [H1.20.04.22]. Bên cạnh đó, 27 SV của Nhà trường được cử tham dự các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H1.20.04.23], [H1.20.04.24]. Nhà trường có nhiều SV được nhận học bổng tài trợ bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế với số tiền hàng trăm triệu đồng. Qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường được tài trợ nhiều máy tính, laptop, máy ảnh, máy chiếu mini, Tivi, bàn ghế, kệ sách phòng trưng bày thông tin [H1.20.04.25], [H1.20.04.26].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy định quản lý, tổ chức, thực hiện công tác đối ngoại và HTQT, trong đó có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

- Nhà trường ban hành quy trình lựa chọn đối tác hợp tác, trong đó thể hiện các bước cụ thể từ khâu tìm kiếm thông tin về các đối tác, hợp lựa chọn đối tác, tiến hành liên hệ, ký kết hợp tác với các đối tác và thông báo đến các đơn vị thực hiện.

- Nhà trường ban hành và thực hiện KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học với các nội dung phát triển hợp tác, đối tác phù hợp với TN, SM của Trường.

- Nhà trường phân công Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp các phòng chức năng, đặc biệt là các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc triển khai phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu.

- Các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc của Nhà trường đã tích cực phối hợp và triển khai phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu.

- Số lượng các hợp tác, đối tác trong nghiên cứu của Nhà trường tăng qua từng năm và mang lại nguồn thu cho Trường thông qua hoạt động hợp tác, đối tác.

- Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường tiến hành rà soát tổng thể hiệu quả hợp tác, đối tác trong nghiên cứu cũng như nguồn thu có được từ hoạt động hợp tác, đối tác để từ đó áp dụng các biện pháp tăng cường hoạt động hợp tác, đối tác.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến, tăng cường hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu, đặc biệt là với các đối tác nước ngoài.

- Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra.

- Ý kiến khảo sát của CB, GV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do là trường ĐH mới thành lập nên nguồn lực mang lại cho Trường thông qua hoạt động hợp tác còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường bố trí nhân sự chuyên trách cho Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và động viên, khuyến khích các Khoa, đội ngũ CB, GV chủ động tìm kiếm, kết nối các hợp tác, đối tác trong nghiên cứu, đặc biệt là các đối tác nước ngoài.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	5.0
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn sứ mạng của cơ sở giáo dục

Mô tả: Trong nội dung Nghị quyết của Đảng ủy hằng năm, Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo BGH và các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.01.01]. Trên cơ sở đó, trong Đề cương KHCL, kế hoạch từng năm học của Nhà trường luôn có chính sách và tập trung triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.01.02], [H1.21.01.03]. Căn cứ kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường, các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các trung tâm trực thuộc trong kế hoạch hằng năm của đơn vị thể hiện nội dung về kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và nhằm góp phần thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường [H1.21.01.04], [H1.21.01.05], [H1.21.01.06].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H1.21.01.07], [H1.21.01.08]. Trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Nhà trường thông báo quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường ban hành đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV thực hiện [H1.21.01.09].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có thực hiện xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H1.21.01.10]. Bên cạnh đó, trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Theo đó, Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chủ trì và phối hợp các đơn vị để xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H1.21.01.11], [H1.21.01.12], [H1.21.01.13]. Phòng ĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để triển khai các hoạt động ĐT đối với cộng đồng [H1.21.01.14], [H1.21.01.15], [H1.21.01.16]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để triển khai các hoạt động nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp, các địa phương, các tổ chức xã hội,... [H1.21.01.17], [H1.21.01.18], [H1.21.01.19]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chủ trì và phối hợp và với các đơn vị, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV để triển khai các hoạt động PVCĐ [H1.21.01.20], [H1.21.01.21], [H1.21.01.22], [H1.21.01.23], [H1.21.01.24]. Kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong Đề cương KHCL, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc. BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để triển khai kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H1.21.01.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Mô tả: Thông qua hệ thống email, Nhà trường gửi thông báo Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học, trong đó có kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ, quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và

cung cấp các dịch vụ cộng đồng đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV và SV thực hiện [H1.21.02.01], [H1.21.02.02], [H1.21.02.03]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường phổ biến, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc triển khai kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ đã xác định [H1.21.02.04]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, yêu cầu CB, GV, NV tham gia thực hiện kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ của Trường và của đơn vị [H1.21.02.05]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCĐ cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị [H1.21.02.06], [H1.21.02.07], [H1.21.02.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị thực hiện nhiều chính sách kết nối và PVCĐ [H1.21.02.09], [H1.21.02.10], [H1.21.02.11], [H1.21.02.12], [H1.21.02.13], [H1.21.02.14], [H1.21.02.15], [H1.21.02.16]. Nhà trường tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn về tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ cho các cơ quan, cá nhân [H1.21.02.17]. CB, GV Nhà trường thực hiện các đề tài NCKH và các dự án cho các địa phương, sở, ban, ngành, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phục vụ xã hội [H1.21.02.18]. Công đoàn Nhà trường chức nhiều hoạt động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, quỹ vì người nghèo, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, kế hoạch tặng quà Tết cho người nghèo [H1.21.02.19]. Đoàn TN và Hội SV Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động PVCĐ như: Chiến dịch mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, tổ chức các ngày Lễ cho các em thiếu nhi, giúp đỡ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Ngày hội hiến máu nhân đạo,... [H1.21.02.20]. Nhà trường ký kết nhiều văn bản hợp tác với các đối tác và triển khai các hoạt động cụ thể về ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trong quá trình xây dựng văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, Nhà trường tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản khác của pháp luật [H1.21.02.21]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thông qua văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, các thành viên dự họp chú trọng và xem xét sự tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật [H1.21.02.04]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường thực hiện luôn đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật [H1.21.02.22], [H1.21.02.23], [H1.21.02.24], [H1.21.02.25]. Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và CB, GV, NV, SV trong giai đoạn 2015-2019 đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.02.26], [H1.21.02.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.03.01]. Bên cạnh đó, trong Đề cương KHCL, kế hoạch năm học của Nhà trường và các đơn vị có các chỉ tiêu phấn đấu về hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.03.02], [H1.21.03.03], [H1.21.03.04], [H1.21.03.05], [H1.21.03.06], [H1.21.03.07], [H1.21.03.08], [H1.21.03.09]. Trong văn bản ban hành các KPIs của Nhà trường có các KPIs về hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.21.03.10]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đạt được các KPIs về hoạt động kết nối và PVCĐ, đồng

thời giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV sử dụng chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD của Trường [H1.21.03.11].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã ban hành, Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL cấp trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng [H1.21.03.12], [H1.21.03.13], [H1.21.03.14]. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật CSDL của toàn trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng. CSDL của Nhà trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: kế hoạch, các bên tham gia, các đóng góp cho xã hội, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao, ... thông qua các hoạt động PVCD [H1.21.03.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc tham gia thực hiện các hoạt động PVCD đồng thời lưu trữ dữ liệu về kết quả thực hiện cũng như cuối năm học báo cáo Phòng CTCT&QLSV để cập nhật CSDL của Nhà trường [H1.21.03.16].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Bộ phận Thanh tra giáo dục và Ban Thanh tra nhân dân được phân công trách nhiệm giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường [H1.21.03.17], [H1.21.03.18], [H1.21.03.19], [H1.21.03.20], [H1.21.03.21], [H1.21.03.22]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của Ban TT nhân dân Nhà trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.21.03.23], [H1.21.03.24], [H1.21.03.25]. Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường [H1.21.03.26]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban, lãnh đạo các đơn vị báo cáo BGH Nhà trường kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát.

Kết thúc mỗi năm học, các đơn vị trực thuộc triển khai đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCD do đơn vị thực hiện và gửi về Phòng CTCT&QLSV để tổng hợp [H1.21.03.27]. Phòng CTCT&QLSV đối sánh kết quả các hoạt động kết nối và PVCD so với chỉ số đánh giá các hoạt động kết nối và PVCD trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành [H1.21.03.28]. Kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCD được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng CTCT&QLSV và của các đơn vị trực thuộc cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.21.03.24], [H1.21.03.25], [H1.21.03.29]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCD cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị [H1.21.03.30], [H1.21.03.31], [H1.21.03.32]. Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCD của Trường trong giai đoạn 2015-2019 [H1.21.03.33]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.21.03.34], [H1.21.03.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Trong Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường thể hiện rõ kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và

PVCĐ [H1.21.04.01], [H1.21.04.02], [H1.21.04.03]. Bên cạnh đó, kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và PVCĐ thể hiện trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc [H1.21.04.04], [H1.21.04.05], [H1.21.04.06], [H1.21.04.07], [H1.21.04.08]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.21.04.09], [H1.21.04.10]. Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H1.21.04.11]. Trong quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường và quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H1.24.04.12].

Kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.21.04.13], [H1.21.04.14], [H1.21.04.15], [H1.21.04.16]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học tiếp theo của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc luôn có các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H1.21.04.03], [H1.21.04.04], [H1.21.04.05], [H1.21.04.06], [H1.21.04.07], [H1.21.04.08]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc triển khai các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng theo kế hoạch [H1.21.04.17]. Nhà trường dành kinh phí hằng năm, đầu tư CSVC, trang thiết bị để tăng cường cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H1.21.04.09], [H1.21.04.10], [H1.21.04.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả cung cấp các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường được cải tiến qua từng năm [H1.21.04.18], [H1.21.04.19], [H1.21.04.20].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về khảo sát các bên liên quan, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H1.21.04.21], [H1.21.04.22]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường [H1.21.04.23], [H1.21.04.24], [H1.21.04.25], [H1.21.04.26], [H1.21.04.27]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 80% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.21.04.28]. Ngoài ra, ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.21.04.29].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo BGH và các đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.
- Các kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hằng năm.

- BGH Nhà trường phổ biến, triển khai, yêu cầu các đơn vị trực thuộc tích cực thực hiện kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.

- Các đơn vị trực thuộc chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để góp phần đạt được sứ mạng, tầm nhìn đã xác định.

- Nhà trường dành kinh phí hằng năm và đầu tư CSVC, trang thiết bị để triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

- Trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD.

- Nhà trường sử dụng các chỉ số đo lường hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường và của các đơn vị trực thuộc.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, góp phần nâng cao học hiệu của Trường.

- Kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm.

- Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động cải tiến hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.

- Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả cung cấp các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường được cải tiến qua từng năm.

- Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 80% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

- Nhà trường triển khai lấy ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức với kết quả thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng cựu SV và doanh nghiệp tham gia khảo sát về hiệu quả các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường đa dạng hoá phương thức khảo sát ý kiến của cựu SV và doanh nghiệp về hiệu quả các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, trong đó kết hợp khảo sát trực tuyến qua email, khảo sát bằng phiếu hỏi trực tiếp tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5.0
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5

Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, Phòng ĐT là đơn vị xây dựng và tham mưu kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H1.22.01.01], [H1.22.01.02], [H1.22.01.03], [H1.22.01.04], [H1.22.01.05]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H1.22.01.06]. Phòng ĐT đồng thời gửi kết quả tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của năm học trước thông qua sử dụng phần mềm quản lý ĐT đến các Khoa để tham khảo [H1.22.01.07], [H1.22.01.08]. Trên cơ sở đó, các Khoa gửi báo cáo dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H1.22.01.09]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT [H1.22.01.10], [H1.22.01.11]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H1.22.01.12]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa [H1.22.01.13], [H1.22.01.14].

Nhằm đảm bảo triển khai kế hoạch đào tạo năm học được triển khai hiệu quả, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Bộ phận Thanh tra theo dõi và giám sát hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV nhằm duy trì nề nếp giảng dạy và học tập đảm bảo tiến độ đào tạo đã được xác lập [H1.22.01.15], [H1.22.01.16], [H1.22.01.17]. Hằng tháng, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác thanh tra, giám sát đến BGH Nhà trường [H1.22.01.18]. Bên cạnh đó, trong phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT là đơn vị quản lý các chức năng phần mềm đào tạo bao gồm thông tin người học, kết quả học tập, thời khóa biểu, đăng ký học phần, SV đủ điều kiện tốt nghiệp; Phòng CTCT&QLSV là đơn vị quản lý chức năng theo dõi SV bị cảnh báo học vụ, SV bị buộc thôi học [H1.22.01.19], [H1.22.01.20]. Ngoài ra, Phòng ĐT theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại,... Định kỳ từng học kỳ, Phòng ĐT báo cáo số liệu về kết quả học tập của SV toàn trường đến BGH và gửi thông báo đến các đơn vị trực thuộc [H1.22.01.21], [H1.22.01.22]. Phòng CTCT&QLSV thông qua đội ngũ CVHT triển khai xét điểm rèn luyện cho SV [H1.22.01.23], [H1.22.01.24], [H1.22.01.25]. Định kỳ 1 tháng/1 lần, CVHT tổ chức sinh hoạt lớp để theo dõi, triển khai các hoạt động đào tạo, rèn luyện, hiểu rõ tình hình lớp, hỗ trợ giải quyết những khó khăn SV gặp phải trong quá trình học tập và rèn luyện [H1.22.01.26], [H1.22.01.27], [H1.22.01.28]. Định kỳ từng học kỳ, Phòng CTCT&QLSV triển khai để các Khoa chấm điểm rèn luyện của SV và trên cơ sở đó chấm kết quả rèn luyện của SV toàn trường [H1.22.01.29]. Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT do Khoa quản lý và có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H1.22.01.01].

Sau mỗi năm học, Phòng Đào tạo tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế; Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỉ lệ SV bị buộc thôi học, tỉ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.22.01.30]. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng Đào tạo cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp so với cùng kì các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kì, phòng đào tạo cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kì các năm trước [H1.22.01.31]. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long [H1.22.01.32]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H1.22.01.33].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H1.22.01.34]. Các biện pháp cải tiến chất lượng được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H1.22.01.35]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Nhà trường [H1.22.01.36], [H1.22.01.37], [H1.22.01.38], [H1.22.01.39], [H1.22.01.40], [H1.22.01.41].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường xây dựng và ban hành các CTĐT đáp ứng yêu cầu theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H1.22.02.01], [H1.22.02.02], [H1.22.02.03], [H1.22.02.04], [H1.22.02.05], [H1.22.02.06]. Trong nội dung các CTĐT đã được phê duyệt và ban hành đều thể hiện thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của người học được lấy ý kiến của GV bộ môn và thông qua Hội đồng Khoa học Đào tạo cấp Khoa, Hội đồng Khoa học Đào tạo cấp Trường trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H1.22.02.07], [H1.22.02.08]. Thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của người học là 4,72 năm. Nhà trường đăng tải các CTĐT trên website của Trường, của Phòng ĐT và gửi đến các Khoa để thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H1.22.02.09], [H1.22.02.10], [H1.22.02.11].

Khóa	Thời gian tốt nghiệp TB (năm)
2013	4.5
2014	4.45
2015	4
Toàn trường	4.26

Bảng 22.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình các CTĐT của Nhà trường

Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT do khoa quản lý [H1.22.02.12]. Phòng ĐT đồng thời gửi kết quả thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của SV của năm học trước thông qua sử dụng phần mềm quản lý ĐT đến các Khoa để tham khảo [H1.22.02.13]. Các Khoa gửi báo cáo xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H1.22.02.14]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT [H1.22.02.15], [H1.22.02.16]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H1.22.02.17], [H1.22.02.18].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chuyên môn theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường [H1.22.02.19], [H1.22.02.20], [H1.22.02.21], [H1.22.02.22], [H1.22.02.23], [H1.22.02.24], [H1.22.02.25], [H1.22.02.26], [H1.22.02.27]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng đào tạo quản lý, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H1.22.02.28]. Phòng ĐT phân công nhiệm vụ cho 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo kết quả giám sát định kỳ từng học kỳ. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV toàn trường. Các khoa chuyên môn theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các CTĐT của Khoa và định kỳ cuối mỗi học kỳ báo cáo kết quả về Phòng ĐT để tổng hợp [H1.22.02.29], [H1.22.02.30]. Kết quả theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H1.22.02.31], [H1.22.02.32].

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.22.02.33]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước [H1.22.02.34]. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [H1.22.02.35]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H1.22.02.36].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị trực thuộc [H1.22.02.37], [H1.22.02.38], [H1.22.02.39], [H1.22.02.40]. Trong giai đoạn 2015-2019, trong các báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó nhằm rút ngắn thời gian đào tạo [H1.22.02.41], [H1.22.02.42], [H1.22.02.43], [H1.22.02.44]. Nhà trường điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [H1.22.02.45]. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H1.22.02.46], [H1.22.02.47]. Trong giai đoạn 2015-2019, thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của SV Nhà trường là 4.26 năm.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Phòng ĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo của Nhà trường [H1.22.03.01], [H1.22.03.02], [H1.22.03.03], [H1.22.03.04], [H1.22.03.05]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và xác định tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do khoa quản lý [H1.22.03.06]. Phòng CTCT&QLSV gửi kết quả tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H1.22.03.07], [H1.22.03.08], [H1.22.03.09], [H1.22.03.10], [H1.22.03.11]. Các Khoa gửi báo cáo xác định dự kiến tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H1.22.03.12]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có xác lập tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.22.03.13], [H1.22.03.14]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H1.22.03.15].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.22.03.05]. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.22.03.10]. Từ năm 2018, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H1.22.03.16], [H1.22.03.17], [H1.22.03.18], [H1.22.03.19], [H1.22.03.20]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn, đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H1.22.03.21], [H1.22.03.22], [H1.22.03.23], [H1.22.03.24].

Kết quả khảo sát 342 cựu SV về tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp đạt tỷ lệ 69,3% SV có việc làm, trong đó có 67% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo [H1.22.03.25]. Đặc biệt, tỷ lệ SV tốt nghiệp các ngành có việc làm cao: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, CNKT điện, điện tử, CNKT điều khiển và TĐH, CNKT cơ điện tử, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. Trong năm 2020, Nhà trường xây dựng kế hoạch và khảo sát tình hình việc làm của SV sau 03 năm tốt nghiệp.

Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.22.03.26], [H1.22.03.27]. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H1.22.03.28]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H1.22.03.29].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 06 tháng tốt nghiệp của Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV được giao nhiệm vụ là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.22.03.30], [H1.22.03.31], [H1.22.03.32],

[H1.22.03.33], [H1.22.03.34], [H1.22.03.35], [H1.22.03.36]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện [H1.22.03.37]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H1.22.03.38], [H1.22.03.39]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.22.03.40], [H1.22.03.41], [H1.22.03.42]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện tỷ lệ có việc làm và sự hài lòng về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của SV Nhà trường tăng lên [H1.22.03.21], [H1.22.03.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.22.04.01], [H1.22.04.02], [H1.24.04.03], [H1.22.04.04], [H1.22.04.05], [H1.22.04.06], [H1.22.04.07]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H1.22.04.08], [H1.22.04.09], [H1.22.04.10], [H1.22.04.11]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát.

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.22.04.12], [H1.22.04.13], [H1.22.04.14], [H1.22.04.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu các khoa chuyên môn đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT do khoa quản lý [H1.22.04.16], [H1.22.04.17]. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trực thuộc tiến hành báo cáo thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.22.04.18], [H1.22.04.19]. Phòng CTCT&QLSV tổng hợp và thông báo đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến đến CB, GV, NV và SV thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.22.04.20].

Căn cứ kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các Khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của cựu SV và đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát online [H1.22.04.21]. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, đơn vị sử dụng lao động còn

được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường [H1.22.04.22].

Phòng ĐBCL&KT được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.22.04.05]. Trong kế hoạch công tác hằng năm của Phòng ĐBCL&KT có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.22.04.23]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CV, VC hằng năm [H1.22.04.24], [H1.22.04.25], [H1.22.04.26]. Ngoài ra, các khoa chuyên môn được yêu cầu tự giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các Khoa chuyên môn báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H1.22.04.27].

Phòng ĐBCL&KT thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.22.04.28], [H1.22.04.29]. Các khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.22.04.30]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.22.04.31].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H1.22.04.32], [H1.22.04.33]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường [H1.22.04.34], [H1.22.04.35], [H1.22.04.36]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường [H1.22.04.19].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường triển khai để các đơn vị trực thuộc phối hợp để phân tích, dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ

hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Kế hoạch đào tạo toàn khóa học và kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường thể hiện tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể, ban hành các văn bản quy định và triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan về tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả CTĐT của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường và thông báo kết quả khảo sát đến các đơn vị trực thuộc để từ đó áp dụng các biện pháp cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học, rút ngắn thời gian trung bình để tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số ngành có thời gian tốt nghiệp trung bình còn cao hơn so với thời gian dự kiến.

- Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của các ngành là chưa đồng đều.

3. Kế hoạch cải tiến

- Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT, đặc biệt là các CTĐT hiện nay có thời gian trung bình tốt nghiệp cao hơn dự kiến nhằm rút ngắn thời gian trung bình tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường công tác hướng nghiệp, bổ túc các kỹ năng cho SV các ngành hiện có SV tốt nghiệp khó có khả năng tìm việc làm để nâng cao khả năng có việc làm sau tốt nghiệp cho SV.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5.0

Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H1.23.01.01]. Đồng thời Quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H1.23.01.01]. Ngoài ra, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H1.23.01.02]. Nhà trường thông báo Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến các đơn vị để phổ biến CB, GV thực hiện [H1.23.01.03], [H1.23.01.04]. Đồng thời, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đăng tải trên website của Trường [H1.23.01.05].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của CB, GV, NV trong Nhà trường [H1.23.01.06], [H1.23.01.07], [H1.23.01.08], [H1.23.01.09]. Trên cơ sở đó; Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV [H1.23.01.10]. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV của Khoa [H1.23.01.11]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để cập nhật CSDL cấp trường [H1.23.01.12], [H1.23.01.13].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của GV Nhà trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.01.14], [H1.23.01.15], [H1.23.01.16], [H1.23.01.17], [H1.23.01.18], [H1.23.01.19], [H1.23.01.20].

Hằng năm, NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà từng GV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H1.23.01.21], [H1.23.01.22], [H1.23.01.23]. Trong

trường hợp GV không đảm bảo về số giờ NCKH sau khi quy đổi phải đạt được theo loại hình, số lượng và chất lượng NCKH được Nhà trường quy định sẽ bị xử lý theo quy định về thi đua khen thưởng [H1.23.01.24]. Bên cạnh đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.23.01.22]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.23.01.23].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của GV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H1.23.01.25]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H1.23.01.26], [H1.23.01.27], [H1.23.01.28]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của GV nói riêng [H1.23.01.29], [H1.23.01.30]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV [H1.23.01.31], [H1.23.01.32]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H1.23.01.33], [H1.23.01.34], [H1.23.01.35], [H1.23.01.36].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV do Nhà trường ban hành có nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà người học phải thực hiện [H1.23.02.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H1.23.02.02]. Ngoài ra, trong tiêu chuẩn của “Sinh viên 5 tốt” có quy định về việc tham gia NCKH của SV [H1.23.02.03]. Trong kế hoạch tổ chức các hoạt động KH-CN hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số lượng, số lượng và chất lượng NCKH của SV [H1.23.02.04], [H1.23.02.05], [H1.23.02.06].

Nhà trường phân công Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV Nhà trường [H1.23.02.07], [H1.23.02.08], [H1.23.02.09], [H1.23.02.10]. Trên cơ sở đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H1.23.02.11]. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ SV về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để cập nhật CSDL cấp trường [H1.23.02.12], [H1.23.02.13], [H1.23.02.14]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường

[H1.23.02.15]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Nhà trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ SV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.02.16], [H1.23.02.17], [H1.23.02.18], [H1.23.02.19], [H1.23.02.20], [H1.23.02.21].

Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Nhà trường phải thực hiện [H1.23.02.22]. Bên cạnh đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.23.02.23]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.23.02.24].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H1.23.02.25]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H1.23.02.04], [H1.23.02.26], [H1.23.02.06]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của SV nói riêng [H1.23.02.27], [H1.23.02.28]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H1.23.02.29], [H1.23.02.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H1.23.02.31], [H1.23.02.32], [H1.23.02.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có quy định cụ thể về các loại hình các NCKH cũng như quy định về việc trích dẫn các công trình khoa học [H1.23.03.01]. Trong Đề cương chiến lược phát triển Trường, kế hoạch trung hạn về hoạt động KHCN-HTQT giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường và các đơn vị luôn có chỉ tiêu về số lượng các công bố khoa học và tăng cường các trích dẫn, đặc biệt là các công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus [H1.23.03.02], [H1.23.03.03], [H1.23.03.04], [H1.23.03.05], [H1.23.03.06], [H1.23.03.07]. Các nội dung quy định về loại hình, số lượng các công bố khoa học và các trích dẫn trong từng giai đoạn và trong từng năm được Nhà trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến đến CB, GV, NV biết để thực hiện [H1.23.03.08].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường, trong đó bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF[H1.23.03.09], [H1.23.03.10], [H1.23.03.11], [H1.23.03.12]. Phòng NCKH-HTQT-

TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học và các trích dẫn của CB, GV Nhà trường [H1.23.03.13]. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa [H1.23.03.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công ở mỗi Khoa có 01 thành viên của BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH [H1.23.03.15]. Các Khoa theo dõi, giám sát đồng thời xây dựng CSDL về kết quả loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV của Khoa. Cuối mỗi năm học, các Khoa báo cáo kết quả loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV về Phòng NCKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H1.23.03.16]. Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC yêu cầu các đơn vị gửi các minh chứng về các bài báo, thông tin khoa học của GV đã được công bố. Các CB, GV của các đơn vị gửi minh chứng tập hợp theo đơn vị và được tổng hợp gửi về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để thống kê toàn trường [H1.23.03.17], [H1.23.03.18].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì và phối hợp các đơn vị thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn của đội ngũ GV Nhà trường [H1.23.03.19], [H1.23.03.20], [H1.23.03.21], [H1.23.03.22], [H1.23.03.23]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV Nhà trường [H1.23.03.24], [H1.23.03.25], [H1.23.03.26], [H1.23.03.27], [H1.23.03.28], [H1.23.03.29]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về các loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.03.30].

Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các công bố khoa học GV Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.23.03.31]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các công bố khoa học GV Nhà trường đạt được so với kế hoạch giai đoạn 2015-2019 [H1.23.03.32]. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.23.03.33]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.23.03.34].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm các trích dẫn của GV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm các trích dẫn của GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.23.03.35]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.23.03.05], [H1.23.03.06], [H1.23.03.07]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham

gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.23.03.36], [H1.23.03.37], [H1.23.03.38], [H1.23.03.39]. Trong giai đoạn 2015-2019, chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H1.23.03.40], [H1.23.03.41], [H1.23.03.42], [H1.23.03.43], [H1.23.03.44].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nhà trường ban hành văn bản Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và thông báo đến các đơn vị thực hiện cũng như phổ biến đến CB, GV, SV [H1.23.04.01], [H1.23.04.02], [H1.23.04.03], [H1.23.04.04], [H1.23.04.05], [H1.23.04.06]. Bên cạnh đó, trong văn bản quản lý hoạt động NCKH của GV của Nhà trường ban hành đồng thời có quy định các nội dung liên quan trực tiếp đến quản lý SHTT [H1.23.04.07]. Trong KHCL, kế hoạch trung hạn về hoạt động KHCN-HTQT giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch tổ chức các hoạt động khoa học - công nghệ của Nhà trường có nội dung quy định về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ [H1.23.04.08], [H1.23.04.09], [H1.23.04.10], [H1.23.04.11]. Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thống kê các đề tài NCKH được nghiệm thu, đối với các đề tài NCKH cấp trường, các sản phẩm KHCN có tính mới, tính sáng tạo và hàm lượng khoa học cao để Nhà trường hỗ trợ tác giả (hoặc nhóm tác giả) liên hệ và thực hiện các thủ tục pháp lý để đảm bảo quyền SHTT theo các quy định của Luật SHTT và quy định về SHTT của Nhà trường đã ban hành [H1.23.04.12], [H1.23.04.13]. Ngoài ra, các Khoa, bộ môn thường xuyên thông báo, động viên các chủ nhiệm đề tài được nghiệm thu chủ động đăng ký quyền SHTT đối với các kết quả nghiên cứu [H1.23.04.14].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.23.04.15], [H1.23.04.16], [H1.23.04.16], [H1.23.04.18], [H1.23.04.19]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.23.04.20]. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa [H1.23.04.21]. Cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV của đơn vị về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để cập nhật CSDL về tài sản trí tuệ của trường [H1.23.04.22], [H1.23.04.23].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.23.04.24]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.23.04.25], [H1.23.04.26], [H1.23.04.27], [H1.23.04.28], [H1.23.04.29]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.04.30].

Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV đã xác định trong kế hoạch năm học

[H1.23.04.31]. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.23.04.32], [H1.23.04.33], [H1.23.04.34].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ và xác định các biện pháp cải tiến số lượng tài sản trí tuệ của Trường [H1.23.04.35]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Nhà trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến loại hình và số lượng tài sản trí tuệ [H1.23.04.36], [H1.23.04.37], [H1.23.04.38]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH [H1.23.04.39], [H1.23.04.40]. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV đăng ký SHTT. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường có 01 công trình khoa học đang chờ Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận SHTT [H1.23.04.41].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.5: Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà nước về hoạt động KHCN ở trường ĐH, Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV, trong đó có quy định định mức cho các công trình NCKH [H1.23.05.01], [H1.23.05.02], [H1.23.05.03], [H1.23.05.04], [H1.23.05.05], [H1.23.05.06], [H1.23.05.07]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đồng thời quy định rõ về các mức chi cụ thể cho đề tài NCKH các cấp cũng như các công bố khoa học [H1.23.05.08]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí phù hợp chi cho hoạt động KHCN [H1.23.05.09], [H1.23.05.10]. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động KHCN của Nhà trường chủ yếu trích từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường [H1.23.05.11]. Các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh còn có sự huy động vốn từ các đơn vị doanh nghiệp. Hàng năm, căn cứ kết quả trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm trước, Nhà trường sử dụng tối đa 10% số kinh phí trích lập Quỹ để hỗ trợ cho hoạt động khoa học - công nghệ cấp trường [H1.23.05.12].

Phòng ĐBCL&KT là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập hệ thống thông tin phản hồi của CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H1.23.05.13]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV có nội dung khảo sát về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.05.14], [H1.23.05.15], [H1.23.05.16], [H1.23.05.17], [H1.23.05.18], [H1.23.05.19]. Ngoài ra, tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV về ngân quỹ của Trường cho hoạt động NCKH [H1.23.05.20].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát việc phân bổ kinh phí hằng năm của Nhà trường, trong đó có kinh phí phân bổ cho hoạt động nghiên cứu [H1.23.05.21], [H1.23.05.22], [H1.23.05.23], [H1.23.05.24], [H1.23.05.25], [H1.23.05.26]. Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Ban Thanh tra nhân dân báo cáo việc phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu của

Nhà trường [H1.23.05.27]. Bên cạnh đó, việc giám sát còn được thực hiện bởi các CB, GV, trong toàn trường và báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị CB, CC, VC của Nhà trường hằng năm [H1.23.05.20], [H1.23.05.28]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả kiểm toán cho thấy Nhà trường thực hiện công tác tài chính đúng theo quy định của pháp luật [H1.23.05.29], [H1.23.05.30], [H1.23.05.31].

Hằng năm, Phòng TC-KT tiến hành đối sánh thực tế ngân quỹ chi cho hoạt động nghiên cứu so với dự toán kinh phí đã xác định từ đầu năm, đồng thời đối sánh nguồn chi so với nguồn thu từ hoạt động KHCN cũng như đối sánh năm này so với năm trước đó [H1.23.05.32], [H1.23.05.33], [H1.23.05.34]. Kết quả đối sánh được báo cáo BGH Nhà trường và trưởng các đơn vị trực thuộc tại cuộc họp giao ban của Trường [H1.23.05.35]. Căn cứ kết quả đối sánh, Phòng TC-KT đề xuất điều chỉnh, cải tiến mức đầu tư cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H1.23.05.09]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký duyệt tăng cường kinh phí chi cho hoạt động KHCN [H1.23.05.36]. Trong giai đoạn 2015-2019, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động KHCN tăng qua từng năm [H1.23.05.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H1.23.06.01]. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng. Nhà trường ban hành Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch trung hạn về hoạt động KHCN-HTQT giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường, trong đó có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo và Nhà trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện cũng như phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.23.06.02], [H1.23.06.03], [H1.23.06.04], [H1.23.06.05], [H1.23.06.06], [H1.23.06.07].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H1.23.06.08]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV có khảo sát về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường [H1.23.06.09], [H1.23.06.10], [H1.23.06.11], [H1.23.06.12], [H1.23.06.13]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.23.06.14].

Trong Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường khuyến khích CBGV thực hiện các đề tài KH&CN với doanh nghiệp và địa phương [H1.23.06.01]. Trong năm 2018, Trường cũng tham gia khảo sát của Sở Khoa học và Công nghệ về “Khảo sát thực trạng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại thành phố Cần Thơ” góp phần đánh giá thực trạng khởi nghiệp tại Trường và nhu cầu thông tin về hoạt động khởi nghiệp [H1.23.06.15]. Năm học 2019 - 2020, Nhà trường đang triển khai thực hiện đề tài NCKH về “Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ” để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp tại Trường [H1.23.06.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng cử các CBGV của Trường tham gia vào tập huấn các khoá khởi nghiệp trong và ngoài nước như: Thanh niên khởi nghiệp,

Hành trang khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hành trang khởi nghiệp cho sinh viên [H1.23.06.17].

Hàng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả nghiên cứu, sáng tạo đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.23.06.18], [H1.23.06.19]. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của CB, GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.23.06.20]. Căn cứ kết quả đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hoạt động nghiên cứu và sáng tạo và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động nghiên cứu và sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các nghiên cứu và sáng tạo [H1.23.06.21]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động nghiên cứu và sáng tạo và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Các đơn vị của Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp nâng cao số lượng và chất lượng hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của Trường. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường được cải thiện qua từng năm [H1.23.06.22], [H1.23.06.23].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong các văn bản về NCKH của GV do Nhà trường ban hành có quy định về loại hình, số lượng NCKH mà GV phải đảm nhiệm và triển khai thực hiện trong toàn trường.
- Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành.
- Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để GV, SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định.
- Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của GV, SV, loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ.
- Hàng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của GV cũng như của SV, loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ.
- Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của GV và của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của GV và của SV Trường.
- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV, SV, tăng cường loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ của Trường.
- Hàng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH với mức kinh phí tăng dần qua từng năm.
- Việc thu chi ngân quỹ dành cho hoạt động KHCN của Nhà trường được giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch và không có vi phạm trong giai đoạn đánh giá.

- Nhà trường luôn chú trọng về kết quả nghiên cứu, sáng tạo và áp dụng nhiều biện pháp để nâng cao kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các tài sản trí tuệ của Nhà trường còn hạn chế so với tiềm lực NCKH của CB, GV, SV Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tích cực hỗ trợ, tăng cường động viên khuyến khích đề CB, GV, SV Trường đăng ký Giấy chứng SHTT đối với các công trình NCKH đã thực hiện.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	4.5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.01], [H1.24.01.02]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội để phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H1.24.01.03]. Bên cạnh đó, trong Đề cương chiến lược phát triển Trường, kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.04], [H1.24.01.05]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc đồng thời có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội mà đơn vị cần thực hiện [H1.24.01.06] , [H1.24.01.07], [H1.24.01.08], [H1.24.01.09], [H1.24.01.10], [H1.24.01.11].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.12], [H1.24.01.13], [H1.24.01.14], [H1.24.01.15], [H1.24.01.16], [H1.24.01.17], [H1.24.01.18]. Trong kế hoạch công tác hằng năm của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục có nội dung giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.24.01.19]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám

sát của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục Trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.01.20], [H1.24.01.21], [H1.24.01.22], [H1.24.01.23]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H1.24.01.24], [H1.24.01.25]. Phòng ĐT báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động ĐT [H1.24.01.26]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động NCKH [H1.24.01.21]. Phòng CTCT&QLSV báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.01.27].

Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.24.01.28]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với kế hoạch giai đoạn trong 2015-2019 [H1.24.01.29]. Ngoài ra, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.24.01.30]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với Trường ĐHSPT Vĩnh Long, Trường ĐHSPT Vĩnh Long cũng như đối sánh với các tiêu chí về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.24.01.31], [H1.24.01.32], [H1.24.01.33].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.34], [H1.24.01.35]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.24.01.34], [H1.24.01.35], [H1.24.01.36], [H1.24.01.37], [H1.24.01.38], [H1.24.01.39], [H1.24.01.40]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.24.01.41].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, Phòng CTCT&QLSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.24.01.42]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội và phân

công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.24.01.43]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các phòng chức năng và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.06], [H1.24.01.07], [H1.24.01.08], [H1.24.01.09], [H1.24.01.10], [H1.24.01.11]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.44], [H1.24.01.45], [H1.24.01.46]. Trong giai đoạn 2015-2019, loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường tăng lên qua từng năm. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.01.47], [H1.24.01.48].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.02.01], [H1.24.02.02]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.02.03], [H1.24.02.04], [H1.24.02.05], [H1.24.02.06], [H1.24.02.07], [H1.24.02.08]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường trong từng năm học [H1.24.02.09]. Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Phòng ĐBCL&KT khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường [H1.24.02.10], [H1.24.02.11]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức, Phòng CTCT&QLSV và các đơn vị trực thuộc tiếp thu ý kiến đánh giá của đại biểu tham dự về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường [H1.24.02.12], [H1.24.02.13]. Kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được lãnh đạo các đơn vị báo cáo tại các cuộc họp giao ban [H1.24.02.14]. Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.02.15], [H1.24.02.16], [H1.24.02.17], [H1.24.02.18], [H1.24.02.19], [H1.24.02.20], [H1.24.02.21].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.02.22], [H1.24.02.23], [H1.24.02.24]. Kết quả kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo giám sát của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục của Trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.02.25] [H1.24.02.20]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát

[H1.24.02.18], [H1.24.02.19]. Phòng ĐT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động ĐT [H1.24.02.16]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động NCKH [H1.24.02.15]. Phòng CTCT&QLSV báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.02.17].

Hàng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ mà Nhà trường đạt được so với kế hoạch trong giai đoạn 2015-2019 [H1.24.02.26]. Ngoài ra, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.24.02.27]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ mà Nhà trường đạt được so với Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long cũng như đối sánh với các tiêu chí về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.24.02.28], [H1.24.02.29], [H1.24.02.30].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.02.31], [H1.24.02.32]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường [H1.24.02.33], [H1.24.02.34], [H1.24.02.35], [H1.24.02.36]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.24.02.37].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường hàng năm, Phòng CTCT&QLSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị đề ra kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường [H1.24.02.38]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.24.02.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các phòng chức năng và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCĐ [H1.24.02.03], [H1.24.02.04], [H1.24.02.05], [H1.24.02.06], [H1.24.02.07], [H1.24.02.08]. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.02.39], [H1.24.02.40], [H1.24.02.41]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường tăng lên qua từng năm. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.24.02.42], [H1.24.02.43].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.24.03.01], [H1.24.03.02], [H1.24.03.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.24.03.04], [H1.24.03.05], [H1.24.03.06], [H1.24.03.07], [H1.24.03.08]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường trong từng năm học [H1.24.03.09]. Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Phòng ĐBCL&KT khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường [H1.24.03.10], [H1.24.03.11]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức, Phòng CTCT&QLSV và các đơn vị trực thuộc tiếp thu ý kiến đánh giá của đại biểu tham dự về tác động của hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đối với CB, GV [H1.24.03.12], [H1.24.03.13]. Tại các diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của SV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đối với SV [H1.24.03.14]. Kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được lãnh đạo các đơn vị báo cáo tại các cuộc họp giao ban. Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.03.15], [H1.24.03.16], [H1.24.03.17], [H1.24.03.18], [H1.24.03.19], [H1.24.03.20], [H1.24.03.21].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.24.03.22], [H1.24.03.23], [H1.24.03.24]. Kết quả kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo giám sát của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục Trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.03.15], [H1.24.03.25] [H1.24.03.21]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD được yêu cầu tự giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H1.24.03.18], [H1.24.03.19]. Phòng ĐT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong hoạt động ĐT [H1.24.03.16]. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong hoạt động NCKH [H1.24.03.15]. Phòng CTCT&QLSV báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.24.03.17].

Hàng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.24.03.26]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV mà Nhà trường đạt được so với kế hoạch trong giai đoạn 2015-2019. Ngoài ra, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.24.03.27]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV mà Nhà trường đạt được so với Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long cũng như đối sánh với các tiêu chí về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.24.03.28], [H1.24.03.29], [H1.24.03.30].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.24.03.31], [H1.24.03.32]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường [H1.24.03.33], [H1.24.03.34], [H1.24.03.35], [H1.24.03.36], [H1.24.03.37]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.24.03.38].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường hàng năm, Phòng CTCT&QLSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội, trong đó có tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để rà kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H1.24.03.39]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCD và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.24.03.40]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các phòng chức năng và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCD [H1.20.03.03], [H1.24.03.04], [H1.24.03.05], [H1.24.03.06], [H1.24.03.07], [H1.24.03.08]. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. [H1.24.03.41], [H1.24.03.42], [H1.24.03.43] Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường tăng lên qua từng năm. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.24.03.44], [H1.24.03.45].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch hằng năm và triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.24.04.01], [H1.24.04.02], [H1.24.04.03], [H1.24.04.04], [H1.24.04.05]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.24.04.06], [H1.24.04.07], [H1.24.04.08], [H1.24.04.09], [H1.24.04.10]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hằng năm của Nhà trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát. Trong giai đoạn 2015-2019, mức độ hài lòng của CB, GV, SV về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường tăng dần qua từng năm và năm 2018, hơn 80% ý kiến của CB, GV, SV được khảo sát thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.24.04.11]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường tăng qua từng năm.

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H1.24.04.12], [H1.24.04.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu mỗi đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD do đơn vị triển khai thực hiện. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tiến hành báo cáo thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD [H1.24.04.14]. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm và ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.24.04.15], [H1.24.04.16], [H1.24.04.17].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và Bộ phận Thanh tra giáo dục được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.24.04.18], [H1.24.04.19], [H1.24.04.20]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo giám sát của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của Bộ phận Thanh tra giáo dục Trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác trọng tâm tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.24.04.21], [H1.24.04.22], [H1.24.04.15]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD được yêu cầu tự giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát.

Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so

với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.24.04.23]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với kế hoạch trong giai đoạn 2015-2019 [H1.24.04.24]. Các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.24.04.25]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.24.04.26], [H1.24.04.27], [H1.24.04.28].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, Phòng CTCT&QLSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có nội dung nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất [H1.24.04.29]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.24.04.30]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các phòng chức năng và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.04.31], [H1.24.04.32], [H1.24.04.33], [H1.24.04.34], [H1.24.04.35]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. [H1.24.04.36], [H1.24.04.37], [H1.24.04.38] Trong giai đoạn 2015-2019, sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội tăng lên qua từng năm. Nhà trường đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có những thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.24.04.39], [H1.24.04.40].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.
- Các nội dung về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc.
- Nhà trường dành nguồn lực và phân công các trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc tham gia thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.
- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nhiều hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng.

- Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV.

- Nhà trường triển khai hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình, khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD; tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường triển khai giám sát, đối sánh tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện nhiều biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội do Nhà trường triển khai thực hiện.

- Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có những thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động kết nối và PVCD.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Kinh phí chi cho hoạt động kết nối và PVCD còn hạn chế, chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp nên các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và PVCD chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Nhà trường áp dụng các biện pháp tăng cường xã hội hóa các hoạt động kết nối và PVCD nhằm tăng nguồn kinh phí cũng như đa dạng các loại hình kết nối và PVCD của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	5.0
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 71/2006/TT-BTC [H1.25.01.01], [H1.25.01.02], [H1.25.01.03], [H1.25.01.04]. Căn cứ Đề án thành lập trường đã được phê duyệt, Nhà trường đã xây dựng đề án tự chủ một phần chi thường xuyên và được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt kế hoạch

tự chủ tài chính giai đoạn 2014-2016 và giai đoạn 2017-2019, trong đó có quy định định rõ từng mục lục ngân sách chi cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.25.01.05], [H1.25.01.06], [H1.25.01.07]. Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy, Đề án thành lập trường, Phòng TC-KT tham mưu Hiệu trưởng ban hành KH trung hạn công tác tài chính giai đoạn 2013-2016, kế hoạch trung hạn công tác tài chính giai đoạn 2017-2019, trong đó thể hiện rõ các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.25.01.08], [H1.25.01.09], [H1.25.01.10], [H1.25.01.11], [H1.25.01.12], [H1.25.01.13]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Phòng TC-KT có các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.25.01.14], [H1.25.01.15].

Hàng năm, Phòng TC-KT xây dựng kế hoạch dự toán thu chi tài chính, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.25.01.16]. Nhà trường công khai kế hoạch tài chính đã được phê duyệt để các đơn vị thực hiện [H1.25.01.17]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT là đơn vị giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.18], [H1.25.01.19], [H1.25.01.20]. Báo cáo kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường được gửi đến BGH và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.25.01.21], [H1.25.01.22], [H1.25.01.23], [H1.25.01.24], [H1.25.01.25]. Việc giám sát kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường còn có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Thanh tra giáo dục trường và giám sát của các cơ quan quản lý tài chính ngoài trường [H1.25.01.26], [H1.25.01.27], [H1.25.01.28], [H1.25.01.29], [H1.25.01.30].

Phòng TC-KT thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch [H1.25.01.31]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ mà Nhà trường đạt được so với kế hoạch giai đoạn trong 2015-2019 [H1.25.01.32]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.25.01.33]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.25.01.34], [H1.25.01.35], [H1.25.01.36].

Bảng 25.1. Các chỉ số tài chính nguồn thu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
NSNN cấp	9.555.647	9.526.470	3.103.033	3.061.000	3.061.000
Nguồn thu học phí chính quy	8.932.706	14.735.167	18.873.558	23.034.481	25.757.642
Nguồn thu hoạt động dịch vụ	12.566.608	10.960.938	9.260.277	7.244.995	7.927.781

Bảng 25.2. Các chỉ số tài chính, cấu trúc nguồn chi của Trường

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Chi con người	16.818.364	18.344.278	14.350.451	15.918.083	17.743.139
Chi chuyên môn	5.110.267	5.979.613	5.887.120	6.392.518	6.607.642
Trích lập Quỹ PTHĐSN phục vụ mua sắm, sửa chữa	660.485	1.261.843	455.196	1.174.945	1.846.605
Chi học bổng khuyến khích học tập sinh viên	711.225	1.175.823	1.507.582	1.842.758	1.808.500

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.37], [H1.25.01.38]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.39], [H1.25.01.40], [H1.25.01.41], [H1.25.01.42], [H1.25.01.43]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường ở mức độ Khá [H1.25.01.44]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.45], [H1.25.01.46].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, Phòng TC-KT đề xuất các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.47]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.25.01.48]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng TC-KT có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.01.14], [H1.25.01.15]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.25.01.49], [H1.25.01.50].

Phòng TC-KT là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Phòng TC-KT phân công 01 viên chức quản lý CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Phòng TC-KT tổng hợp và lưu trữ CSDL về kết quả hoạt động tài chính, kết quả thực hiện đối

sánh về công tác tài chính của Trường [H1.25.01.51]. Phòng TC-KT sử dụng phần mềm MISA Mimosa để lưu trữ CSDL, theo dõi và quản lý hoạt động tài chính của Trường [H1.25.01.52]. Cơ sở dữ liệu về kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường do Phòng ĐBCL&KT lưu trữ [H1.25.01.53]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H1.25.01.44].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.25.02.01]. Đặc biệt, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường xác định chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ ở thành phố Cần Thơ là: vị trí thứ 3 trong hoạt động ĐT, vị trí thứ 3 trong hoạt động NCKH, vị trí thứ 2 trong hoạt động PVCĐ [H1.25.02.02]. Nhà trường thông báo chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đến các đơn vị biết để thực hiện [H1.25.02.03].

Nhà trường phân công Phòng TC-KT giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.04], [H1.25.02.05], [H1.25.02.06]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ có trách nhiệm tự giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ do đơn vị thực hiện [H1.25.02.07], [H1.25.02.08], [H1.25.02.09], [H1.25.02.10], [H1.25.02.11], [H1.25.02.12], [H1.25.02.13], [H1.25.02.14], [H1.25.02.15], [H1.25.02.16]. Kết quả giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H1.25.02.17], [H1.25.02.18], [H1.25.02.19], [H1.25.02.20], [H1.25.02.21], [H1.25.02.22]. Việc giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường còn có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Thanh tra giáo dục trường [H1.25.02.23], [H1.25.02.24], [H1.25.02.25], [H1.25.02.26], [H1.25.02.27], [H1.25.02.28].

Phòng TC-KT thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.25.02.29]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được so với kế hoạch giai đoạn trong 2015-2019 [H1.25.02.30]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được so với các tiêu chí về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.25.02.31]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.25.02.32], [H1.25.02.33].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.34], [H1.25.02.35]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung

khảo sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.36], [H1.25.02.37], [H1.25.02.38], [H1.25.02.39], [H1.25.02.40]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường ở mức độ Khá [H1.25.02.41]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.42], [H1.25.02.22].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, Phòng TC-KT đề xuất các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.43]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.25.02.44]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng TC-KT có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.14], [H1.25.02.15]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.45], [H1.25.02.46].

Phòng TC-KT là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường. Phòng TC-KT phân công 01 chuyên viên quản lý CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường. Phòng TC-KT tổng hợp và lưu trữ CSDL về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.47]. Phòng TC-KT sử dụng phần mềm MISA Mimosa để lưu trữ CSDL, theo dõi và quản lý hoạt động tài chính của Trường [H1.25.02.48]. Cơ sở dữ liệu về kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường do Phòng ĐBCL-KT lưu trữ [H1.25.02.49]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.25.02.41].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường.

- Nhà trường xác định chỉ số cạnh tranh của Trường so với các trường đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ và dựa trên dữ liệu tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT.

- Các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các hoạt động nhằm đạt được kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của trường cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà trường quy định trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Hằng năm, Nhà trường đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, SV về kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Trường.

- Nhà trường tiến hành điều chỉnh và áp dụng các biện pháp đạt được kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD đã xác định.

- Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ và rõ ràng.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của trường cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa xác định chỉ số cạnh tranh so với các trường đại học khác trong khu vực ĐBSCL.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành xác định chỉ số cạnh tranh của Trường so với các trường đại học khác trong khu vực ĐBSCL.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	5,0
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (Mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	4,98	

I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	5,0	
1	1.1 Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
2	1.2 Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	5	
3	1.3 Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.	5	
4	1.4 Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
5	1.5 Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	5,0	
6	2.1 Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	5	
7	2.2 Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	5	
8	2.3 Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.	5	
9	2.4 Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.	5	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	5,0	
10	3.1 Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	5	
11	3.2 Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	5	
12	3.3 Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát	5	

	thường xuyên.		
13	3.4 Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý	5	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	5,0	
14	4.1 Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
15	4.2 Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	5	
16	4.3 Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.	5	
17	4.4 Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	5,0	
18	5.1 Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	5	
19	5.2 Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến thực hiện.	5	
20	5.3 Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.	5	
21	5.4 Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	5,0	
22	6.1 Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
23	6.2 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.	5	

24	6.3 Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.	5	
25	6.4 . Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	5	
26	6.5 Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
27	6.6 Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.	5	
28	6.7 Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
1.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	4,8	
29	7.1 Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	5	
30	7.2 Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	5	
31	7.3 Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành	5	
32	7.4 Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.	4	
33	7.5 Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.	5	

I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	5,0	
34	8.1 Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	5	
35	8.2 Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện	5	
36	8.3 Các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	5	
37	8.4 Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	5,00	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	5,0	
38	9.1 Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	5	
39	9.2 Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	5	
40	9.3 Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	5	
41	9.4 Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	5	
42	9.5 Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.	5	
43	9.6 Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	5,0	
44	10.1 Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	5	

45	10.2 Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	5	
46	10.3 Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	5	
47	10.4 Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	5,0	
48	11.1 Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.	5	
49	11.2 Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	5	
50	11.3 Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	5	
51	11.4 Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	5,0	
52	12.1 Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	5	
53	12.2 Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.	5	
54	12.3 Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	5	
55	12.4 Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.	5	
56	12.5 Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt	5	

	nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.		
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4,56	
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5.0	
57	13.1 Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.	5	
58	13.2 Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.	5	
59	13.3 Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện.	5	
60	13.4 Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.	5	
61	13.5 Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5,0	
62	14.1 Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	5	
63	14.2 Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	5	
64	14.3 Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.	5	
65	14.4 Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	5	
66	14.5 Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5,0	
67	15.1 Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.	5	

68	15.2 Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	5	
69	15.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.	5	
70	15.4 Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	5	
71	15.5 Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5,0	
72	16.1 Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.	5	
73	16.2 Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.	5	
74	16.3 Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.	5	
75	16.4 Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5,0	
76	17.1 Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.	5	
77	17.2 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	5	
78	17.3 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.	5	
79	17.4 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	5,0	
80	18.1 Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán	5	

	bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.		
81	18.2 Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	5	
82	18.3 Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	5	
83	18.4 Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4,5	
84	19.1 Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	5	
85	19.2 Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai	5	
86	19.3 Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện	4	
87	19.4 Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	5,0	
88	20.1 Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu	5	
89	20.2 Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu	5	
90	20.3 Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện	5	
91	20.4 Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5,0	
92	21.1 Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn sứ mạng của CSGD	5	
93	21.2 Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.	5	

94	21.3 Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	5	
95	21.4 Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,80	
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	5,0	
96	22.1 Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
97	22.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
98	22.3 Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
99	22.4 Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	4,5	
100	23.1 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
101	23.2 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
102	23.3 Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	4	
103	23.4 Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	4	
104	23.5 Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
105	23.6 Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	4	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	5,0	

106	24.1 Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
107	24.2 Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
108	24.3 Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
109	24.4 Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	5,0	
110	25.1 Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	
111	25.2 Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm.
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (tiêu chí 7.4; 19.3; 19.4; 23.3; 23.6).
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%).
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%).
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Huỳnh Thanh Nhã